

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ KIỀU GIANG

**TRUYỆN NGẮN THÁI NGUYÊN  
ĐẦU THẾ KỈ XXI (2000 - 2015)**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ VIỆT NAM**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2017**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**NGUYỄN THỊ KIỀU GIANG**

**TRUYỆN NGẮN THÁI NGUYÊN  
ĐẦU THẾ KỈ XXI (2000 - 2015)**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60.22.01.21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: TS Nguyễn Kiến Thọ**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, kết quả nghiên cứu trong Luận văn là trung thực, chưa được công bố.

*Thái Nguyên, tháng 04 năm 2017*

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Thị Kiều Giang**

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm khoa Ngữ Văn trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

Đặc biệt, tôi xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS Nguyễn Kiên Thọ - Người thầy hướng dẫn khoa học đã động viên, chỉ bảo và giúp đỡ tôi rất nhiều để hoàn thành luận văn.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè, thầy cô giáo đã động viên, khích lệ, tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

*Tác giả*

**Nguyễn Thị Kiều Giang**

## MỤC LỤC

|  |     |
|--|-----|
| LỜI CAM ĐOAN .....   | i   |
| LỜI CẢM ƠN.....  | ii  |
| MỤC LỤC .....  | iii |
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....  | 1   |
| 1. Lý do chọn đề tài .....   | 1   |
| 2. Lịch sử vấn đề.....   | 2   |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....   | 4   |
| 4. Nhiệm vụ nghiên cứu .....   | 5   |
| 5. Phương pháp nghiên cứu .....  | 5   |
| 6. Đóng góp của luận văn .....   | 6   |
| 7. Cấu trúc của luận văn .....   | 6   |
| <b>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN XUÔI THÁI NGUYÊN</b> .....   | 7   |
| 1.1. Vài nét về điều kiện tự nhiên - xã hội tỉnh Thái Nguyên .....                                 | 7   |
| 1.2. Văn xuôi Thái Nguyên trong dòng chảy văn học khu vực miền núi<br>phía Bắc .....               | 11  |
| 1.3. Diện mạo văn xuôi Thái Nguyên nhìn từ thể tài truyện ngắn .....                               | 14  |
| 1.4. Một số thành tựu và hạn chế của truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ<br>XXI (2000 - 2015) ..... | 17  |
| <b>Chương 2. NỘI DUNG TRUYỆN NGẮN THÁI NGUYÊN ĐẦU THẾ<br/>KỈ XXI (2000 - 2015)</b> .....           | 21  |
| 2.1. Sự mở rộng về đề tài và biên độ phản ánh .....  | 21  |
| 2.2. Cảm hứng chủ đạo trong truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI .....                           | 26  |
| 2.2.1. Cảm hứng ngợi ca - trữ tình .....   | 26  |
| 2.2.2. Cảm hứng thế sự - đời tư .....  | 31  |
| 2.3. Một số gương mặt tiêu biểu của truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ<br>XXI (2000 - 2015) .....  | 36  |
| 2.3.1. Hồ Thủy Giang .....   | 36  |
| 2.3.2. Bùi Thị Như Lan.....  | 42  |
| 2.3.3. Bùi Nhật Lai .....  | 48  |

|  |                 |
|--|-----------------|
| <b>Chương 3. MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT TRONG</b>                           |                 |
| <b>TRUYỆN NGẮN THÁI NGUYÊN ĐẦU THẾ KỈ XXI (2000 - 2015)</b>                    | <b>.....54</b>  |
| 3.1. Cốt truyện  | .....54         |
| 3.1.1. Cốt truyện theo thời gian tuyến tính                                    | .....54         |
| 3.1.2. Cốt truyện theo thời gian phi tuyến tính                                | .....60         |
| 3.1.3. Cốt truyện vừa mang tính hiện thực vừa mang tính huyền ảo               | .....65         |
| 3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI | .....70         |
| 3.2.1. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật thông qua miêu tả ngoại hình     | .....70         |
| 3.2.2. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật thông qua miêu tả hành động      | .....76         |
| 3.2.3. Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua độc thoại nội tâm                | .....81         |
| 3.3. Ngôn ngữ nghệ thuật   | .....88         |
| 3.3.1. Ngôn ngữ dung dị đời thường   | .....88         |
| 3.3.2. Ngôn ngữ mang đậm sắc thái dân tộc                                      | .....93         |
| <b>KẾT LUẬN</b>  | <b>.....98</b>  |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>  | <b>.....100</b> |

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

**1.1.** Thái Nguyên là một trong những trung tâm văn hóa của cả nước và là trung tâm văn hóa quan trọng của khu vực miền núi phía Bắc với sự hội tụ của các văn nghệ sĩ và đội ngũ trí thức đông đảo từ trên 30 trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn; cũng là nơi tiếp giáp với các trung tâm văn hóa lớn như Thủ đô Hà Nội và vùng Kinh Bắc. Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên là an toàn khu, Thủ đô kháng chiến; là nơi hội tụ của thế hệ văn nghệ sĩ kháng chiến. Thái Nguyên một thời là thủ phủ khu Tự trị Việt Bắc cũng là nơi ra đời của Hội Văn nghệ Việt Bắc với những tên tuổi vang danh, góp phần mở đầu và rạng rỡ cho nền văn học các dân tộc thiểu số phía Bắc. Từ khi thành lập Hội Văn nghệ Bắc Thái (nay là Hội Văn học nghệ thuật Thái Nguyên) đến nay, đội ngũ văn nghệ sĩ Thái Nguyên đã không ngừng lớn mạnh, vươn xa và góp phần không nhỏ vào sự phát triển mạnh mẽ của nền văn học Việt Nam hiện đại.

**1.2.** Truyện ngắn là một thể loại quan trọng. Với dung lượng ngắn gọn và với tính chất cơ động, truyện ngắn luôn có được những ưu thế nhất định trong đời sống văn học. Những tác phẩm tươi rói chất hiện thực và mang hơi thở của đời sống hiện đại. Vì vậy, qua việc nghiên cứu truyện ngắn Thái Nguyên, không chỉ góp phần nhận diện được đời sống hiện thực và đời sống văn chương Thái Nguyên với tư cách là một trung tâm văn hóa khu vực miền núi phía Bắc, mà còn hoàn toàn có thể hình dung về diện mạo và sự vận động, phát triển của nền văn xuôi miền núi phía Bắc cũng như nền văn xuôi Việt Nam đương đại.

**1.3.** Hiện nay, theo phân phối chương trình của Bộ giáo dục đào tạo, phần văn học địa phương giảng dạy tại các trường Trung học cơ sở bao gồm 24 tiết. Trong chương trình Đào tạo giáo viên Trung học cơ sở của trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, hai học phần lí luận văn học và văn học Việt Nam hiện đại cũng yêu cầu tìm hiểu về văn học địa phương, nên việc thực hiện đề tài này góp thêm một tài liệu bổ ích cho việc giảng dạy các phần học ấy.

**1.4.** Mặc dù đã có không ít những công trình, bài viết bàn luận, đánh giá về văn xuôi Thái Nguyên, nhưng cho đến thời điểm hiện tại, theo khảo sát của chúng tôi, hiện chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách qui mô, chuyên biệt về truyện ngắn Thái Nguyên. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài *Truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015)* cho công trình nghiên cứu của mình.

## **2. Lịch sử vấn đề**

Người quan tâm và có nhiều nghiên cứu về văn học dân tộc và miền núi cũng như văn học Thái Nguyên thời kì hiện đại là nhà giáo, nhà nghiên cứu phê bình văn học Lâm Tiến. Với nhiều bài viết khá sắc sảo thể hiện sự quan tâm sát sao, trân trọng, sự tiến bộ, trưởng thành cũng như những thành công của nền văn chương Thái Nguyên, của từng tác giả văn xuôi Thái Nguyên hiện đại. Trong bài viết *Truyện ngắn Văn nghệ Thái Nguyên* (2003), ông đã có những nhận định khá sắc sảo: “*Truyện ngắn trên báo Văn nghệ Thái Nguyên khởi sắc hơn, dày dặn hơn các năm trước. Hầu hết các truyện đều có dung lượng vừa phải, đều hướng tới việc phản ánh những thân phận, những cảnh ngộ và những vấn đề nhức nhối đang đặt ra trong cuộc sống hôm nay*”[57; tr.162]. Tác giả cũng chỉ ra những mặt được và chưa được của truyện ngắn Thái Nguyên. Bên cạnh những tác phẩm “*chân thực, sinh động, giàu hình tượng, giàu cảm xúc..., giải quyết vấn đề theo cách riêng mà vẫn phù hợp với nhân tình thế thái, hợp với tư tưởng nhân văn của thời đại*”, vẫn còn có những truyện “*chi tiết, ngôn ngữ, hình tượng còn nhẹ, phân tích diễn biến tâm lí nhân vật chưa tới. Có truyện còn chưa xác định rõ chủ đề nên tư tưởng toát ra từ những tác phẩm đó thường không rõ ràng, có khi còn mâu thuẫn*” [57; tr.169]

Năm 2008, Sở giáo dục và đào tạo Thái Nguyên xuất bản cuốn *Văn học Thái Nguyên* với tư cách là cuốn sách giới thiệu và giảng dạy về các tác phẩm về các tác giả Thái Nguyên trong trường THCS. Đây là cuốn sách văn học địa phương ra đời khá sớm ở vùng phía Bắc như một tài liệu chính thống để giảng



dạy trong nhà trường. Ngoài phần trích dẫn tác phẩm, nhóm biên soạn cũng dành những trang giới thiệu khái quát về văn học Thái Nguyên cũng như những nét phác thảo về chân dung của một số nhà văn cụ thể như Ma Trường Nguyên, Hồ Thủy Giang, Hà Đức Toàn, Bùi Thị Như Lan... “*Các cây bút văn xuôi Thái Nguyên, dù ít dù nhiều, dù thành công hay chưa thành công, đều đã bắt đầu có những chuyển động nhất định trong bút pháp, trong phương pháp, trong quan niệm về hiện thực và đã có những thành tựu nhất định*”. [58; tr.19] Có thể nói, đây là công trình đầu tiên giới thiệu một cách khái quát, tổng thể những thành tựu và hạn chế của nền văn chương Thái Nguyên đến bạn đọc.

Tiếp đó, năm 2009, tác giả Phạm Văn Vũ đã công bố cuốn *Ngẫu luận* (Nxb Hội nhà văn). Đây có lẽ là công trình giới thiệu đầy đủ nhất về chân dung các tác giả Thái Nguyên (cả thơ và văn xuôi) đương đại. Thông qua các cuộc phỏng vấn, đàm luận văn chương với các tác giả, những vấn đề quan niệm văn chương, quan điểm nghệ thuật, cá tính sáng tạo của nhà văn được bộc lộ... Hồ Thủy Giang khi nói về đời viết, ông nhiệt thành chia sẻ: “*Với tôi, có ba yếu tố quanh năm ngày tháng luôn thường trực, đó là: sống, đọc và nghĩ. Thêm nữa, cũng giống với nhiều cây bút khác, hình như trong khi viết tôi có được chút ít “cái lộc trời cho”, như người ta thường nói - sự thăng hoa*”. [60; tr.29]

Có thể nói rằng đội ngũ sáng tác của Thái Nguyên rất giàu tiềm năng “*Có nhiều người có tài, tâm huyết với hoạt động nghệ thuật*” (Nguyễn Đức Hạnh) song việc nghiên cứu về văn học Thái Nguyên nói chung, văn xuôi Thái Nguyên nói riêng vẫn còn có những hạn chế, nhất là văn xuôi Thái Nguyên đương đại.

Cho dù, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên cũng thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo về văn xuôi, truyện ngắn Thái Nguyên, về từng tác giả hoặc từng giai đoạn cụ thể như hội thảo về *Truyện ngắn Thái Nguyên 10 năm (2001 - 2011)* hay các hội thảo về nhà văn Ma Trường Nguyên, Hồ Thủy Giang..., các hội thảo này cũng thu hút được sự quan tâm đến văn học Thái Nguyên.

Nhìn lại hành trình mười năm gần đây của truyện ngắn Thái Nguyên, tác giả Vi Phương đã đánh giá: “*Truyện ngắn Thái Nguyên có sự đa dạng, phong phú về đề tài phản ánh. Các nhà văn đã không ngần ngại đi sâu vào những ngõ ngách tối tăm, những khúc quanh, ngã rẽ để phản ánh cuộc sống muôn màu, bộn bề đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ với những vui buồn, chiêm nghiệm. Cái nhìn của tác giả truyện ngắn là cái nhìn nhiều mặt và có chiều sâu khiến người đọc có cảm giác mình được bơi lội vùng vẫy trong biển đời rộng lớn, được chạm vào muôn mặt của cõi nhân sinh*” (Vi Phương - Truyện ngắn Thái Nguyên - mười năm nhìn lại, báo VNTN, số 43 (2016).

Nghiên cứu về sáng tác cụ thể của các nhà văn Thái Nguyên cũng dành được sự quan tâm đối với các đề tài nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, những đề tài này hầu hết đều tập trung nghiên cứu đến tất cả sáng tác của từng nhà văn, chứ không đi sâu vào thể tài truyện ngắn. Ngoài công trình nghiên cứu gần đây nhất là khóa luận tốt nghiệp của sinh viên Bùi Thị Lương với đề tài *Thế giới nghệ thuật trong truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan* (2015).

Tóm lại, mặc dù đã có không ít những công trình, bài viết bàn luận, đánh giá về truyện ngắn Thái Nguyên trong suốt hơn 10 năm qua, nhưng cho đến thời điểm hiện tại, theo khảo sát của chúng tôi, hiện chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách qui mô, chuyên biệt về truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn mười lăm năm đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015). Vì vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài *Truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015)* cho công trình nghiên cứu của mình.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài tập trung nghiên cứu truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015) trên hai phương diện chủ yếu là nội dung phản ánh và hình thức biểu hiện.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là toàn bộ truyện ngắn đã công bố của các tác giả Thái Nguyên trong khoảng thời gian 15 năm. Tập trung vào 2 cuốn:

- Tuyển tập Truyện ngắn Thái Nguyên (2001 - 2006)
- Tuyển tập truyện ngắn Thái Nguyên (2006 - 2015)

- Ngoài ra, chúng tôi hướng sự tập trung vào việc nghiên cứu toàn bộ các tác phẩm đã xuất bản từ năm 2000 - 2015 của 3 tác giả truyện ngắn Thái Nguyên tiêu biểu: Hồ Thủy Giang, Bùi Thị Như Lan, Bùi Nhật Lai.

### **4. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Đề tài đặt ra những nhiệm vụ chính sau:

- Khảo sát toàn bộ truyện ngắn Thái Nguyên trong khoảng thời gian từ 2000 - 2015.

- Nghiên cứu hai phương diện đó là nội dung và nghệ thuật trong truyện ngắn Thái Nguyên. Tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu truyện ngắn của 3 tác giả tiêu biểu là Hồ Thủy Giang, Bùi Thị Như Lan, Bùi Nhật Lai. Từ đó chỉ ra những đặc trưng, đánh giá những thành tựu, hạn chế của truyện ngắn Thái Nguyên trong dòng chảy chung của văn học Việt Nam đương đại.

- Nghiên cứu một số tài liệu liên quan làm cơ sở lý thuyết, lý luận cho đề tài.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện đề tài, chúng tôi sử dụng một số phương pháp sau:

- *Phương pháp thống kê phân loại*: Sử dụng trong quá trình khảo sát và thống kê, phân loại các tác phẩm theo các tiêu chí phục vụ cho mục đích nghiên cứu..

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Trên cơ sở các thao tác phân tích chúng tôi tiến hành tổng hợp đánh giá, đưa ra các luận điểm, các kết luận khoa học.

- *Phương pháp so sánh đối chiếu*: Sử dụng trong các thao tác đối sánh giữa các tác phẩm của các nhà văn với nhau, giữa các nhà văn Thái Nguyên với các nhà văn khác trên cả nước.

- *Phương pháp hệ thống*: Nhằm hệ thống lại những yếu tố làm nên nét đặc trưng trong nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn Thái Nguyên.

- *Phương pháp liên ngành*: Chúng tôi sử dụng phương pháp này trong việc tiếp cận một số truyện ngắn từ góc nhìn văn hoá học, dân tộc học...

## **6. Đóng góp của luận văn**

Nếu luận văn được thực hiện thành công, chúng tôi hy vọng sẽ có được một số đóng góp sau:

- Phát hiện, đánh giá một cách toàn diện và sâu sắc về giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015). Bước đầu nhận định, đánh giá những thành tựu và hạn chế của văn xuôi Thái Nguyên nói chung, truyện ngắn Thái Nguyên nói riêng trong nền văn xuôi khu vực miền núi phía Bắc và văn xuôi Việt Nam đương đại.

- Là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm học tập, nghiên cứu về văn học địa phương Thái Nguyên cũng như văn xuôi dân tộc và miền núi vùng Việt Bắc.

## **7. Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được triển khai trong 3 chương:

Chương 1: Khái quát về văn xuôi Thái Nguyên

Chương 2: Nội dung truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015)

Chương 3: Một số phương diện nghệ thuật trong truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015)

# Chương 1

## KHÁI QUÁT VỀ VĂN XUÔI THÁI NGUYÊN

### 1.1. Vài nét về điều kiện tự nhiên - xã hội tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là tỉnh miền núi thuộc vùng Trung du - Miền núi Bắc Bộ, phía Nam giáp Thủ đô Hà Nội, Phía bắc giáp Bắc Kạn, phía đông giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, phía tây giáp các tỉnh Tuyên Quang, Phú Thọ. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 3526,2 km<sup>2</sup> dân số trung bình đến 31/12/2009 là 1.127.430 nghìn người. Thái Nguyên là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục y tế của Việt Nam nói chung, của vùng trung du miền Đông Bắc nói riêng. Đây là một trong những vùng chè nổi tiếng của cả nước, một trung tâm công nghiệp gang thép của phía Bắc, cửa ngõ giao lưu kinh tế - xã hội giữa trung du miền núi với đồng bằng Bắc Bộ. Sự giao lưu được thực hiện thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình dẻ quạt mà thành phố Thái Nguyên là đầu nút. Tọa độ địa lý nằm 20<sup>0</sup>20' đến 22<sup>0</sup>25' vĩ độ Bắc; 105<sup>0</sup>25' đến 106<sup>0</sup>16' kinh độ Đông. Thái Nguyên là nơi tụ hội các nền văn hoá dân tộc, đầu mối của các hoạt động văn hoá, giáo dục của vùng núi phía Bắc rộng lớn. Với 7 trường Đại học, trên 20 trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật. Thái Nguyên xứng đáng là trung tâm văn hóa, nghiên cứu khoa học và giáo dục - đào tạo của các tỉnh miền núi phía Bắc. Vị trí địa lý của tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng giao lưu kinh tế với các tỉnh, thành phố trong vùng, trong cả nước cũng như với nước ngoài trong thời kỳ hội nhập và phát triển kinh tế.

Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* (tập IV, quyển XX) vào năm Minh Mạng thứ 12 (1831), trấn Thái Nguyên chính thức đổi thành tỉnh Thái Nguyên, " Tỉnh thành đất bằng phẳng, rộng rãi, đường thủy, đường bộ giao thông thuận lợi". Ngày 21 - 4 - 1965, Thái Nguyên cùng với Bắc Kạn hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái. Ngày 6 - 11 - 1996, Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 10 đã phê chuẩn việc tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

Là một tỉnh miền núi, Thái Nguyên có độ cao trung bình so với mặt biển khoảng 200 - 300m, thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Tỉnh Thái Nguyên được bao bọc bởi các dãy núi cao Bắc Sơn, Ngân Sơn và Tam Đảo. Đỉnh cao nhất thuộc dãy Tam Đảo có độ cao 1592m.

Thái Nguyên nằm trong vùng sinh khoáng Đông Bắc - Việt Nam, thuộc vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương. Là một tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản rất phong phú về chủng loại và trữ lượng, trong đó có nhiều loại có ý nghĩa đối với cả nước như mỏ sắt, mỏ than (đặc biệt là than mỡ).

Thái Nguyên có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, về mặt tự nhiên có một số thắng cảnh tiêu biểu:

Thắng cảnh Hồ Núi Cốc cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 15 km về hướng tây nam. Núi Cốc trải nhựa phẳng phiu, uốn lượn là tới khu du lịch Núi Cốc. Hồ nằm giữa một khung cảnh thiên nhiên kỳ thú, sơn thủy hữu tình. Nơi đây đã nổi tiếng bởi nét đẹp thiên tạo từ bao năm. Núi Cốc tên gọi một vùng đất, vùng hồ nên thơ, lung linh sắc màu huyền thoại của câu chuyện tình thủy chung trong truyền thuyết gắn với nàng Công - chàng Cốc. Hồ Núi Cốc là hồ nhân tạo, chắn ngang dòng Sông Công, nằm trên địa phận huyện Đại Từ, ở trên lưng chừng núi. Hồ được khởi công xây dựng năm 1993, hoàn thành vào năm 1994. Hồ gồm một đập chính dài 480m và 6 đập phụ. diện tích mặt hồ rộng 25 km<sup>2</sup>. Trên mặt hồ rộng mênh mông có tới hơn 89 hòn đảo, lòng hồ sâu 23m, dung tích nước hồ là 175 triệu m<sup>3</sup>. Hồ có khả năng khai thác từ 600 - 800 tấn cá/ năm. Hồ Núi Cốc là danh thắng và là nơi nghỉ mát lý tưởng.

Di tích hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà thuộc xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai, cách thành phố Thái Nguyên 42 km về phía đông bắc. Đây là một quần thể thắng cảnh đẹp của tỉnh Thái Nguyên bởi phong cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hang động đẹp, nhiều dáng vẻ kì thú. Nơi đây có thác nước, dòng suối trong xanh, mùa hạ khí hậu ôn hoà, mát mẻ. Di tích danh thắng Phượng Hoàng, suối nước và bến tắm hang Mỏ Gà được nhà nước xếp hạng di tích cấp quốc gia năm 1994.

Từ xa xưa, Thái Nguyên đã là nơi sinh sống của người Việt cổ. Trên địa bàn hang Ốc thuộc xã Bình Long đã tìm được dấu tích của người tiền sử có niên đại ít nhất cách đây từ 7000 đến 8000 năm với những vỏ ốc bị chặt đuôi, xương động vật là những tàn tích thức ăn của người xưa. Từ những năm 1980, cũng tại huyện Võ Nhai, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra dấu tích của người Việt cổ tại khu vực Mái Đá Ngườm thuộc xã Thần Sa. Hàng chục ngàn hiện vật từ các hang Phiêng Tung, Mái đá Hạ Sơn I, Hạ Sơn II, hang Thắm Choong, Nà Ngùn và Mái Đá Ranh... ở Thần Sa, với những công cụ cuội được ghè đẽo như: Mảnh tước, rìu tay, công cụ chặt hình nùm cuội, công cụ chặt rìa, công cụ chặt 2 lưỡi, công cụ hình sừng bò... Đặc biệt, các nhà khảo cổ đã tìm thấy 3 bộ xương người cổ được mai táng ở Mái Đá Ngườm, xóm Kim Sơn. Mái Đá Ngườm là một di chỉ quan trọng bậc nhất của khu di chỉ khảo cổ học Thần Sa với 4 địa tầng văn hóa khảo cổ, trong đó tầng thứ tư tiêu biểu cho trung kỳ Thời đại đá cũ.

Thái Nguyên xưa thuộc bộ Vũ Định, một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Vào thế kỷ thứ III, Thái Nguyên thuộc huyện Vũ Định, sau đổi tên thành huyện Long Bình. Có những ý kiến cho rằng quê gốc của Lý Nam Đế là ở thôn Cổ Pháp, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, ông tu tại chùa Hương Ấp đến năm 13 tuổi thì theo Phổ Tổ thiền sư về tu hành tại chùa Giang Xá thuộc Hoài Đức, Hà Nội. Đến thế kỷ thứ VII được gọi là huyện Vũ Bình, rồi thành châu Thái Nguyên dưới đời nhà Lý. Cuối thế kỷ 14, châu được đổi thành trấn, năm 1407 đổi lại thành châu, sang 1408 thì trở thành phủ, năm 1677 trở thành trấn. Mãi đến năm 1902, triều đình mới cử quan chức trấn nhiệm Thái Nguyên, đặt doanh sở ở Ngọc Hà.

Kể từ khi nhà Lý định đô ở Thăng Long, Thái Nguyên đã trở thành phen giậu trực tiếp che chở phía bắc kinh thành. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 1076 - 1077, phần đất phía nam Thái Nguyên từng là địa đầu của phòng tuyến sông Cầu, nơi diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quan quân nhà Lý với Nhà Tống. Đầu thế kỷ 15, nhà Minh đem quân sang Việt Nam, dân chúng Thái Nguyên lại liên tiếp đứng lên khởi nghĩa. Tiêu biểu là Lưu Nhân Chú, người

huyện Đại Từ, ông cùng cha và anh rể đã tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Vào thời nhà Nguyễn, Thái Nguyên là nơi nổ ra nhiều phong trào khởi nghĩa nông dân chống lại quan lại phong kiến. Người dân Thái Nguyên từng tham gia các cuộc khởi nghĩa của Dương Đình Cúc, Nông Văn Vân.

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, đất Thái Nguyên là địa bàn hoạt động thường xuyên, là hậu cứ của Hoàng Hoa Thám. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Trịnh Văn Cấn (ông làm chức đội lính khố xanh nên còn gọi là đội Cấn) và Lương Ngọc Quyến đã nổ ra và đêm ngày 30 tháng 8 năm 1917, nghĩa quân đã chiếm được tỉnh lỵ. Tuy nhiên sau đó thực dân Pháp đem viện binh từ Hà Nội lên tấn công khiến nghĩa quân phải bỏ Thái Nguyên và rút về Vĩnh Yên rồi bị dập tắt sau đó. Tỉnh Thái Nguyên được thành lập vào năm Minh Mệnh thứ 12 (ngày mùng 1 tháng 10 âm lịch, tức ngày 4 tháng 11 năm 1831), tỉnh Thái Nguyên khi đó giáp với các tỉnh: Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Sơn Tây.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhiều Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ thường xuyên qua lại hoạt động, phát triển lực lượng ở Thái Nguyên. Năm 1947, Hồ Chí Minh đã tới Thái Nguyên và lãnh đạo cuộc Kháng chiến chống Pháp từ căn cứ chính tại ATK Định Hóa. Cũng tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định mở Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, Chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954 cũng như quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử và hàng loạt sự kiện quan trọng khác.

Từ năm 1956 đến 1975, Thái Nguyên là một tỉnh thuộc Khu tự trị Việt Bắc và thành phố Thái Nguyên là thủ phủ của khu tự trị này. Sáp nhập huyện Phổ Yên về tỉnh Vĩnh Phúc, và huyện này được cắt trả cho Thái Nguyên. Trước đó, năm 1890, chính quyền Pháp chia tỉnh Thái Nguyên thời nhà Nguyễn thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Năm 1965, chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã sáp nhập hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái. Tỉnh Bắc Thái cuối cùng lại tách thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn như ngày nay vào năm 1997.



## 1.2. Văn xuôi Thái Nguyên trong dòng chảy văn học khu vực miền núi phía Bắc

Từ sau Đổi mới, xã hội Việt Nam có nhiều biến chuyển quan trọng. Trong bước chuyển chung của dân tộc và đất nước, mảnh đất Thái Nguyên cũng dần từng bước thay đổi và phát triển. Đứng trước hiện thực mới của đời sống, các nhà văn Thái Nguyên cũng trăn trở tìm đường, tìm cách đổi mới tư duy để đáp ứng yêu cầu của thời cuộc. Thực tế đó cùng với những quan điểm thiết thực của Đảng và nhà nước đã giúp cho văn học khu vực miền núi nói chung và văn xuôi Thái Nguyên nói riêng dần có sự chuyển biến ngày càng rõ nét trên tất cả mọi phương diện. Tuy nhiên, nếu như văn xuôi khu vực miền núi phía Bắc đã có bước phát triển mạnh mẽ từ những năm 80 của thế kỉ trước thì văn xuôi Thái Nguyên phải từ sau 1990 mới chuyển dần lên đường ray mới. Khi mà đời sống dân chủ cởi mở và cơ chế xuất bản, in ấn, phát hành thuận lợi khiến cho số lượng tác phẩm xuất bản ngày càng nhiều. Phạm vi hiện thực trong sáng tác của các nhà văn giai đoạn này cũng được mở rộng. Nhiều vấn đề mới của hiện thực và cả những vấn đề cũ mà trước đây do cái nhìn hạn hẹp và vốn sống chưa phong phú nên văn xuôi miền núi nói chung và văn xuôi Thái Nguyên nói riêng còn chưa đề cập đến.

Nhiều nhà văn khu vực miền núi phía Bắc đã dành những trang tâm huyết phản ánh cuộc đấu tranh gian khổ trong công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống mới nơi vùng cao. Hàng loạt tác phẩm của các nhà văn khu vực miền núi tạo được dấu ấn sâu sắc như *Cao nguyên trắng* của Mã A Lềnh; *Vùng đồi gió quăn*, *Chuyện ở chân núi Hồng Ngài* của Sa Phong Ba... Trong đó, các tác giả Thái Nguyên cũng đóng góp một phần quan trọng bằng hàng loạt các tiểu thuyết như *Mùi tên ám khói*, *Gió hoang* của Ma Trường Nguyên. Đáng chú ý và hết sức ấn tượng là nhà văn Vi Hồng trong khoảng hơn mười năm đã trình làng đến 15 tiểu thuyết.. Một số tác giả văn xuôi miền núi tìm trở lại với đề tài chiến tranh, khai thác hiện thực vùng cao trong xung đột dân tộc

và giai cấp như *Chuyện trên bờ sông Hinh* của Y Diêng, *Gió mù căng* của Hà Lâm Kỳ,.. bên cạnh các tác phẩm của các nhà văn Thái Nguyên như *Bông hoa cô đơn*, *Biệt li* của Hồ Thủy Giang, *Bồng bênh sương núi*, *Cạn nước đôi*,... của Bùi Thị Như Lan. Một điều đáng lưu ý là dù ra đời những năm cuối thế kỉ XX những tác phẩm này chủ yếu vẫn được viết theo mô thức sử thi với cảm hứng chủ đạo là khẳng định bản lĩnh và sức sống dân tộc. Nhà văn chú trọng miêu tả những tình cảm cộng đồng của con người chiến tranh như tình đồng chí, nghĩa đồng bào, tình yêu quê hương làng bản...

Nếu như trước đây trong hoàn cảnh chiến tranh, cái riêng ít được chú ý, văn học hầu như chỉ quan tâm đến những vấn đề chung của cộng đồng dân tộc, thì nay trong hoàn cảnh thời bình, văn học có điều kiện quan tâm đến vấn đề số phận cá nhân. Các nhà văn có ý thức đi sâu tìm tòi, tìm hiểu cuộc sống của cá nhân, những thân phận con người trong dòng đời sống. Các truyện ngắn ở tập *Tiếng chim kỷ giàng* của Bùi Thị Như Lan là niềm vui và cả những mất mát âm thầm của biết bao người mẹ, người vợ - những người phụ nữ có người thân ra mặt trận không trở về (*Núi đọi Bó ở đâu*, *Trăng mọc trong thung lũng*, *Gió hoang*..).

Từ sau năm 1975, văn xuôi miền núi phát triển khá mạnh mẽ. Có thể nói rằng đây là thời kì mà văn xuôi dân tộc thiểu số phát triển mạnh về số lượng cũng như chất lượng hòa mình vào dòng chảy văn học Việt Nam hiện đại. Góp phần vào thành công đó có những đóng góp cụ thể, thiết thực của văn xuôi Thái Nguyên.

Đầu thế kỉ XXI, văn xuôi khu vực miền núi phía Bắc có bước chuyển mình mạnh mẽ. Một số tên tuổi ngày càng trở nên quen thuộc với độc giả cả nước như Cao Duy Sơn, Hà Lâm Kỳ, Đoàn Lư, Hoàng Hữu Sang,..Văn xuôi Thái Nguyên với sự khẳng định tên tuổi của nhà văn Vi Hồng ở những năm cuối của thế kỉ XX, thì đến giai đoạn này, hàng loạt tên tuổi mới đã được khẳng định. Bên cạnh những gương mặt quen thuộc như Hà Đức Toàn, Ma Trường Nguyên, Hồ Thủy Giang, còn có Bùi Nhật Lai, Bùi Thị Như Lan, Phạm Đức, Phan Thái...

"Mười lăm năm sau cuộc chuyên giao thiên nhiên kì mới, văn xuôi miền núi phía Bắc góp mặt thêm một số cây bút mới như: Kim Nhất, Nông Văn Lập, Ma Thị Hồng Tươi, Chu Thị Thanh Hương... Số lượng chưa nhiều nhưng cũng đã thấp thoáng những tín hiệu đáng mừng. Niê Thanh Mai đã khẳng định được tên tuổi của mình với giải trẻ của Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, tác giả trẻ Chu Thị Thanh Hương liên tiếp dành những giải thưởng cao như: Tiểu thuyết *Hoa bay* (giải nhất cuộc thi viết tiểu thuyết, truyện, kí viết về đề tài “Vì an ninh Tổ quốc và bình yên cuộc sống” năm 2007 - 2010); Truyện ngắn *Ước mơ trong bão* (giải nhì cuộc vận động sáng tác dành cho thiếu nhi năm 2011 do nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức trong khuôn khổ dự án hỗ trợ sáng tác văn học dành cho thiếu nhi được sự tài trợ bởi hội nhà văn Đan Mạch); tác phẩm *Bức tranh kì lạ* (giải ba cuộc thi sáng tác truyện ngắn “quà tặng cuộc sống” do đài truyền hình Việt Nam phối hợp với một số đơn vị khác tổ chức năm 2012)." (**Đào Thủy Nguyên - Bản sắc văn hóa dân tộc trong văn xuôi các dân tộc thiểu số**). Các tác giả Thái Nguyên cũng dành được nhiều giải thưởng trân quý: Nhà văn Hồ Thủy Giang đã nhận được giải thưởng truyện ngắn Tạp chí *Tài hoa trẻ* năm 2001, giải thưởng kịch bản phim truyện của Bộ văn hóa năm 2007, giải thưởng liên hoan phim truyện truyền hình toàn quốc năm 2010... Bùi Thị Như Lan cũng đã gặt hái được một số giải thưởng quan trọng như: Giải Ba (không có giải Nhất), truyện ngắn *Núi đơi*, Cuộc thi viết truyện ngắn, Tạp chí Văn nghệ Quân đội (2001 - 2002); giải Nhì, truyện ngắn *Gió hoang*, cuộc thi sáng tác truyện ngắn và bút kí, Tạp chí văn hóa các dân tộc (2004); giải C, tập truyện *Hoa mía*, phân loại giải thưởng hàng năm, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (2006), giải A, tập truyện ngắn *Tiếng chim kỷ giàng*, Tổng kết 5 năm truyện ngắn Thái Nguyên (2007), giải Ba truyện ngắn *Bjóoc phạ*, cuộc thi viết truyện ngắn, bút ký do Hội Nhà văn phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo tổ chức..

Nhìn chung, trong suốt gần nửa thế kỉ phát triển, đội ngũ tác giả văn xuôi miền núi phía Bắc ngày càng lớn mạnh, bao thế hệ nhà văn đã nối tiếp

nhau, tích cực, sáng tạo, cho ra đời hàng ngàn tác phẩm văn học thuộc tất cả các thể loại và đã góp phần đáng kể vào sự phát triển chung của nền văn học dân tộc trong quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Thành tựu và đóng góp của họ đã được ghi nhận bằng những sáng tác mang bản sắc văn hóa dân tộc và miền núi ở chất liệu hiện thực và nghệ thuật thể hiện. Giá trị của nhiều tác phẩm đã được khẳng định bằng những giải thưởng cao. Trong những thành tựu đáng trân trọng đó, có đóng góp không nhỏ của các nhà văn Thái Nguyên. Có thể khẳng định, văn xuôi Thái Nguyên đã tích cực hòa mình vào dòng chảy chung của văn xuôi miền núi phía Bắc, hình thành một diện mạo riêng, khó trộn lẫn trong nền văn xuôi Việt Nam đương đại.

### **1.3. Diện mạo văn xuôi Thái Nguyên nhìn từ thể tài truyện ngắn**

Văn xuôi Thái Nguyên từng đi qua những giai đoạn thăng trầm. Nhưng có thể nói rằng bước sang thế kỉ XXI, văn xuôi Thái Nguyên khởi sắc bởi sự xuất hiện một đội ngũ tác giả tương đối đông đảo về số lượng, đa dạng về bút pháp, phong phú về tác phẩm như: Hồ Thủy Giang, Bùi Thị Như Lan, Phạm Đức, Trần Quang Toàn, Bùi Nhật Lai, Hữu Thịnh... Các tác giả văn xuôi dần dần tự khẳng định mình và gặt hái được nhiều thành công. Có thể nhận định giai đoạn 15 năm đầu thế kỉ XXI là giai đoạn được mùa của văn xuôi Thái Nguyên, đặc biệt là thể loại truyện ngắn.

Các tác giả Thái Nguyên đã đoạt giải trong cuộc thi sáng tác văn học 2 năm do Báo VNTN tổ chức (chỉ tính riêng năm 2016) lên tới 9 tác giả truyện ngắn. Nếu như từ năm 2014 về trước, số tác giả văn xuôi là người Thái Nguyên tham gia các cuộc thi sáng tác văn học còn hết sức hạn chế, thì đến năm 2016, số lượng bài gửi dự thi và được đăng tải đã tăng lên đáng kể. Những giải thưởng cao mà các tác giả Thái Nguyên đoạt được đã như một sự tạo đà, để đến nửa năm cuối 2016, các cây bút truyện ngắn Thái Nguyên đã liên tục xuất hiện trên các báo của Thái Nguyên và cả nước.

Các tác giả đã quen thuộc với bạn đọc như Lê Thế Thành, Bùi Như Lan, Nguyễn Văn, Phan Thái, Minh Hằng, Phạm Quý, Đào Nguyên Hải... cùng các tác giả trẻ như Hoàng Hiền, Trần Thị Nhung... với sự xuất hiện khá thường xuyên của họ trên các phương tiện truyền thông đã đánh dấu sự tiến lên không ngừng của đội ngũ văn xuôi Thái Nguyên. Một dấu mốc của truyện ngắn Thái Nguyên năm 2016 là chùm 3 truyện ngắn (*Vòng vía, Mưa giông, Ké Ngàng*) của nhà văn Bùi Thị Như Lan đã đoạt giải ba trong cuộc thi viết về đề tài mỏ và khoáng sản do Tập đoàn Than, Khoáng sản Việt Nam và Hội Nhà văn Việt Nam đồng tổ chức.

Tháng 7/2014, Chi hội Văn xuôi tổ chức Trại sáng tác theo kế hoạch của Hội Văn học nghệ thuật Thái Nguyên. Văn nghệ sĩ dự trại đã sáng tác được 33 tác phẩm thuộc nhiều thể loại (truyện ngắn, bút ký, tản văn, thơ, truyện thiếu nhi) và hoàn chỉnh những tác phẩm đang viết dở. Ngoài những tác phẩm được đăng trên các báo tỉnh nhà, còn gần 20 truyện ngắn được đăng ở các báo Trung ương và tỉnh bạn. Vào năm 2015, Hội văn học nghệ thuật Thái Nguyên xuất bản cuốn “*Tuyển tập văn xuôi Thái Nguyên 2006 - 2015*”. Điểm khác biệt của cuốn sách so với những tuyển tập của mấy chục năm trước là bố cục có sự khu biệt rạch ròi về thể tài. Tuy chỉ là hình thức nhưng nó là một mặt biểu hiện của tính chuyên nghiệp trong xuất bản (Thái Nguyên đã từng có tuyển tập in hỗn độn cả truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ chung vào một cuốn sách).

Nổi lên trong tuyển tập là mảng truyện ngắn. Với tỷ lệ 33/50 tác phẩm có mặt trong tuyển tập là sự xuất hiện mang tính ‘áp đảo’ của thể loại tự sự cỡ nhỏ này so với thể kí và tiểu thuyết (tỷ lệ thể kí: 13/50; tiểu thuyết: 4/50). Điều đáng mừng là trong ba mươi ba truyện ngắn ở tuyển tập, ta vẫn nhận ra những tác giả quen thuộc, vốn ít nhiều chiếm được cảm tình của bạn đọc trong nhiều năm qua như: Lê Thế Thành, Bùi Như Lan, Trần Quang Toàn, Phan Thái, Nguyễn Văn, Phan Thức, Ngọc Thị Kẹo, Bùi Nhật Lai, Phạm Quý... Người đọc vẫn nhận ra những quan niệm về nhân tình thế thái trong lối viết giàu chất nhân văn pha chút khôi hài của Lê Thế Thành (*Hương trà*) bên cạnh sự mô tả cuộc

sống nông thôn miền núi với những ngôn từ bay bổng, sự biến ảo không gian nghệ thuật của Bùi Như Lan (*Mây trôi*) - hai tác giả vốn có nhiều thành tựu trong thể loại này. Với những truyện ngắn hướng về triết lí nhân sinh của Nguyễn Văn (*Lí sự thời @*), với “trận đồ ảo” được mô tả khá khốc liệt trong công cuộc chống tham nhũng trong truyện ngắn của Phan Thái (*Linh khí*), với tâm lí phức tạp, đa chiều của người nông dân ở những truyện ngắn của Trần Quang Toàn, Ngô Quang Tôn, Phan Thúc, Ngọc Thị Kẹo, Bùi Nhật Lai, Phạm Quý, Đào Nguyên Hải ...có thể nói, sự hiện diện của các tác giả nói trên đã làm nên cái phong chung cho cuốn sách.

Điều đáng mừng là sự hiện diện của nhiều tác giả trẻ đã đem đến cuốn sách những luồng gió tươi. Những cái tên chưa quá quen thuộc với bạn đọc như Trinh Nguyên, Trần Phúc Vĩnh, Gia Hân, Lê Đình, Phở Sơn...nhưng chỉ bằng một truyện ngắn có mặt trong tuyển tập này các bạn viết trẻ đã tạo ra một gương mặt riêng cho chính mình. Điều này thực không phải dễ dàng. Đặc biệt, với *Đáy trăng* của Nguyễn Nhật Huy, *Giếng Mật* của Nguyễn Huyền Trang - những truyện ngắn mang vẻ u trầm - u trầm từ không gian đến thời gian, từ giọng điệu đến tâm trạng, từ nhân vật đến cốt truyện, từ hình ảnh đến ngôn từ, những truyện ngắn, nói theo các nhà thi pháp hiện đại là “*ảo giác của cuộc sống, ảo giác của hiện thực*”. Chúng đưa đến cho người đọc một lối nhìn không thông thường, một lối nhìn khác về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người. Hình như chỉ với những truyện ngắn đầu tay như thế, cả hai tác giả trẻ này đã có những dấu hiệu tiến gần đến sự tạo dựng cho mình một phong cách văn chương.

Mỗi tác giả truyện ngắn trong tuyển tập, bằng những con đường riêng, đã phần nào tạo ra một bức tranh toàn cảnh của đất và người xứ Thái.

Song hành với 25 năm đất nước đổi mới, hội nhập và phát triển - truyện ngắn Thái Nguyên đã có vị trí đáng kể đối với phong trào sáng tác của địa phương, với hàng trăm thiên truyện xuất hiện đều đặn trên báo Văn Nghệ Thái Nguyên, báo Thái Nguyên và hàng chục tập truyện do các nhà xuất bản, phát hành trong tỉnh và cả nước.

#### **1.4. Một số thành tựu và hạn chế của truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015)**

Thái Nguyên có một điều kiện thuận lợi mà không phải bất cứ địa phương nào ở khu vực miền núi phía Bắc, có được. Bởi lẽ, đây là trung tâm giáo dục, văn hóa lớn của khu vực với hơn 30 trường đại học và cao đẳng. Số lượng hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh là các nhà giáo, nhà nghiên cứu chiếm số lượng đáng kể, nhiều người trong số đó là những người vừa sáng tác, vừa trực tiếp giảng dạy về những vấn đề liên quan đến văn học địa phương cũng như văn học thiếu số miền núi. Bởi vậy, truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn này có được một số thành tựu căn bản sau đây:

Về phương diện đội ngũ: Giai đoạn 15 năm đầu thế kỉ XXI có thể coi là cuộc diễu hành lực lượng hùng hậu của các tác giả Thái Nguyên. Ngoài những cây bút gạo cội có bề dày sáng tạo nghệ thuật từ thời *Văn nghệ Việt Bắc* những năm 60 của thế kỉ trước, nay vẫn tiếp tục sáng tác và rất đổi sung sức như các tác giả Thế Chính, Hồ Thủy Giang, Hà Đức Toàn, Ma Trường Nguyên..., còn có một đội ngũ tác giả xuất hiện vào những năm đầu của thế kỉ này như Phạm Đức, Phan Thái, Bùi Thị Như Lan, Bùi Nhật Lai, Ngọc Thị Kẹo..., rồi đến lớp tác giả trẻ hơn như Dương Thu Hằng, Phạm Văn Vũ, Hoàng Hiền, Trần Thị Nhung, Lê Đình, Hoàng Tố Nga, Trinh Nguyên,... Đây là một thuận lợi rất lớn cho văn xuôi Thái Nguyên nói chung và truyện ngắn Thái Nguyên nói riêng. Sự kết hợp các cây viết thuộc các lứa tuổi là một thuận lợi rất lớn cho việc trao đổi kinh nghiệm sáng tác, các tác giả trẻ được học hỏi kinh nghiệm từ những cây bút già dặn cả tuổi đời lẫn tuổi viết. Những tác giả là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam như Hồ Thủy Giang, Phạm Đức, Bùi Thị Như Lan là những người rất quan tâm đến việc bồi dưỡng những người viết trẻ. Mặt khác, các tác giả trẻ là những người được tiếp cận với các trào lưu, trường phái lí luận văn học hiện đại. Một số tác giả trẻ đã từng tham gia Hội nghị viết văn trẻ toàn quốc. Họ có đam mê và nhiệt tình. Bên cạnh đó, Hội Văn học Nghệ thuật Thái Nguyên cũng

hết sức quan tâm đến vấn đề bồi dưỡng đội ngũ sáng tác trẻ. Những năm gần đây, nhiều lớp bồi dưỡng sáng tác cho hội viên các chuyên ngành, trong đó có văn xuôi, được mở và thu hút được sự tham gia của nhiều người viết.

Về số lượng và chất lượng các tác phẩm: Đầu thế kỉ XXI, văn xuôi Thái Nguyên đã có những thành tựu nổi bật, đó là việc xuất hiện nhiều tác giả trẻ và sự ra đời của hàng loạt các tác phẩm, nhất là truyện ngắn. Báo *Văn nghệ Thái Nguyên* dường như không số nào không có những truyện ngắn của các tác giả trẻ Thái Nguyên được đăng tải. Số lượng các tác phẩm được công bố, xuất bản trong những năm gần đây tăng lên đáng kể. Mỗi năm, bình quân có khoảng trên 50 truyện ngắn Thái Nguyên được công bố trên các báo, tạp chí trên cả nước. Cũng vậy, có khoảng hơn một chục tập truyện ngắn của các tác giả Thái Nguyên được công bố mỗi năm. Tuy nhiên, thành tựu đáng trân trọng nhất của truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn này là sự đột phá về chất lượng với hàng chục tác giả đoạt giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật và Hội Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam. Ngoài những nhà văn tên tuổi quen thuộc của Thái Nguyên như Hồ Thủy Giang, Phạm Đức, Bùi Thị Như Lan, còn có các tác giả trẻ đã phân nào định danh được tên tuổi của mình trong sự mến mộ của độc giả Thái Nguyên như Nhật Huy, Trinh Nguyên, Hoàng Hiền... Tác giả trẻ Nhật Huy đã đoạt giải nhì (không có giải nhất) trong cuộc thi sáng tác truyện ngắn trên báo Văn Nghệ Thái Nguyên, một cuộc thi thu hút được khá nhiều người viết ở khắp mọi vùng miền trong cả nước. Trinh Nguyên là một tác giả trẻ rất ấn tượng với những tác phẩm được đăng tải trên nhiều tờ báo và tạp chí uy tín. Đây là điều mà những năm cuối của thế kỉ trước, tưởng như vẫn còn là một mong ước xa vời của truyện ngắn Thái Nguyên.

Sẽ là một khiếm khuyết rất lớn nếu như đề cập đến những thành tựu của truyện ngắn Thái Nguyên mà bỏ qua dấu ấn của sáng tạo nghệ thuật qua việc tiếp nhận và ảnh hưởng của các xu hướng sáng tác văn học hiện đại. Đó là sự phá vỡ tính truyền thống trong cốt truyện và nhân vật truyện ngắn. Càng về những năm gần đây, truyện ngắn Thái Nguyên càng tiến dần đến sự phá cách,



thậm chí có những dấu hiệu của cách tân nghệ thuật khá rõ. *Đáy trăng* của Nguyễn Nhật Huy là một ví dụ tiêu biểu cho kiểu truyện ngắn hiện đại với bút pháp hiện thực huyền ảo và tính đa tầng vỉa trong ngôn ngữ với những biểu tượng lạ tạo ra những ám ảnh nghệ thuật. Có thể về điểm này, so với thơ, truyện ngắn Thái Nguyên chưa thật sự có những cách tân rõ rệt, song dấu sao, đó cũng là những tín hiệu đáng mừng.

Bên cạnh những thành tựu đáng trân trọng, truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn này còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Đội ngũ sáng tác có sự chênh lệch khá rõ về tuổi tác, khoảng cách trẻ - già khá xa và khá rõ, cùng với đó là khoảng cách của sự sáng tạo. Những tác giả có tuổi thường trung thành với lối viết cũ, thiên về kể tả, cốt truyện tuyến tính thiếu sự đột phá, nhân vật không có sự thô ráp về tính cách, thường là những nhân vật có tính cách khá đơn giản. Do vậy, câu chuyện thiếu đi sự hấp dẫn cần thiết. Ngôn ngữ nhân vật nhiều khi còn sáo rỗng. Thậm chí, sự thiếu hụt khá rõ thể hiện ở vốn sống, ở chất liệu hiện thực. Nhìn chung, các tác giả Thái Nguyên còn biểu hiện khá rõ sự nghèo nàn về vốn sống và sự trải nghiệm. Nhiều truyện ngắn dường như là sự mô phỏng lại một số tác phẩm đã quá quen thuộc với độc giả, tính sáng tạo của người viết bị hạn chế. Các cây bút lớn tuổi ít sáng tạo trong khi các cây bút trẻ lại thiếu thực tế. sự mất cân bằng này có thể coi là hạn chế rõ rệt nhất của truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn này.

## Tiểu kết chương 1

Thái Nguyên là một vùng đất có chiều dày lịch sử và văn hóa. Mảnh đất đã sản sinh ra những nhân vật lịch sử lỗi lạc như Dương Tự Minh, Lưu Nhân Chú... Thái Nguyên là nơi hội tụ và gặp gỡ của những sắc màu văn hóa vùng núi phía Bắc. Lợi thế địa lý, lịch sử và xã hội với vai trò là một trung tâm văn hóa của vùng núi phía Bắc đã giúp Thái Nguyên có được một đội ngũ cầm bút khá đông đảo. Cùng với thơ, văn xuôi Thái Nguyên đã có những bước chuyển mình vượt bậc trong khoảng 15 năm đầu thế kỉ XXI. Trong bản đồ văn chương khu vực miền núi phía Bắc, Thái Nguyên chiếm một mảng màu đáng kể. Nhiều nhà văn Thái Nguyên đã trở nên quen thuộc với bạn đọc cả nước, đã gặt hái được nhiều thành công trên con đường sáng tạo nghệ thuật. Văn xuôi Thái Nguyên, đặc biệt là truyện ngắn, đã có một vị thế khá rõ, từng bước bắt nhịp, hòa mình vào dòng chảy chung của văn xuôi miền núi cũng như văn xuôi Việt Nam đương đại.

Mặc dầu đã đạt được một số thành tựu nhất định, truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI cũng còn bộc lộ một số hạn chế khó tránh khỏi. Dẫu sao, với những gì đã có, truyện ngắn Thái Nguyên xứng đáng nhận được sự trân trọng từ người đọc. Đó sẽ là một sự khích lệ rất lớn trong hành trình đi tới tương lai của truyện ngắn Thái Nguyên.

## Chương 2

### NỘI DUNG TRUYỆN NGẮN THÁI NGUYÊN

#### ĐẦU THẾ KỈ XXI (2000 - 2015)

#### 2.1. Sự mở rộng về đề tài và biên độ phản ánh

Có thể thấy, truyện ngắn trên văn đàn Thái Nguyên những năm qua đã trải qua bước phát triển và đổi mới rõ rệt. Các nhà văn đã không ngại đi sâu vào những ngõ ngách tối tăm, những khúc quanh, ngả rẽ để phản ánh cuộc sống muôn màu, bộn bề đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ với những vui buồn, chiêm nghiệm. Cái nhìn của tác giả truyện ngắn là cái nhìn nhiều mặt và có chiều sâu khiến người đọc có cảm giác mình được bơi lội vùng vẫy trong biển đời rộng lớn, được chạm vào muôn mặt của cõi nhân sinh.

Mảng đề tài về nông thôn và người nông dân nổi bật hơn cả. Nếu *Hương ổi* của Phạm Quý hiện lên miền quê nông thôn đang đổi mới. Thành - người cháu đã nhận ra lỗi lầm và xóa giải mọi ác cảm đối với người thím của mình khi được nếm vị những trái ổi thơm ngon. Thành hiểu để có được nó, người thím đã trải qua bao tủi nhục, đắng cay, rơi bao mồ hôi vất vả thì *Lão Thôn đi tắm biển* của Lê Thế Thành lại là những suy nghĩ của con người giữa sự khác lệch của người nông thôn và người thành thị. Rồi đến sự tiếp xúc với công nghệ thông tin hiện đại ở nông thôn trong thời hội nhập, xã hội hóa như *Lão Thôn “du phây”* của Nguyễn Văn... Bên cạnh những tâm hồn thuần phác lại là bao nhiêu những cư xử hèn mọn, ti tiện, tranh chấp về đất đai, nhà cửa, miếng cơm manh áo. Những mối hận thù gốc gác khó tan mà đôi khi lại chỉ xuất phát từ những toan tính nhỏ nhặt hoặc sĩ diện làng quê: *Cuộc chiến trong vườn* của Trần Quang Toàn là những mẫu thuẫn trong làm ăn của gia đình ông Khang và gia đình ông Hào; Các truyện *Có đúng là ông ấy không*, *Bướm trắng* của Hồ Thủy Giang, truyện ngắn *Anh mù* của Đào Nguyên Hải... là những phác họa về tính cách của người dân luôn bị xoay quanh bởi cái nghèo, cái không may mắn nhưng họ biết vượt qua khó khăn, thị phi ở đời để vươn lên giành lấy hạnh phúc;...

Nông thôn Việt Nam từ ngàn đời nay, ẩn sau vẻ êm đềm của lũy tre xanh thường chứa chất những mâu thuẫn đầy khắc nghiệt của mối quan hệ làng mạc, láng giềng, dòng họ, gia đình... Đó là những tranh chấp, lừa phỉnh về đất đai, nhà cửa, về miếng cơm, manh áo. Đó là những hận thù gốc gác khó tiêu tan, đôi khi lại chỉ xuất phát từ những toan tính nhỏ nhặt hoặc sĩ diện làng quê. Và nông thôn, bên cạnh những tâm hồn thuần phác, vị tha lại là bao nhiêu những cư sử tàn nhẫn, hèn mọn, man trá, ti tiện mang chất tiểu nông. Bức tranh nông thôn với những sắc màu tương phản ấy đã được bộc lộ phần nào qua các truyện ngắn của Trần Quang Toàn.

*Ngã ba đường làng* không phải là một truyện ngắn hay nhất nhưng được lấy tên cho cả tập có lẽ cũng là dụng ý của các nhà làm sách. Nó như một cái nhìn bao quát, mang được những nét chung nhất của các nhân vật trong các truyện ngắn của Trần Quang Toàn. Cốt chuyện chỉ xoay quanh một cô gái tàn tật nhưng có một “khuôn mặt khả ái, nước da nõn nà, thân hình đang độ xuân sắc...”. Và điều xảy ra khó tránh khỏi là cô đã có một đứa con ngoài giá thú. Câu chuyện được miêu tả dồn dập, chòng chẹo trong những mối hoài nghi, tính toán, đờn đau, thậm chí là thù hận. Cuối cùng tác giả dẫn dắt người đọc tới một cái kết khá bất ngờ. Hình như những con người ấy, lối sống ấy, lối nghĩ ấy, nếp cảm ấy, nỗi u phiền ấy, kiêu hận đời ấy, sức chịu đựng ấy và cả lòng độ lượng ấy chỉ có ở người nông dân của làng quê Việt Nam chứ khó có thể ở một nơi nào khác.

Bên cạnh đề tài nông thôn, đã có nhiều cây bút truyện ngắn thành công khi viết về chiến tranh với cuộc sống của những người lính trở về sau chiến tranh. Truyện *Nước mắt nắng* của Phan Thái và *Mắt cười* của Lê Thế Thành toát lên sức ám ảnh khủng khiếp của chiến tranh. Kết thúc truyện để lại nhiều nghĩ suy trong lòng nhân vật và độc giả. Những người lính trở về sau chiến tranh thường nhiều ám ảnh, nhiều trăn trở, nhiều nợ phải trả với gia đình, với quê hương và đồng đội. Lê Thế Thành cũng có những câu chuyện thấm đẫm kí ức chiến tranh: Người xông nhà kể về một thương binh lạc đường về ăn Tết nhà ông Đa. Những ám ảnh về sự khốc liệt của chiến tranh, những năm tháng không thể nào quên luôn

hần sâu trong lòng anh vang vang lời bài hát “Vì nhân dân quên mình, vì nhân dân hi sinh, anh em ơi vì nhân dân quên mình”; Hay dường như “phải đến lúc vinh quang mới thấm thía nỗi mất mát đau thương”. Trong niềm vui lớn của cả nước, của mọi nhà khi Bắc Nam thống nhất thì nỗi đau mất con ngấm vào da thịt bấy lâu nay của mẹ mới trào ra và bật thành tiếng khóc trong *Ngày 30 tháng tư của mẹ*. Người lính trở về hậu phương cố nén những nỗi đau thương mất mát do chiến tranh để xây dựng quê hương, tìm lại hạnh phúc như *Hoa dành dành đừng khóc* của Đào Nguyên Hải. Người lính mong muốn thực hiện được di nguyện của đồng đội đã khuất là trao chiếc ba lô chứa kỉ vật thời chinh chiến cho gia đình trong *Di nguyện* của Trần Quang Toàn; Kỉ vật thiêng liêng của đồng đội là “mảnh vải dính đầy máu thịt lúc chiến tranh” đã được ông Yên nâng niu trên ngực áo suốt bao năm (*Ngôi mộ trong ngực áo* của Phan Thái)..

Mảng truyện ngắn về đề tài tình yêu dường như đã chinh phục tình cảm của người đọc. Tình yêu có thể hiện ra từ kí ức đẹp đẽ thời chiến tranh, nâng đỡ con người vượt qua sự hèn kém, sự thất bại của mình để sống có ích hơn. *Vùng đất nghịch* của Trần Quang Toàn viết về sự mâu thuẫn truyền kiếp giữa 2 dòng tộc họ Vũ - họ Phạm, nhưng tình yêu của Mai và Vũ Tùng cùng những kỉ niệm đẹp thời chiến đã giải tỏa được hận thù; *Đất mồ côi* của Trần Quang Toàn là “Tình yêu đã cho người ta đức hi sinh, nhẫn nhịn, lòng nhân ái, vị tha, để đón nhận về mình những nỗi đau, những khổ hạnh, đọa đầy mà không hề oán thán”. Cũng có nhiều môi tình đẹp, xúc động nhưng hầu như đều éo le, bi kịch. Thạch với Nguyệt trong *Nguyệt ảnh* của Lê Thế Thành giữ trọn điều thiêng liêng để chờ ngày chiến thắng, nhưng chiến tranh khốc liệt độc tính hơn họ tưởng rất nhiều, đã chia lìa đôi lứa, biến Nguyệt chỉ còn là ảo ảnh trong tâm hồn Thạch. Tình yêu của họ trong chiến tranh mỏng manh dễ vỡ chẳng khác nào “bong bóng chiều mưa”. Sức mạnh của tình yêu không chỉ thể hiện trong cuộc chiến tranh chống quân xâm lược mà trong cuộc chiến với ma túy (*Thằng nghiện* - Lê Thế Thành); Đó còn là tình yêu của những “cây cao bóng cả”, của ông Tình, bà

Dăm trong *Cây mùa xuân* (Ngô Quang Tôn). Họ đến với nhau trong tình cảnh hôn nhân lỡ dở. Tình yêu thương lúc tuổi già hạnh phúc, ấm áp khiến họ trẻ lại như đôi mươi “Hai ông bà cứ như hình với bóng. Họ quấn quýt, chăm sóc và nương tựa vào nhau..” (*Rồi Tình chiều* - Phạm Đức)...

Mảng truyện ngắn viết về những con người, những sự việc và vấn đề riêng của cuộc sống hôm nay cũng có nhiều đặc sắc. Những thân phận, những cảnh huống trong truyện không có gì mới lạ. Đó là những cảnh đời thường gặp trong đời sống. Vậy mà người đọc vẫn bị cuốn hút, ám ảnh. *Truyện Số gạo* của Hồ Thủy Giang nói lên vấn đề của nhân loại, con người đang mắc kẹt trong thứ chủ nghĩa vật chất; Tình cảm của thằng bé Cui dành cho đáng sinh thành và cho những số phận thiệt thòi khác, trong khi cuộc sống của nó còn thiếu thốn trăm bề trong *Tiền lẻ* của Lê Thế Thành; Là cách cư xử của thầy đối với học trò trong *Chiếc váy màu xanh da trời* của Lê Thế Thành; Suy nghĩ của các bậc cha mẹ và của xã hội với những trẻ em không nơi nương tựa, bị bóc lột sức lao động - nạn nhân của những cuộc hôn nhân tan vỡ như *Chuyện một đêm rằm* của Phạm Quý, *Cái Thảo* của Ngô Quang Tôn. *Tham mưu* - truyện ngắn đầu tay của Đào Anh Tuấn hiện lên hàng ghềnh lãnh đạo thiếu năng lực, luôn phụ thuộc vào đội ngũ “tham mưu”, giúp việc, thậm chí không quyết định việc công việc liên quan đến hạnh phúc cá nhân mình;...

Đó còn là những đau đớn trong thân phận con người, xung quanh những mối quan hệ xã hội khiến con người trở nên ngậm ngùi: Một số truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan đã chứng minh điều đó: *Tiếng kèn Pí lè* nói về một cặp sinh đôi, người anh (Sính) yếu ớt, người em (Siển) khỏe mạnh. Số phận đùa cợt khi Sính lấy cô Mí, người con gái đẹp nhất vùng qua bà mối, nhưng lại tước đi thiên chức được làm vợ của nàng, vì bất lực. Cha chồng là trưởng họ, Sính sau này sẽ thay cha làm trưởng họ, trưởng họ không thể không có con. Những dằn vặt của mọi người xung quanh bắt Siển phải làm cái việc không mong muốn. Hay đó là cuộc hôn nhân nhầm lẫn của hai chị em Sao và Sang. Sự giằng xé rất con người của nhân vật. Nỗi buồn, nỗi đau bên trong cứ lặng lẽ âm thầm như ngấm vào da thịt trong *Lời Sli vắt ngang núi* ..

Đề tài về sự băng hoại đạo đức, nhân cách trong *Giấy vụn* của Hồ Thủy Giang. Tác giả nhấn mạnh sự tha hóa về đạo đức con người, về cách hành xử của con người trước vòng xoáy của đồng tiền. Vì sự quyến rũ của đồng tiền mà người cha theo một người đàn bà hơn mình đến chục tuổi bỏ mặc người vợ đang mắc bệnh hiểm nghèo hàng ngày vẫn phải lê tấm thân bệnh tật ra ngoài chợ để kiếm tiền nuôi con; Vì có con riêng nên nhạc sĩ Bách Quang bị cách chức lên vụ trưởng. Trước danh vọng, địa vị và tình máu mủ, ông đã vứt bỏ Bình - con trai mình để tiến thân trong *Hoa phặc phiến vẫn nở*; Đó là vợ chồng Thanh Huyền - giám đốc khách sạn trong *Ngôi biệt thự dưới chân núi cô Tiên* của Nguyễn Văn. Khi kinh tế rất bê thế thì suy nghĩ ghen tuông, bệnh hoạn của Thanh về vợ mình đã khiến hạnh phúc tan vỡ. Rõ ràng, tác giả đã rất triết lí khi nói “Tiền do con người làm ra, vậy mà nó quay lại điều khiển chính con người”; *Dì Tâm* của Phạm Đức viết về thủ đoạn và sự tàn nhẫn của thằng con trai Đê khi lên làm giám đốc bệnh viện;...

Bên cạnh những vấn đề lớn, còn có đề tài khai thác và trách nhiệm với tài nguyên khoáng sản của Tổ quốc như *Lời thề khoáng sản* của Nguyễn Văn. Đề tài chống tham nhũng như *Linh khí* của Phan Thái,..

Không ít truyện viết khéo, diễn đạt kín đáo chủ đề, tư tưởng, người đọc phải lật tìm ra mới có thể lĩnh hội được hết các tầng nghĩa và thấm thía với bức thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm. Đó là *Con chim quý* của Nguyễn Văn cho thấy cái gì đi ngược lại quy luật của tự nhiên đều không thể tồn tại. Sinh - lão - bệnh - tử là một quy luật của cuộc sống. Con người ăn quả trứng chim quý sẽ sống “trường sinh bất tử” đã đi ngược lại quy luật của tự nhiên; *Hoa thom và cỏ dại* của Phạm Đức ngụ ý về môi trường phát triển con người ở xóm Nhân Nghĩa, lãnh đạo xóm hám chức quyền, gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân, mất an ninh trật tự xóm. “Ở đâu biết trồng và chăm sóc hoa thom thì ở đó dễ có điều kiện cho cỏ dại, thậm chí là cỏ độc phát triển và ngược lại”; Những vật tượng vô tri như tảng đá nhưng vẫn lấp ló tư duy và tâm hồn con người. Chiến

tranh tàn phá ác liệt nhưng cái đẹp vẫn hiện hữu. “Cái đẹp vĩnh cửu qua sương gió khác với cái đẹp hữu hạn của xác thịt con người” Cái đẹp thường biến mất trước suy nghĩ của những kẻ nông cạn trong *Thần sắc đẹp* của Hồ Thủy Giang; *Truyện Kỹ thuật gửi hoa* của Đào Anh Tuấn, tác giả đã dựng lên một nghịch cảnh đã tạo nên kịch tính khi cái đẹp cũng bị biến dạng. Con người ta mặc nhiên sống cùng sự giả tạo ngày một nâng cao. Tác giả đã khéo sắp đặt tình tiết xoay quanh tình huống truyện gợi nên một cách sống, một sự thiếu hụt trong đời sống của chúng ta. Đó là sự thành thực với chính mình... Điểm nổi bật của những truyện ngắn trên này ở chỗ tác giả biết kể chuyện, dựng chuyện một cách hợp lí, biết cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề theo cách riêng mà vẫn hợp với tư tưởng nhân văn của thời đại.

Đề tài đa dạng, sâu sắc. Đó là một thành công đáng biểu dương về bước tiến của truyện ngắn Thái Nguyên. Tuy nhiên, một số đề tài vẫn chưa được nhắc đến nhiều như lịch sử cuộc kháng chiến vĩ đại (gắn với địa danh ATK Định Hóa, núi Văn, núi Võ,..) và công lao to lớn của nhân dân Thái Nguyên; Thái Nguyên đệ nhất danh trà,... Bên cạnh đó, mảng đề tài truyện viết cho thiếu nhi chưa được nhiều cây viết “quan tâm chăm sóc”...

Có thể xem mỗi truyện ngắn là một cái nhìn đa chiều về cuộc sống, và như thế, truyện ngắn Thái nguyên đầu thế kỉ XXI là bức tranh toàn cảnh, được soi chiếu dưới vô vàn những góc độ khác nhau, với những trạng huống phức tạp. Qua đây, các nhà văn muốn hướng con người đến những tình cảm tốt đẹp đáng quý. Đồng thời lên tiếng chuông cảnh tỉnh con người trong xã hội hiện đại.

## **2.2. Cảm hứng chủ đạo trong truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI**

### **2.2.1. Cảm hứng ngợi ca - trữ tình**

Nổi bật và chi phối mạnh mẽ truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn đầu thế kỉ XXI là cảm hứng ngợi ca - trữ tình. Có thể nói, mỗi truyện ngắn Thái Nguyên, xét từ một góc độ nào đó, đều là một bài ca ca ngợi con người và cuộc sống, ca ngợi cái Đẹp, cái Chân, cái Thiện với những dạng thức phong phú của nó. Đó là những cái đẹp từ thể chất đến tâm hồn. Trong đó, vẻ đẹp của người



phụ nữ miền núi là một hình ảnh nổi bật, như một tấm gương phản chiếu đời sống xã hội thông qua cảm quan đầy tính nhân văn của người nghệ sĩ. Những truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan tỏ ra có duyên đặc biệt với chủ đề này.

Người phụ nữ miền núi có một vẻ đẹp trời phú, họ không những mang vẻ đẹp ngoại hình mà còn đẹp về nhân cách. Bởi thế họ được ưu ái và miêu tả một cách dày đặc trên trang viết của Như Lan. Hầu hết các truyện ngắn của chị đều viết về người phụ nữ, họ đều đẹp như những bức tranh núi rừng mà không cần tô điểm thêm bất cứ màu nổi nào. Có người được chị miêu tả tràn đầy gợi cảm: “Có làn da trắng nõn nà như cây chuối rừng”, có cô gái thì có “Đôi mắt đen dài, long lanh ướt như giọt rượu đầu, đôi má thì ung ửng màu phấn hoa”, cũng có người có “Khuôn mặt tròn như trăng ngày rằm, đôi mắt đen láy, trong vắt như giọt nước trong nhũ đá”. Vẻ đẹp trong sáng, thuần khiết đó đã lôi cuốn, làm say đắm bao chàng trai trẻ đến độ: “Vẻ đẹp đậm thắm của mẹ làm cho nhiều thằng trai trong vùng phải ngẩn ngơ, thay hết ông sáo trúc này tới ông sáo trúc khác để thả lời yêu say đắm” (*Bên dòng Nậm Ún*). Người phụ nữ miền núi mỗi người đều mang những nét đẹp riêng không lẫn với ai: “Cô gái Seo Mây đẹp như con chim công đẹp cả bộ lông lẫn tiếng hót”. Dường như vẻ đẹp của người phụ nữ được tỏa sáng giữa núi rừng mà không có gì có thể che lấp được. Trong tác phẩm *Lời Sli vắt ngang núi*, hai chị em Sao và Sang mang một vẻ đẹp của núi rừng thiên phú giống nhau: “Khuôn mặt tròn trắng như trăng rằm, đôi mắt đen láy giấu dưới hàng mi dày lua tua, ngòm ngọm đến cái miệng đỏ tươi như quả mấu lừ trên núi, mỗi khi cười để lộ nướm đồng xu sâu như nước xoáy cuộn cuộn mọi điều bí mật”. Nhân vật Hoa vợ Ké Pán là người dân tộc Kinh, chị mang một vẻ đẹp đậm thắm, duyên dáng của người con gái miền xuôi, nhưng chị cũng mang một vẻ đẹp riêng của người con gái miền núi “Pán lúng túng gật đầu, anh bị choáng ngợp trước vẻ đẹp đậm thắm của cô gái. Ôi dà! Người đâu mà đôi mắt tròn sáng như mắt hươu sao thế kia? Miệng tươi như nụ hoa, mỗi khi cười để lộ ra chiếc răng khênh đến là duyên. Pán nghĩ trong bụng, gái dưới

xuôi có khác, đi lại nhẹ nhàng như gió lướt chứ không nặng nề như gái bản...” (Truyện nhà Ké Pán). Bên cạnh vẻ đẹp hình thức mang những nét tự nhiên, dung dị, hồn hậu đầy khỏe khoắn mang nét đặc trưng riêng của người phụ nữ miền núi thì Bùi Thị Như Lan còn cho chúng ta thấy đằng sau vẻ đẹp tự nhiên ấy là một vẻ đẹp vẫn còn ẩn chứa bên trong mỗi người phụ nữ “Cái đẹp thoát ra thẳm kín từ lời nói, bước đi, từ đôi mắt tròn đen thăm thẳm mặn mà. Ánh mắt tụi con trai xoáy sâu mãi vào cái cổ ba ngón trắng ngần màu hoa bột bông mà mơ tưởng đắm đuối”, “Trăng đêm dát bạc đổ tràn vào người chị. Đôi má chị chín đỏ, mồ hôi, nước mắt tong tả đầy vui lòng coi..” (Mùa mắc mật)

Truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan nói nhiều đến phẩm chất của con người miền núi, đặc biệt là những chàng trai miền núi trong suốt cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. Đằng sau những dáng vẻ lộc ngọc, hiền lành đến khờ khạo của các chàng trai rừng núi là một nghị lực vô song, một ý chí can trường. Đối diện với hoàn cảnh và chiến thắng hoàn cảnh trong những khó khăn, khắc nghiệt của cuộc sống (Phố trên đá). Khí chất ấy, sự hùng dũng ấy hình như luôn thường trực trong dòng máu người lính miền núi. Tiếp bước chân của cha anh những chàng trai trẻ cứ lần lượt lên đường đi nhập ngũ như Pàng trong tác phẩm *Gió hoang*: “Bố, mé Pàng làm du kích, cầm súng bắn giặc tây, trong trận đánh đồn Nà Mây đã hi sinh. Pàng ở nhà với bà nội. Năm Pàng mười sáu tuổi, anh cứa ngón tay lấy máu viết đơn xung phong đi bộ đội. Anh đi một lèo, vượt qua không biết bao nhiêu cánh rừng, quả núi vào tít trong miền nam đánh giặc...”. Đến với cuộc chiến ai cũng hiểu rằng sẽ có muôn vàn bất trắc, gian khổ, thậm chí là cái chết, nhưng bằng sự dũng cảm của những con người miền núi, họ đều lao ra trận với lòng quả cảm mạnh mẽ. Nhà văn Bùi Thị Như Lan đã khắc họa đầy đủ sức sống mãnh liệt trong mỗi con người, đó là tinh thần yêu nước và ý chí quyết chiến, quyết thắng của người dân miền núi trong cuộc đấu tranh gìn giữ độc lập tự do cho dân tộc. A Phàng trong *Núi Đọi*, Chín trong *Trăng mọc trong thung lũng*, Pàng trong *Gió hoang* đều là những

đưa con duy nhất trong gia đình, nhưng không phải vì lí do đó mà gia đình cấm cản không cho đi chiến đấu. Mà chính họ là những người đã động viên và khuyến khích những đứa con của mình viết đơn nhập ngũ, tham gia chiến trận.

Viết về phẩm chất của những người phụ nữ miền núi, truyện ngắn *Hoa tâm xuân bé bỏng* của Nguyễn anh Đào là những xúc ngọt ngào, trong sáng của cô gái đi lấy chồng xa, lâu ngày mới được về thăm quê, để sống trong tình cảm nồng hậu của những người thân, của bà con làng xóm. Sống lại những kỉ niệm tuổi thơ với những kí ức mát lạnh. Câu chuyện gợi cho người đọc một cảm giác nhẹ nhõm, như một quầng lặng bình yên và thanh thản giữa cuộc đời hối hả và xô bồ. Vẻ đẹp tình người luôn hiện hữu đâu đây trong muôn mặt đời thường đã được tác giả Phạm Đức phản ánh khá thành công trong *Điều không ghi trong bản hợp đồng*. Bà Thu - một người phụ nữ mà cuộc đời gặp quá nhiều những đau khổ bất hạnh. Hơn 30 năm trước, bà Thu là cô gái trẻ trung hăm hở bước vào đời. Sống giữa Trường Sơn bao la, hùng vĩ, ngày ngày che chở cho dân quân rầm rập ra mặt trận, cô gái Thu cùng đồng đội ngày đêm vui trong tiếng hát mở đường. Ở đó, Thu đã gặp và yêu Quang, người lính lái xe Trường Sơn, một tình yêu trong sáng và thánh thiện. Nhưng rồi Quang đã không trở về. Thu đã mỏi mòn trong sự chờ đợi và ở vậy cho đến khi tuổi già bóng xế. Để có công việc sinh sống, bà Thu đã kí hợp đồng chăm sóc cho ông Đài, một người lính Trường Sơn nay sống trong cô quạnh và bệnh tật. Người vợ ông đã đột ngột ra đi. Hà con trai ông, chỉ đắm đuối vào công việc làm ăn, phó mặc người cha cho bà giúp việc. Hai con người đã có quá nhiều đau khổ ấy đã tìm được ở nhau sự đồng cảm, niềm an ủi nhưng rồi con trai ông Đài làm ăn thua lỗ, bị phá sản, đã quyết định bán đi căn nhà mà ông bà đang ở. Buồn bực và uất ức, ông Đài đã lên cơn đau tim và mất đột ngột. Tuy nhiên, khi chứng kiến tấm lòng và tình cảm của người giúp việc đối với cha mình, hai vợ chồng Hà đã ân hận và xin nhận bà Thu là mẹ của mình. Câu chuyện buồn nhưng kết thúc bằng tình người ấm áp, đâu có muộn màng.

Cuộc sống đời thường dẫu còn nhiều khó khăn, nhọc nhằn nhưng vẫn lóe lên ánh sáng của tình người ấm áp. Đó là điều mà nhà văn Bùi Nhật Lai tâm niệm. Văn ông nhẹ nhàng trong sáng. Những truyện ngắn của ông thường hướng đến những vấn đề tưởng như rất nhỏ nhặt, bình thường trong cuộc sống. Truyện *Người cha cô đơn* nói đến tâm trạng hoài quê và cảm giác cô đơn thường thấy của những bậc cha mẹ, ông bà có con cái trưởng thành và thành đạt, sống ở nơi phồn hoa đô thị, vẫn luôn dăm dăm về chốn quê nơi chôn nhau cắt rốn. Ông Hòa một mình ở quê, còn vợ chồng con trai sống trên tỉnh, đã nhiều lần con trai ông gửi thư về giục ông lên ở cùng, lần nữa mãi cuối cùng ông cũng thu xếp lên ở với con. Nhưng con dâu thì hay nói bỗ bã khiến ông tủi lòng. Các con ông tất bật với công việc làm ăn, con trai cũng chẳng có thời gian để ý đến ông. Ông Hòa chỉ ở nhà tự giam mình trong phòng hết xem tivi lại tưới cây. Ông nhớ quê vô cùng và ông đã nói với các con về quyết định về lại quê sinh sống. Về quê được nửa năm thì ông qua đời. Truyện ngắn *Đơn cô* lại là một nỗi niềm khao khát được sống trong tình thương yêu của những đứa trẻ mà bố mẹ li tán, ao ước được sống trong vòng tay của bậc sinh thành. Cậu bé Trung lớn lên trong sự thiếu vắng tình cảm của cha, luôn bị bạn bè ở xóm nói là thằng không có bố, nhiều lần Trung hỏi mẹ về bố nhưng mẹ Trung chỉ nói sau này lớn con sẽ hiểu. Trung học rất giỏi ngoài giờ học còn phụ giúp mẹ com nước, coi nhà, lo củi đóm, hái chè thuê, mò cua, bắt ốc... Những lúc rỗi việc Trung thường đứng nép bên hàng rào ngó xem nhà thằng Tài chơi, nó ước được như Tài. Và Trung đã quyết định đi mót than để vừa có tiền phụ mẹ nếu thừa sẽ để dành mua bộ điện tử. Lần đi mót than đầu tiên Trung kiếm được 10 ngàn 500 đồng. Sau buổi nghỉ trưa Trung lại tiếp tục ra chỗ nhặt than nhưng thật không may đất lở cuốn trôi cả em xuống dưới chân bãi than. Mọi người đã cứu vớt Trung đưa đi cấp cứu. Trong cơn mê sáng Trung thấy bố, thấy chiếc tivi và bộ đồ chơi điện tử, và rồi em không bao giờ tỉnh lại nữa.

Như vậy, với những cách tiếp cận hiện thực đời sống khác nhau, nhưng các nhà văn Thái Nguyên đều hướng ngòi bút tới những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống để ngợi ca và trân trọng. Đó là tình người tình đời. Truyện ngắn Thái Nguyên với cảm hứng ngợi ca - trữ tình đã biểu hiện tính nhân văn sâu sắc.

### 2.2.2. *Cảm hứng thế sự - đời tư*

Sau chiến tranh, con người trở về với cuộc sống đời thường. Văn học còn tiếp tục trượt theo quỹ đạo của đề tài chiến tranh với cảm hứng ngợi ca - trữ tình chiếm vị trí nổi trội cho đến giai đoạn Đổi mới (1986). Đất nước có nhiều biến đổi mạnh mẽ dưới sự tác động của cơ chế thị trường làm cho những hệ giá trị truyền thống bị chao đảo, những cái bất biến trở nên hằng biến. Văn học hướng sự tập trung vào việc phản ánh những biến động trong đời sống xã hội. Cảm hứng thế sự - đời tư trở thành cảm hứng nổi trội, chi phối sáng tác của các nhà văn nói chung và các nhà văn Thái Nguyên nói riêng. Nhất là truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn đầu thế kỉ XXI. Có lẽ các nhà văn Hồ Thủy Giang, Bùi Thị Như Lan, Bùi Nhật Lai... là những nhà văn Thái Nguyên tiên phong trong cảm hứng thế sự - đời tư với những suy tư, chiêm nghiệm về cuộc đời và con người, nhất là vấn đề đạo đức, vấn đề tha hóa nhân cách của cá nhân trong cơ chế thị trường.

Với mọi thời đại, đạo đức như một sự vẫy gọi mà các nhà văn luôn kiếm tìm và thể hiện. Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, đời sống xã hội biến đổi nhanh chóng theo vòng quay hồi hải của cơ chế thị trường thì tiếng gọi khẩn thiết về đạo đức của con người được đặt ra bức thiết hơn lúc nào hết. Sự phát triển như vũ bão của xã hội là những điều kiện có thể đưa con người ngự trị trên những vinh quang nhưng cũng sẵn sàng tước đoạt đi “*nhân tính*” thiêng liêng của mỗi người. Bằng trực cảm và trí tuệ sắc sảo, Hồ Thủy Giang nhận ra, đứng trước vòng xoáy của *đồng tiền, địa vị, danh vọng*, đạo đức bị đẩy lùi, cái ác, cái xấu tăng thêm, con người nhiều khi không còn giữ được chính mình.

Trong truyện ngắn *Mây gió ngàn ngơ*, người đọc được chứng kiến sự tha hóa đạo đức của nhà thơ Thục Phi. Nhà văn miêu tả ngoại hình mà Thục Phi tự tạo cho mình, “uốn hàng ria mép theo kiểu ghi đông cong veo như hai dấu phẩy

ngược, chiếc mũ phớt, cái áo hoa văn mừng cộng thêm đôi mắt giương giương đỏ cách”, điều này làm Thục Phi trở thành vừa bậm trợn vừa xa lạ trước những hội viên của mình. Ngoại hình đã vậy, tính cách Thục Phi cũng khác người, khi nào mà sáng tác được bài thơ ưng ý, thì dù mười hai giờ đêm vẫn đến nhà người quen đập cửa, xông vào oang oang đọc thơ bất chấp cả giấc ngủ của mọi người, có lần do say quá, Thục Phi còn gác chân ngủ ở ngoài đường tròn thành phố. Trước sự căm dỗ của đồng tiền Thục Phi bỏ hẳn việc sáng tác thi ca vì “thơ phú làm cái mẹ gì! Nghèo kiệt xác” để trở thành một giám sát viên tham nhũng, phá hoại về xây dựng công trình.

Đồng tiền chi phối mọi mối quan hệ cha con, vợ chồng, bạn bè, đồng nghiệp. Trong *Tình phụ tử* là câu chuyện đáng buồn của một cô con gái. Người cha muốn thừa kế cho cô ngôi nhà nhưng với một điều kiện là không chấp nhận chàng trai mà cô đang yêu. Để chiếm được ngôi nhà hàng tỷ đồng và để nó không rơi vào tay của mẹ kế, cô gái giả vờ chia tay với người yêu cũ và dẫn về một người yêu mới thậm chí còn có đầy đủ giấy đăng ký kết hôn. Người cha vui sướng ra đi sau ngày cưới của cô con gái trong tình phụ tử thiêng liêng không một vết rạn. Nhưng người cha đâu biết rằng chàng con rể khỏe mạnh, hiền từ, lạnh lợi nói năng hoạt bát đó lại do con mình thuê về làm “*chồng hờ*” trong vài ngày chờ đợi người bố sang tên cho ngôi nhà. Trong truyện kết thúc trong cảm xúc chông chênh của người đọc không biết nên thương hay nên trách cô gái.

Một câu chuyện khác éo le hơn nữa. Một đôi vợ chồng vì làm ăn thua lỗ nên bị bắt nợ mất ngôi nhà. Nhất định không để mất ngôi nhà, nên người vợ vốn có một nhan sắc trời phú đã dán thân vào một hợp đồng quái đản do lão chủ nợ đề xuất. Mỗi tuần thị đến sống ở nhà lão đến bốn ngày và lão trả cho chị thêm một triệu đồng. Với bản tính ranh ma người vợ tìm mọi cách cho lão già đó chết nhanh để giành lại được giấy tờ của ngôi nhà. Lúc giành lại được ngôi nhà, thì cũng là lúc người chồng vốn giàu lòng tự trọng bỏ đi, vì không thể chịu đựng hơn được nữa. Anh cho rằng lúc vợ mình tự dán thân vào cái hợp đồng kỳ

quái ấy, tức là cô đã bán đi nhân phẩm và hạnh phúc của mình. Và giờ đây khi Thị lấy lại được ngôi nhà thì hạnh phúc của hai vợ chồng chỉ còn lại một nắm tro tàn (*Tro tàn*). Vì tiền mà bà mẹ trong *Nỗi ám ảnh của một nữ tử phú* bỏ cả chồng con để theo một ông giám đốc giàu có, rồi cuối cùng bà ta bị người đàn ông đó phản bội lại nên đã hóa điên. Hay, vì sự quyến rũ của đồng tiền mà người cha theo một người đàn bà hơn mình đến chục tuổi vào tận trong Nam sinh sống, bỏ mặc người vợ đang mắc căn bệnh hiểm nghèo, hàng ngày vẫn phải lê tấm thân bệnh tật ra ngoài chợ để kiếm tiền nuôi con mới hơn mười tuổi (*Giấy vụn*).

Là một nhà văn nữ, một người lính, Bùi Thị Như Lan quan tâm đến vấn đề hạnh phúc của người phụ nữ miền núi sống trong sự kiểm tỏa của các hủ tục và những quan niệm đạo đức lạc hậu, lỗi thời Các truyện ngắn *Chiếc vòng bạc hình đôi chim Noọc Phầy*, *chuyện nhà ké Pản*... tiêu biểu cho cảm hứng này.

Trong các truyện ngắn của mình, Bùi Thị Như Lan như muốn lí giải căn nguyên của những đau khổ éo le đối với người phụ nữ, đa phần là do chiến tranh. Yêu nhau chưa lấy được nhau thì đi bộ đội, khi trở về hoặc trở thành thương phế binh, vợ đã lấy chồng khác, hoặc đã bỏ đi nơi khác, người phụ nữ thì đau đớn chờ đợi trong sự mỏi mòn của thời gian. Còn có những câu chuyện chỉ vì phong tục tập quán, hủ tục lạc hậu, mà khi thiên nhiên hạn hán dẫn đến việc người vợ kinh của ké Pản (*Chuyện nhà ké Pản*) bỗng trở thành nạn nhân, làm vật tế thần, dẫn đến gia đình ly tán. Nếu như người dân bản không tin vào những hủ tục lạc hậu, vớ vẩn của tập tục làng từ thời xa xưa, thì có lẽ Hoa đã không bị ở vào hoàn cảnh không đường lui như thế.

Nổi bật lên trong các truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan là vấn đề đời sống tình cảm của con người miền núi, nơi chị sinh ra, và điểm chị xoáy sâu, tạo thành truyện lại là sự éo le trong tình yêu, hôn nhân hạnh phúc của con người sau chiến tranh. Tất cả là những chuyện tình éo le đầy ngang trái và chính những éo le đó đa phần là do chiến tranh. Tuy nhiên ở đâu cũng vậy thôi, sự đau khổ của con người thường do chính con người tạo ra, chỉ có điều Như

Lan viết về miền núi nên cái chất miền núi hiện ra rất rõ: ngôn ngữ, tư duy, hành động...tác giả ý thức rõ về điều này nên chất “dân tộc” trong các truyện của chị hiện lên khá xuất sắc và đạt đến độ chín. Tất cả đều mang tính dân tộc sâu sắc và mang tính nhân văn khá cao.

Viết về những biến động của cuộc sống trong xu thế tác động của cơ chế thị trường, nhà văn Bùi Nhật Lai dành sự quan tâm để đồng cảm và chia sẻ với những bất hạnh của con người, những cảnh đời trái ngang, những trớ trêu khắc nghiệt của số phận. *Chuyện người hàng xóm* là một câu chuyện khá thương tâm về một gia đình mà cái đói khổ làm cho họ trở nên tha hóa và cay nghiệt. Gia đình ông Liêm ở trong căn nhà hai gian rộng chừng 20m<sup>2</sup>, vách đất cũ nát, thủng lỗ chỗ, dát mái lồi lõm. Ông làm bảo vệ cho một trường học cấp 2, được 11 năm thì nghỉ việc vì trộm cắp trong trường nhiều, một mình ông không trông coi xuê, vậy nên trường đã cho ông nghỉ việc. Vợ ông làm ruộng. Ông có 3 người con, nhà nghèo không đủ tiền lo cho 3 đứa nên các con ông đều bỏ học ở nhà giúp bố mẹ làm lụng. Mâu thuẫn trong nhà luôn xảy ra từ khi các con ông lấy vợ, lấy chồng. Con dâu bỏ đi, con trai suốt ngày rượu chè. Một mình vợ chồng ông Liêm vừa nuôi con, vừa nuôi cháu, nợ nần thiếu đói cứ triền miên. Đứa con gái út bỏ nhà lên thành phố, vài tháng sau vác cái bụng lùm lùm về nhà, đẻ xong con nó lại bỏ đi, thi thoảng mới về thăm nhà. Tuổi già chả biết sống chết ra sao giờ đây ông chỉ canh cánh một việc là nhờ người hàng xóm tìm cho đứa con gái út tên là Lan đang làm cave ở bến xe. Nhưng tâm nguyện không thành, ông mất mà không được nhìn mặt con lần cuối. Truyện ngắn *Luân Chuyển* lại là một trò đùa trớ trêu của số phận. Vợ chồng nhân vật Ông ban đầu chỉ là một công chức bình thường, với đồng lương ít ỏi phải nuôi 6 đứa con. Vận may đã mỉm cười với ông, từ nhân viên ông trở thành người có quyền thế trong cơ quan. Cũng từ đó, ông trở nên thay đổi cả hình dáng lẫn tính cách. Bạn bè ông có gì là ông có cái nấy. Mọi người rất khó có thể mời mọc gặp được ông, nếu có đi ăn với người ta ông cũng dùng đồ riêng, tự chọn thức ăn



riêng, ban đầu chỉ dùng bia nhưng dần ông chuyển sang rượu ngoại. Vợ chồng ông ngày càng béo ra, giờ đây chỉ lo tập tành giảm béo. Bà vợ dành dụm mua toàn những đồ tập “xịn” nào vợt cầu “din”, giày thể thao ngoại. Cuộc đời vợ chồng ông bỗng chốc thành tiên. Nhưng đến một ngày “chiếc ghế” ngồi của ông đã về tay người khác. Vợ chồng ông phải đi cầu cứu khắp nơi nhưng không ăn thua. Vợ chồng ông bà lăn ra ốm. Bà vợ thanh lí toàn bộ các dụng cụ thể thao “xịn” kia cho cô vợ nhà quê của anh cán bộ trẻ thay thế chỗ ông chồng.

Dấu ấn vùng miền cũng khá rõ nét trong văn xuôi Thái Nguyên giai đoạn đầu thế kỉ XXI. Một thành phố Thái Nguyên trong bối cảnh công nghiệp hóa, hội nhập hóa với biết bao những biến động thăng trầm chi phối cuộc sống của những con người bình thường, vốn đã lam lũ, nhưng lại dăm dăm giấc mộng đổi đời, để rồi phải chuốc lấy những bi kịch. *Lối về* của Bùi Nhật Lai là một gam màu buồn về cuộc sống. Ba người bạn thân sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông hăm hở thi vào đại học, vì không đủ điểm đỗ lên cả ba đã quyết định hướng đến tương lai bằng cách làm công nhân may ở một khu công nghiệp. Áp lực công việc cùng đồng lương ít ỏi đã khiến cho Lan không thể theo đuổi mơ ước của mình và mau chóng rơi vào con đường ăn chơi, xa đọa, bị lường gạt và trở thành một gái gọi chuyên nghiệp. Hòe có người yêu, cuộc sống khó khăn và tính ích kỉ cá nhân đã khiến cô và người bạn thân của mình phải rạn nứt tình cảm. Nhân vật *tôi* trở về quê hương sau những tháng năm bươn trải với môi ưu tư nặng trĩu về tình cảm con người. Truyện ngắn *Núi lở* của Hoàng Tô Nga lại là một bi kịch gia đình mà hệ lụy của nó là tình trạng khai thác vàng bừa bãi và những ước vọng đổi đời. Một gia đình vốn yên ấm nhưng rồi bỗng mất chồng, mất con vì tai nạn và nghiện ngập, đứa con trai cuối cùng đang học đại học tưởng là chỗ dựa cuối cùng của gia đình cuối cùng cũng bị đuổi học và rơi vào vòng lao lí.

Như vậy, có thể thấy, truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI đã bám sát cuộc sống hiện thực, phản ánh kịp thời những biến động của cuộc sống với tất cả sự phong phú, đa dạng của nó. Những tác động của cơ chế thị trường đã

ảnh hưởng không nhỏ đến những cuộc sống của con người ở mọi tầng lớp, địa vị xã hội, làm đảo lộn những hệ giá trị đạo đức truyền thống. Các nhà văn viết về cuộc sống ấy với một thái độ vừa phê phán, cảnh tỉnh, vừa thương cảm, xa xót trước sự tha hóa của đạo đức xã hội và nhân cách con người.

### **2.3. Một số gương mặt tiêu biểu của truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI (2000 - 2015)**

#### **2.3.1. Hồ Thủy Giang**

##### *2.3.1.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Hồ Thủy Giang*

Hồ Thủy Giang sinh ngày 20/06/1947 tại quận Kiến An thành phố Hải Phòng. Hiện ông thường trú tại số nhà 16, tổ 16, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên. Hồ Thủy Giang là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam, chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật - Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1960 Hồ Thủy Giang theo gia đình từ Hải Phòng lên Thái Nguyên sinh sống. Hồi nhỏ Hồ Thủy Giang rất thích đọc các tác phẩm văn chương và làm thơ để tặng bạn bè. Năm 19 tuổi, thơ của ông đã được in thành công của truyện ngắn đầu tay “Ngàn làm máy”, năm 21 tuổi, in trên báo tạp chí *Văn nghệ Việt Bắc*, với truyện ngắn này, ông là người đầu tiên đưa hình ảnh phụ nữ của nền công nghiệp hiện đại vào văn học. Sau đó Hồ Thủy Giang viết tiếp một loạt tác phẩm về đề tài “*công nghiệp hóa nông thôn*” và nhận được giải thưởng của Báo *Văn nghệ* - Hội nhà văn Việt Nam năm 1971 với tác phẩm “*Cô bánh xích*”.

Từ 1969 - 1980, Hồ Thủy Giang là giáo viên dạy văn ở trường Trung học cơ sở Đại Từ. Trong 11 năm vừa dạy học, vừa sáng tác, ông còn tự học hết chương trình Đại học, với ông tự học là điều rất quan trọng.

Năm 1980, Hồ Thủy Giang chuyển về công tác ở Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Thái Nguyên. Từ đó ông thực sự dành nhiều thời gian, tâm huyết vào sáng tác văn chương và đoạt nhiều giải thưởng của trung ương và địa phương.

Năm 1983, Hồ Thủy Giang làm Phó phòng Xuất bản Sở Văn hóa Bắc Thái. Năm 1987 ông chuyển sang làm Ủy viên Thường vụ Thường trực Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Thái. Từ năm 1992 đến năm 1998 Hồ Thủy Giang giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay ông đang là Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật - Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

### **\* Những tác phẩm tiêu biểu**

Với bốn mươi năm cầm bút, Hồ Thủy Giang được nhận hơn hai mươi giải thưởng của trung ương và địa phương như:

- Giải thưởng báo *Văn nghệ* - Hội nhà văn Việt Nam (1971)
- Giải thưởng báo *Giáo viên Nhân dân* (1976)
- Giải thưởng Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* (1981, 1990)
- Giải thưởng Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam (1997).

- Giải thưởng Hội Văn học Nghệ thuật các Dân tộc Thiểu số Việt Nam (2002, 2004, 2008, 2009)

- Giải thưởng truyện ngắn Tạp chí *Tài hoa trẻ* (2001)
- Giải thưởng kịch bản phim truyện của Bộ văn hóa (2007).
- Giải thưởng liên hoan phim truyện truyền hình toàn quốc năm 2010, v.v...

Hồ Thủy Giang đã cho ra mắt độc giả 16 tập truyện ngắn, hai tập thơ, một tiểu thuyết, hai cuốn phê bình văn học và ba kịch bản phim truyền hình.

Các tác phẩm tiêu biểu như:

- *Bạn cùng lớp* (truyện vừa) năm 1981.
- *Cô bánh xích* (tập truyện ngắn) năm 1985.
- *Có một cô gái trong đời* (tập truyện ngắn) năm 1987.
- *Con tàu đến muộn* (tập truyện ngắn) năm 1989.
- *Bông hoa cô đơn* (tập truyện ngắn) năm 1990.

- *Biệt li* (tiểu thuyết) năm 1994. Tái bản năm 2006 với nhan đề *Những phương trời lá rụng*.

- *Áo ảnh* (tập truyện ngắn) năm 1997.
- *Truyện ngắn chọn lọc* (tập truyện ngắn) năm 2002.
- *Văn học Thái Nguyên - Tác giả, tác phẩm* (phê bình văn học) năm 2004.
- *Mùa gió heo may* (tập truyện ngắn) năm 2005.
- *Bạn với cỏ cây* (tập thơ) năm 2009.
- *Dưới cờ phục quốc* (kịch bản phim) năm 2010.

### 2.3.1.2. Quan niệm sáng tác của Hồ Thủy Giang

Trong các nhà văn đương đại Thái Nguyên, Hồ Thủy Giang là người có tên tuổi và sự nghiệp. Ông là một trong số ít những nhà văn đoạt được nhiều giải thưởng cao ở Thủ đô gió ngàn. Để đạt được điều đó ông đã có một quá trình lao động nghiêm cần và say mê. Khi nói về đời viết, ông nhiệt thành chia sẻ: “*Với tôi, có ba yếu tố quanh năm ngày tháng luôn thường trực, đó là: sống, đọc và nghĩ. Thêm nữa, cũng giống với nhiều cây bút khác, hình như trong khi viết tôi có được chút ít “cái lộc trời cho”, như người ta thường nói - sự thăng hoa*”.[60, tr29] (*Ngẫu luận* - Phạm Văn Vũ)

Trong hành trình đến với văn chương, Hồ Thủy Giang luôn có một tâm niệm “viết hết mình làm tiêu chí”. Chính vì vậy, ông viết nhiều thể loại: thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, phê bình văn học và kịch bản phim nhưng thể loại mà ông dành nhiều tâm huyết nhất và đạt được nhiều thành công nhất là truyện ngắn. Hồ Thủy Giang rất thích đọc truyện ngắn, bởi vì theo ông: Truyện ngắn là thể loại có kết cấu ngắn gọn để đưa ra một triết lý, mang hơi thở của cuộc sống. Đọc nhiều truyện ngắn, mỗi người sẽ tìm thấy một phần cuộc đời và hình ảnh mình trong đó. Với ông, thực tại sống một nửa ngoài đời và một nửa là sống trong những tác phẩm văn học, chính vì vậy, Hồ Thủy Giang đã thể hiện rất rõ quan niệm nghệ thuật về cuộc sống, con người và văn chương trong các truyện ngắn của mình.

### 2.3.1.3. Cảm hứng chủ đạo

Bằng tâm huyết và vốn sống của mình, Hồ Thủy Giang đã mang đến cho người đọc những cung bậc, cảm xúc riêng về cuộc sống, con người và văn chương trong truyện ngắn của ông.

Với Hồ Thủy Giang những trang viết về cuộc sống ông hướng ngòi bút đến những câu chuyện tình yêu và hạnh phúc. Khi tìm hiểu truyện ngắn Hồ Thủy Giang chúng tôi nhận thấy, hơn nửa tác phẩm của ông là những truyện viết về tình yêu.. Mỗi câu chuyện tình yêu trong truyện ngắn của nhà văn đều thấm đượm những buồn thương, đau đớn, nước mắt, máu, thậm chí cả cái chết. Đọc *Con tàu đến muộn* ta thấy chỉ vì sự ghen tuông của người chồng, vì “tính sĩ diện của người đàn ông” mà dẫn đến cả hai tuy còn rất yêu nhau nhưng phải chia tay và sống trong niềm xót xa, ân hận. Châu và Tùng trong *Sao xanh* họ yêu nhau, quan tâm đến nhau nhưng chỉ vì tự mình đã tạo ra những rào cản nên họ đều phải chấp nhận sống cô đơn đến cuối đời. Hay chỉ vì sự cám dỗ của đồng tiền mà cô gái đã bỏ người yêu theo một giám đốc trẻ, để rồi “nhiều đêm nằm cạnh vợ mà chàng trai ấy vẫn âm thầm đón người yêu cũ”. Vì danh vọng mà Thịnh đã quên đi mối tình đầu tuyệt đẹp với Sâm để rồi bao nhiêu năm trôi qua nhưng Thịnh luôn day dứt về tình yêu đấy. Những câu chuyện về tình yêu trong truyện ngắn Hồ Thủy Giang thường thấm đượm những bi kịch, ít có những câu chuyện tình có hậu. Chính vì vậy nhà văn nhắn nhủ mọi người “đừng để nhìn thấy những cặp mắt tình yêu suốt đời phải khóc, thậm chí khóc bằng máu của cả kiếp người”[17,tr.74].

Hồ Thủy Giang đưa ra quan niệm: Hạnh phúc thực sự đâu chỉ là quyền lực, danh vọng và tiền tài. Đọc *Bông hoa cô đơn*, *Ngõ nhỏ*, *Con tàu đến muộn*, *Tro tàn*, *Tàu đêm*, *Chuyện tình ở dốc Ngụy Hiếm...* ta thấy rất rõ được quan niệm ấy của Hồ Thủy Giang. Trong cuộc đời nhiều khi chúng ta phải sống ước lệ nhiều quá. Đến mức, con người ước lệ đã chiến thắng con người thực nên đã đánh mất đi hạnh phúc đích thực của đời mình và suốt đời không bao giờ có thể tìm lại được. Thông qua những câu chuyện của vị chủ tịch tỉnh, của Tùng, thầy giáo Thanh... nhà văn mong muốn con người hãy trở lại với chính mình, là chính mình đừng để cho con người ước lệ kia chiến thắng. Con người muốn có được tình yêu, hạnh phúc thì mỗi người phải biết vị tha, bao dung, biết cảm thông, chia sẻ cùng nhau những nỗi buồn, niềm vui trong cuộc sống. Vấn đề thật nghiêm túc và cấp bách nhưng không phải ai cũng nhìn ra.

Nằm trong dòng chảy chung của văn học Việt Nam hiện đại, với quan niệm nghệ thuật về con người thế sự - đời tư, Hồ Thủy Giang không chỉ nhìn cuộc đời và con người một chiều mà nhìn con người trong nhiều mối quan hệ bộn bề phức tạp, bí ẩn đặt con người trong muôn mặt của cuộc sống đời thường. Trong những truyện ngắn *Cỏ dại*, *Cuồng phong*, *Hoa Phặc Phiền vẫn nở*, *Hoa Phượng*... nhà văn cho thấy con người luôn tồn tại hai mặt: đẹp - xấu, thiện - ác, cao cả - thấp hèn, yêu - ghét, vui - buồn, trong sáng - tối tăm, hạnh phúc - khổ đau, tự nhiên - xã hội. Đứng giữa những ranh giới mỏng manh ấy, con người không khéo sẽ bị kéo ngã về phía con người tự nhiên với những sai lầm vấp vấp, ngược lại con người sẽ hướng về phía con người xã hội. Với những truyện ngắn của mình, Hồ Thủy Giang cũng như nhiều nhà văn khác đã cố gắng thức tỉnh lương tri của mỗi người để giúp họ vươn tới cái Chân - Thiện - Mỹ.

Quan niệm về con người, Hồ Thủy Giang còn đề cập đến sự tác động của hoàn cảnh đối với nhân cách của con người. Đó là sự thay đổi nhanh chóng của Vĩnh từ một người anh hùng trong những năm tháng chiến tranh bỗng trở thành một kẻ đê tiện trong thời bình (*Cỏ dại*). Một người vợ vốn nét na, chung thủy vậy mà khi bị mất nhà đã bán đi cả nhân phẩm của mình (*Tro tàn*). Xuyên từ một học sinh ngoan, học giỏi vậy mà chỉ vì những lời phê trong quyển học bạ, đã bỏ học trở thành một cô gái giang hồ rồi nhận lấy cái chết đau đớn. Tuynh, một cán bộ trẻ vừa ra trường đầy năng lực và triển vọng nhưng sống trong một cơ quan mà cấp trưởng và cấp phó đấu đá nhau kịch liệt, Tuynh không giữ được chính mình và thành một kẻ không có chính kiến suốt đời là “*nô lệ*” của quyền lực... Từ những nhân vật đó, nhà văn như muốn gửi tới thông điệp: Chúng ta đừng để cho hoàn cảnh làm thay đổi đến nhân cách của mình. Và mọi người đừng đổ lỗi cho hoàn cảnh mà hãy tự nhìn lại mình. Dù gặp bất hạnh, trắc trở con người hãy cố gắng vươn lên làm chủ và chiến thắng hoàn cảnh đó mới là điều đáng quý.

Trong những tác phẩm của mình Hồ Thủy Giang thể hiện rõ những quan niệm nghệ thuật về văn chương: Văn chương không hề đơn giản chỉ phản ánh đời sống đang tồn tại mà nó còn phản ánh những “*ấn số*” của cuộc sống. Từ đó, văn chương phải có nhiệm vụ thúc đẩy cuộc sống của con người, giúp nhân loại thoát khỏi những bất an, phải đem lại sự an ủi cho con người. Văn chương không chỉ là “*tám gương*” phản chiếu cuộc sống, mà luôn song hành cùng cuộc sống. Phải chăng đây là quan điểm nghệ thuật cần suy ngẫm trong sáng tác Hồ Thủy Giang.

Văn chương không chỉ có tính giáo dục mà còn tự giáo dục. Thầy giáo Sơn qua những câu chuyện đáng xót xa của đời mình đã nhận ra “Viết văn hoặc dạy văn không chỉ là phản ánh hoặc tái hiện đời sống mà chính là để bù đắp vào khoảng trống mà cuộc đời đã vĩnh viễn đánh mất”[17,tr.183].

Khi bàn về giá trị của văn chương tác giả cũng đưa ra những nhận xét “Giá trị của văn chương quả là to lớn. Một truyện ngắn chục trang có thể làm thay đổi cả nếp nghĩ của cộng đồng. Một bài thơ ngắn ngủi mà có sức mạnh bằng mấy binh đoàn”. Và “Văn chương đã làm cho thiện thắng ác, cái đẹp tràn lên cái xấu, làm cho con người không ăn thịt lẫn nhau”[17,tr.91]. Hay “văn chương làm cho con người trở nên lương thiện”[17,tr.119]. Văn chương có thể giúp ta vượt qua được những nỗi đau của cuộc đời.

Trong truyện ngắn *Giấy vụn* từ cuộc đối thoại của người thầy giáo và ông biên tập ta cũng thấy được những tranh luận của tác giả về văn chương.

“Một giọng khê khê những ra chiều bề trên:

- À! Tác giả trẻ Thanh Tâm hả? Có chút ít năng khiếu đây nhưng văn chương ở tuổi nứt mắt ra sao mà buồn như đưa đám vậy. Ở tuổi này văn chương phải vui tươi, lạc quan mới hợp lẽ. Già! Già trước tuổi! Dù rất nể ông nhưng tôi vẫn không thể cho đăng được.

Giọng thầy hơi căng thẳng:

- Là biên tập viên tới hơn chục năm mà ông vẫn nghĩ sơ đẳng thế sao? Ông nghĩ văn chương là gì mà có thể thay giọng văn như thay áo vậy? Hơn

nữa, chắc ông cũng hiểu nỗi đau mới chính là bản chất của văn chương chứ đâu phải là những thứ lạc quan như ông nói. Những điều nó viết ra là đúng với những biến động của gia đình nó đấy. Vốn sống từ trong tâm can của nó là như vậy”[55,tr116].

Qua những tác phẩm truyện ngắn ta thấy quan niệm nghệ thuật về cuộc sống, con người và văn chương của Hồ Thủy Giang rất rõ ràng, thiết thực, mộc mạc và chân thành, không xa rời viễn vông. Mỗi truyện ngắn nhà văn trực tiếp hoặc gián tiếp đưa ra quan điểm, triết lý mang tính thông điệp, là những điều tâm huyết mà nhà văn muốn gửi đến người đọc. Đối với Hồ Thủy Giang đã viết văn thì: Tác phẩm đó phải nhằm phục vụ cho cuộc đời và con người, an ủi họ thoát khỏi sự bất an luôn tiềm ẩn trong cuộc sống hiện tại. Chính vì vậy, tìm hiểu về quan điểm nghệ thuật của nhà văn sẽ giúp độc giả hiểu đúng và sâu sắc hơn về những sáng tác của Hồ Thủy Giang.

### **2.3.2. Bùi Thị Như Lan**

#### **2.3.2.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Bùi Thị Như Lan**

Nhà văn Bùi Thị Như Lan sinh năm 1967 tại Chợ Đồn, Bắc Kạn. Bà là nhà văn dân tộc Tày. Nằm ở phía tây bắc của tỉnh Bắc Kạn. Chợ Đồn có vị thế chiến lược hết sức quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử. Địa hình hiểm trở, chạy dài suốt phía Bắc và Tây Bắc có cánh cung sông Gâm với nhiều ngọn núi cao trên 1000 mét. Dãy núi Phja Bjóoc hùng vĩ trở thành mái nhà chung của ba huyện: Chợ Đồn, Phủ Thông, Ba Bể. Ngoài ra, nơi này còn là căn cứ địa cách mạng quan trọng được chọn làm nơi xây dựng an toàn khu (ATK). Chợ Đồn là nơi hội tụ, sinh sống của sáu dân tộc anh em, bao gồm: Tày, Nùng, Dao, Mông, Hoa. Trong đó dân tộc Tày chiếm 71,3% tổng số dân trong huyện, họ sống chủ yếu ở vùng thấp, ven đồi núi, trong các thung lũng, dọc các con sông suối, với các bản sắc văn hóa riêng tạo nên một nền văn hóa của dân tộc Tày, hội tụ và xen lẫn bản sắc văn hóa của các dân tộc khác trong vùng. Chính vì được sinh ra trong “nôi” văn hóa độc đáo của dân tộc mình, của quê hương mình, mà những sáng tác của nhà văn Như Lan thấm đẫm bản sắc văn hóa dân tộc của núi rừng Việt Bắc.



Sinh ra và lớn lên trong cái nôi văn hóa đặc sắc như vậy cho nên ngay từ khi còn nhỏ, còn ngồi trên ghế nhà trường, Bùi Thị Như Lan đã viết được nhiều tản văn về quê hương miền núi của mình, được đăng trên các báo và tạp chí.

Tốt nghiệp Đại học sư phạm Hà Nội. Năm 1989, Bùi Thị Như Lan công tác tại Trường Thiếu sinh quân Quân khu I. Năm 1998 bà bắt đầu viết văn. Hiện nay, Bùi Thị Như Lan công tác ở báo Quân Khu Một.

**\* Những tác phẩm tiêu biểu:**

Trong chặng đường 14 năm cầm bút nhà văn đã cho ra đời một số tập truyện ngắn tiêu biểu như:

- + *Tiếng chim kỷ giàng*, Tập truyện, Nhà xuất bản Quân đội, 2004.
- + *Mùa hoa mắc mật*, Tập truyện, Nhà xuất bản Thanh niên, 2005.
- + *Hoa mía*, Tập truyện, Nhà xuất bản Thanh niên, 2006.
- + *Lời sli bay cao*, Tập truyện, Nhà xuất bản Quân đội, 2007.
- + *Bông bênh sưng núi*, Tập truyện, Nhà xuất bản Dân tộc 2009.
- + *Cơn nước đôi*, Tập truyện, Nhà xuất bản Quân đội 2012.
- + *Hoa Bjoóc phạ*, Tập truyện, Nhà xuất bản Kim đồng 2013.
- + *Tiếng kèn pìlè*, Tập truyện, Nhà xuất bản Quân đội năm 2015.

Các tác phẩm của bà đã đạt được nhiều giải thưởng lớn:

- Giải Ba, Truyện ngắn *Bố ơi!* Cuộc thi viết truyện ngắn trong đời bộ đội của Tổng cục Chính trị (1999).
- Giải Ba (không có giải Nhất), truyện ngắn *Núi đọi*, Cuộc thi viết truyện ngắn, Tạp chí Văn nghệ Quân đội (2001 - 2002).
- Giải Nhì, truyện ngắn *Gió hoang*, cuộc thi sáng tác truyện ngắn và bút kí, Tạp chí văn hóa các dân tộc (2004).
- Giải C, Tập truyện *Hoa mía*, Phân loại giải thưởng hàng năm, Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam (2006).
- Giải A, Tập truyện ngắn *Tiếng chim kỷ giàng*, Tổng kết 5 năm truyện ngắn Thái Nguyên (2007).
- Giải Ba truyện ngắn *Bjoóc phạ*, cuộc thi viết truyện ngắn, bút ký do Hội Nhà văn phối hợp với Bộ Giáo dục - Đào tạo tổ chức.

### 2.3.2.2. Quan niệm sáng tác trong truyện ngắn Bùi Thị Như Lan

Bùi Thị Như Lan là một cái tên nổi bật trong văn xuôi Thái Nguyên. Sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm, bà trở thành giáo viên của Trường Thiếu sinh quân Việt Bắc (1990 - 2005). Ngôi trường này học sinh là những con em dân tộc thiểu số Việt Bắc, nên có dấu ấn rất rõ rệt tới những tác phẩm của bà. Ngoài ra, khi làm Báo Quân khu 1 do đặc thù nghề nghiệp, nhà văn đi công tác rất nhiều được cùng sống, cùng ăn, cùng ở với đồng bào, lắng nghe nhiều chuyện về cuộc sống của đồng bào miền núi để qua đó, nhà văn có thêm những nguồn tư liệu vô cùng quý giá về cuộc sống phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc vùng cao.

Nhà văn Như Lan đến với văn chương một cách ngẫu nhiên và như một mối duyên kỳ ngộ, bà đã từng viết: “Chặng đường 14 năm cầm bút sáng tác văn xuôi của tôi chưa phải là dài so với các bậc nhà văn cao niên, những “cây đa, cây đề” trong làng văn Thái nguyên như Cố nhà văn Vi Hồng, Nhà văn Ma Trường Nguyên, nhà văn Hà Đức Toàn, nhà văn Hồ Thủy Giang....và những cây bút văn xuôi đàn anh đàn chị “lão luyện” như Ngọc Thị Kẹo, Phạm Đức, Hoàng Luận. Thế nhưng, điều tôi có thể “trái lòng” đó là tôi luôn đam mê, tâm huyết sáng tác về mảng đề tài Dân tộc - Miền núi. Trong đó bản sắc văn hóa dân tộc của quê hương Việt Bắc là một “via quặng” quý hiếm, mà tôi càng đi sâu khai thác càng thấy ngồn ngộn những điều muốn nói, muốn viết.”

Là nhà văn quân đội nhưng Bùi Thị Như Lan cũng có những quan điểm viết riêng để có được những tác phẩm mang nét riêng vào độc đáo. Theo nhà văn Như Lan vấn đề quan thiết nhất của các nhà văn và các cây bút đó chính là tư duy, tài năng và chọn đề tài. Tài năng của nhà văn là yếu tố hàng đầu để có tác phẩm hay. Đó là hạt giống. Nhưng để hạt giống đó nảy mầm, ra hoa, kết trái, phải phụ thuộc vào mảnh đất gieo trồng. Mảnh đất ấy chính là cội nguồn là gốc rễ của mỗi nhà văn, để rồi bằng vốn sống được tích lũy, cách tiếp cận khai thác triệt để đề tài tâm đắc nhất, qua tư duy sẽ cho ra đời tác phẩm mang hơi thở, cuộc sống vùng miền.

Với nhà văn, cội nguồn, gốc rễ chính là bản sắc văn hóa dân tộc của quê hương vùng cao Việt Bắc. Trong đó, tinh hoa văn hóa và nét đẹp truyền thống nằm trong ngôn ngữ, chữ viết, nhà ở, y phục, phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội cổ truyền và văn hóa văn nghệ dân gian.... Đây chính là nguồn sữa nuôi dưỡng sự đam mê sáng tác của nhà văn.

Khi sáng tác văn học điều mà nhà văn luôn tâm niệm đó là, phải bám sát dòng chảy của cuộc sống vùng cao, bởi ngày nay trong thời kì đổi mới và hội nhập, kinh tế xã hội ở vùng cao không ngừng phát triển. Sáng tác văn học nếu “bám rễ” vào cuộc sống mới, nêu bật được cái hay, cái đẹp, những thành quả của khoa học kỹ thuật, mối giao thoa giữa các nền văn hóa trong cộng đồng và cả cái khiếm khuyết của cuộc sống hiện tại đang trên đà chuyển động, đổi mới và phát triển, đó là nhiệm vụ của người cầm bút. Và khi tác phẩm đi vào đời sống của người đồng bào vùng cao, thì chính nó lại góp phần giữ gìn phát triển bản sắc văn hóa dân tộc.

Để phản ánh thực trạng cuộc sống và sự phát triển của thời đại, khi sáng tác nhà văn đã cố đi sâu vào nhiều khía cạnh, góc độ của cuộc sống, khai thác tâm trạng nhân vật gắn với tâm lí cộng đồng, kết cấu chặt chẽ, các nhân vật mỗi người, mỗi vẻ, các nhân vật tự va chạm, cọ xát, xung đột mâu thuẫn...tạo nên tính cách nhân vật phong phú, có chiều sâu trong dòng chảy vô tận của cuộc sống vùng cao. Bên cạnh đó khắc họa hình tượng nhân vật, phải để nhân vật diễn đạt ngôn ngữ mộc mạc mà sinh động, chân chất nhưng linh hoạt.... Chính những điều đó đã làm nên những thành công của bà trên văn đàn và đã tạo được lối đi riêng.

### 2.3.2.3. *Cảm hứng chủ đạo*

Với Bùi Thị Như Lan cảm hứng bắt nguồn từ ký ức tuổi thơ. Nhà văn cho rằng: “Tôi sinh ra và lớn lên trong gia đình người dân tộc Tày. Tuổi thơ tôi đắm trong tiếng ru, lời hát “lợn khắp”, “lợn cọi” của bà của mẹ. Bà ngoại đã thổi vào tâm hồn tôi những câu truyện cổ tích “ Cổ tích thỏ công Bản Mạc” “ Pjạ lấy vợ tiên”, “ Cô quý, cô chèn”... và kể chuyện thơ nôm như “ Slam Péc - Anh Tài,

Nam Kim Thị Đan, Khảm Hải, Bjoóc Râm... mang đậm văn hóa vùng miền. Những đứa trẻ núi chúng tôi, từ bé đến khi trưởng thành, được sống trong âm hưởng của nền ca dao tục ngữ, thành ngữ phong phú, đậm đà bản sắc, phản ánh những kinh nghiệm sản xuất và đấu tranh của nhân dân lao động chống lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên, chống bất công trong xã hội, cũng như tình yêu đôi lứa, gia đình..... đó chính là cái nôi nuôi dưỡng ước mơ sáng tác văn học của tôi”.

Nhà văn nữ dân tộc Tày Bùi Thị Như Lan là một nhà văn quân đội (quân khu I), cho nên bà hay viết về đề tài cuộc sống con người miền núi phía Bắc, và nhất là những số phận, cảnh ngộ của những người phụ nữ (có chồng tham gia quân đội) và những người lính DTTS trong đời sống quân ngũ và cuộc sống đời thường. Là một nhà văn nữ còn trẻ, khỏe, Bùi Thị Như Lan đã lăn lộn nhiều trên mọi miền thuộc biên giới phía Bắc và đam mê nghiệp văn chương nên chị viết đều, viết đa dạng các thể loại, chủ đề và đặc biệt là viết nhiều ở thể loại truyện ngắn chính thể loại này đã được đánh giá và đạt được nhiều giải thưởng cao.

Đề tài đậm đặc nhất của bà có lẽ là đời sống tình cảm của con người miền núi nơi bà sinh ra, vấn đề mà nhà văn xoáy sâu, tạo thành truyện lại là sự éo le trong tình yêu, trong hôn nhân hạnh phúc của con người sau chiến tranh. Có một loạt truyện như thế, ví dụ *Chiếc vòng bạc hình đôi chim nộc phây*, truyện *Mùa hoa gấm*, truyện *Bố ơi*, truyện *Hoa mía*, *Gió hoang*, vvv. Có thể coi đây là những chuyện tình éo le về số phận con người trong và sau chiến tranh. Chẳng hạn: (yêu nhau, chưa lấy nhau thì phải đi bộ đội, khi trở về trở thành thương phế hoặc vợ đi lấy chồng khác... Cũng có sự éo le trong phong tục, ví dụ như truyện nhà Ké Pản đang sống rất hạnh phúc, do thiên nhiên hạn hán, người vợ của Ké Pản bỗng trở thành nạn nhân, làm vật tế thần, gia đình li tán... Mặt khác, lại có sự éo le do sự yếu đuối của lòng người (*Hoa mía*). Do không thắng được dục vọng mà người anh rể quan hệ với em vợ để rồi cuối cùng gia đình đổ vỡ.

Như vậy, có thể thấy sự đau khổ của con người, sự éo le của cuộc sống thường do chính con người tạo ra, và hầu hết các nhà văn đều muốn thông qua

tác phẩm của mình để thể hiện một khía cạnh nào đó của cuộc sống và tác phẩm của nhà văn Như Lan cũng vậy. Tuy nhiên nhà văn viết về đề tài miền núi nên cái chất miền núi hiện ra rất rõ: Ngôn ngữ, tư duy, hành động... Tác giả ý thức rõ được điều này nên chất “dân tộc” của bà hiện lên khá rõ nét.

Nhà văn Bùi Thị Như Lan là nhà văn nữ đầu tiên viết về nhân vật và thân phận người phụ nữ dân tộc miền núi. Những tác phẩm của bà được coi như là “món ăn đặc sản” của đồng bào, đặc biệt chiến sĩ bộ đội biên phòng đóng quân nơi biên cương, hải đảo, vùng núi xa xôi.

Ngòi bút của nhà văn Như Lan đã phác thảo nên bức tranh sinh động về cuộc sống ở vùng núi phía Bắc. Ở đó có những vĩa tầng văn hóa được hun đúc qua hàng trăm thế hệ, đó là những phong tục tập quán của các đồng bào dân tộc, những lối sống, nếp sống văn hóa được ẩn nấp dưới những lớp nhà sàn ven núi. Vẻ đẹp của người phụ nữ được nhà văn khai thác và phác họa rất sinh động. Bằng ngòi bút dung dị, nhẹ nhàng thông qua miêu tả diễn biến nội tâm của nhân vật trong từng cốt truyện, nhà văn đã gửi tới người đọc thông điệp: Mất văn hóa nghĩa là mất gốc.

Trên đà những thành công đạt được, nhà văn vẫn tiếp tục miệt mài sáng tác. Ngoài công việc làm báo, nhà văn còn đi đến những miền đất, những vùng núi, để khám phá tìm tòi cách thể hiện mới, bóc tách dần những lớp tầng văn hóa để có thể chạm tới cội rễ sâu của suy nghĩ con người và những biến thiên văn hóa của các dân tộc. Tác phẩm mới nhất của bà là tập truyện *Tiếng kèn pí-lê* - đây là kết quả sau bao nhiêu năm bà miệt mài với những con chữ, với vốn kiến thức bà tích góp sau những lần đi thực tế để lấy tư liệu viết báo, bà đã gặp và đã nghiên cứu ấp ủ và viết ra tác phẩm mới nhất của mình. Với tính cẩn thận và trau trốt của bà, đưa con tinh thần nói trên đã và đang được Nhà xuất bản quân đội in và phát hành trong tháng 5 năm 2015.

Nhà văn nữ dân tộc Tày Bùi Thị Như Lan xứng đáng là lớp nhà văn sau đổi mới, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn học DTTS thời kì hiện đại.

### **2.3.3. Bùi Nhật Lai**

#### **2.3.3.1. Tiểu sử và sự nghiệp sáng tác**

Bùi Nhật Lai sinh ngày 5/3/1958 tại Làng Lân, xã Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên (nay thuộc tiểu khu Lân 2 - Thị trấn Đu - Phú Lương - Thái Nguyên). Ông còn có bút danh là Hồ Hải Ly. Là một giáo viên Ngữ văn công tác nhiều năm ở miền núi, sống và gắn bó với mảnh đất Phú Lương, Bùi Nhật Lai bắt đầu đến với nghề viết từ những năm cuối cùng của thế kỉ XX. Ông là hội viên Hội VHNT tỉnh Thái Nguyên.

Sinh ra và lớn lên tại một làng quê miền núi tỉnh Thái Nguyên trong một gia đình khá giả mặc dù bố mẹ đều làm ruộng, Bùi Nhật Lai đã sớm có những tình cảm gắn bó với làng quê, với ruộng đồng ngay từ thuở lọt lòng.

Sinh ra trong những năm tháng đất nước chìm trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, chứng kiến cả hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ ra miền Bắc, quê hương của nhà văn cũng nhiều lần bị máy bay Mỹ ném bom, bắn phá, bom đạn nổ sáng rực cả bầu trời vì khu mỏ than Phấn Mễ cũng là mục tiêu ném bom của Mỹ rất nhiều lần. Chiến tranh đi cùng với những bất hạnh, lên 8 tuổi, cậu bé Bùi Nhật Lai đã phải mồ côi bố, rồi anh cả vào chiến trường không trở về, thời thơ ấu của ông đầy vất vả, cực nhọc. Nhưng cũng chính vì thế mà ông sớm biết tự lập, luôn có ý chí nỗ lực vươn lên.. Tốt nghiệp cấp 3 năm 1978, ông. vào học trường sư phạm 10+3 Bắc Thái. Ra trường, về mảnh đất quê hương Phú Lương công tác, ông thấu hiểu và sẻ chia cùng bạn bè, đồng nghiệp những khó khăn vất vả trong công tác. Đó cũng là nơi nuôi dưỡng những cảm xúc cho ông để đến với nghiệp văn chương. Bùi Nhật Lai bước chân vào nghề viết khá muộn. Ông viết xoay quanh cảm xúc riêng, viết về những cảm nghĩ, những suy tư của chính bản thân mình về cuộc đời, viết về những người thân, bạn bè của mình.

Sáng tác nhiều, có thể mạnh về tản văn và truyện ngắn, tới nay, Bùi Nhật Lai đã trình làng một khối lượng tác phẩm khá đáng kể, bao gồm 8 tập truyện ngắn và tản văn:

- 1 - *Ký ức đồng quê* - Tập tản văn, Nhà Xb Hội Nhà văn (2005).
- 2 - *Người đàn bà ấy* - Tập truyện ngắn, Nhà Xb Hội Nhà văn (2006).
- 3 - *Truyện thuyết ve sầu và phượng vĩ*, Truyện thiếu nhi (2007).
- 4 - *Làng tôi ngày ấy bây giờ* - Tập bút ký, Nhà Xb Văn hóa dân tộc (2010).
- 5 - *Khói biếc chiều quê* - Tập tản văn, Nhà Xb Dân trí (2011).
- 6 - *Chìa khóa tình yêu* - Nhà Xb Trẻ (2012).
- 7 - *Trở về những làng quê* - Tập bút ký - phóng sự, Nhà Xb VHDT (2013).
- 8 - *Phố quê* - Tập tùy bút - bút ký, Nhà Xb Lao động (Năm 2015).

Với gần 20 năm cầm bút và lao động nghệ thuật sáng tạo, Bùi Nhật Lai đã gặt hái được những thành công đáng khích lệ, với một số giải thưởng quan trọng:

1. Giải nhì cuộc thi truyện ngắn (không có giải nhất) Báo Văn nghệ Thái Nguyên năm 2002.
2. Giải Nhì cuộc thi bút ký - Sở Văn hóa - Thái Nguyên năm 2002.
3. Giải Nhất cuộc thi bút ký - Sở Văn hóa - Thái Nguyên năm 2004.
4. Giải ba cuộc thi truyện ngắn viết cho trẻ thơ năm 2006.
5. Giải nhì cuộc thi truyện ngắn viết cho trẻ thơ năm 2007.
6. Giải ba cuộc thi truyện ngắn - bút ký Báo Văn nghệ Thái Nguyên năm 2009.
7. Giải Khuyến khích cuộc thi Ký - Đài tiếng nói Việt Nam năm 2009.
8. Giải ba tác phẩm xuất sắc Hội VHNT Thái Nguyên năm 2012.

#### 2.3.3.2. *Quan niệm nghệ thuật*

Bùi Nhật Lai luôn quan niệm viết văn là công việc sáng tạo nghệ thuật âm thầm, người viết thường rất cô đơn trên những trang viết của mình, đó là công việc vô cùng cực nhọc, khó khăn và vất vả, song, nó cũng có sức cuốn hút rất mạnh mẽ, bởi thông qua những trang viết, những tác phẩm của mình, nhà văn được bày tỏ những cung bậc cảm xúc của mình trước những hiện thực của đời sống xã hội một cách thẳng thắn nhất, trung thực nhất; nói lên những

suy nghĩ của mình trong đó có cả niềm vui và nỗi buồn. Nhà văn luôn hướng ngòi bút của mình để viết về cuộc sống hiện tại và những xúc cảm của bản thân. Ông cũng thường hay hoài niệm về quá khứ để rồi tôi luôn nhớ. Các nhân vật của ông cũng rất đơn giản, họ là những người lao động bình thường với đời sống còn rất nhiều khó khăn, hay là những nghệ sỹ, những công chức nhất là những người nông dân nghèo, ông đã sống với họ, hiểu về họ và cảm thông với họ. Viết về quá khứ để hướng tâm tới tương lai tốt đẹp. Dùng văn chương để khơi gợi tình cảm của con người, giúp cho con người thêm yêu thương, gắn bó với nhau, chia sẻ với nhau cùng hướng tới cái chân, thiện, mỹ. Nhà văn luôn tự hào và ngẩng cao đầu trước những trang viết.. Với ông, viết là hành trình đến với tự do, không hề bị gò bó, ép buộc bởi một áp lực nào. Viết văn giúp ông có nhiều thời gian để suy ngẫm về bản thân và qua đó tự tu dưỡng rèn luyện nhân cách của chính mình.

### 2.3.3.3. *Cảm hứng chủ đạo*

Có lẽ cái ám ảnh vô thức từ thuở thi trượng đại học, hoặc cái tâm thế của một "ông giáo trường làng" và cả từ cái cơ duyên đến với người viết khi đã phần nào luống tuổi, mà truyện ngắn của Bùi Nhật lai thường là những ám ảnh của nghề viết, những dằn vặt, suy tư, bức bối của những văn nhân "tài cao phận thấp chí khí uất". Hay do vốn tính ông luôn nói thẳng, ghét sự hoa mỹ giả dối, ghét những kẻ luôn cao đạo mà phỉnh phờ người này, chê trách người kia. Tính đố kỵ, bảo thủ và cả những ảo vọng vốn rất phổ biến trong giới cầm bút, điều này in sâu trong những trang văn của ông. Một loạt truyện ngắn như *Lão Chư*, *Thử sức*, *Vòng quay*... là những ám dụ về một kiểu người trong nghề viết. Một Lão Chư về hưu với cái bằng đại học nhưng luôn hom hĩnh, cho mình là người có chữ nghĩa bậc nhất của cái tiểu khu nhiều người sinh văn thơ. Lão quan niệm "Cần câu lớn phải giật cá ngao mới xứng! Phải đến những biển, hồ rộng lớn. Ao chuôm nhỏ sao thỏa chí vẫy vùng" để rồi lão mơ ước và theo đuổi mục đích phải viết cho thiên hạ sáng mắt ra. Những rồi, tất



cả những truyện ngắn lão gửi, niềm kì vọng thiêng liêng của lão, rút cục, chỉ nhận được lời hồi âm của ban biên tập một tờ báo lớn của Trung ương, rằng: “cả ba truyện đều hao hao giống những truyện ngắn của Nam Cao (nếu không muốn nói là bắt chước)” đã làm lão một phen ê chề và vỡ tan ảo mộng. Cũng vậy, lão Kim Nguru trong *Thử sức* chỉ có mấy câu vắn vè mà lão được nhiều kẻ ngưỡng mộ, coi như một “cây đa, cây đề” trong nghề viết, để rồi có một anh chàng, vì ngưỡng vọng lão thì ít mà do được lão tâng bốc quá thể thì nhiều, mà âm thầm tập làm thơ với ước vọng đổi đời. Nhưng rồi, tài năng, tiền bạc đâu chẳng thấy, chỉ thấy, tiền điện tăng lên, việc nhà trĩ nài, vợ con phàn nàn. Thiếu chút nữa, hẳn đã tự tay phá tan tổ ấm của mình chỉ vì những ảo vọng. *Vòng quay* cũng lại là một câu chuyện về những ảo tưởng của sự viết lách, dẫn đến bi kịch gia đình và tha hóa bản thân. Bùi Nhật Lai muốn cảnh tỉnh những ham muốn thái quá, những ước vọng ảo huyền của một bộ phận những người sống quanh ông, hoặc giả, đó chính là sự e dè, cảnh tỉnh đối với chính ông trong nghề viết, rằng phải biết điểm dừng của chính mình. Đó là một sự cần trọng cần thiết, và đáng trân trọng.

Cũng như một số tác giả Thái Nguyên bước đầu sáng tác từ những thập niên cuối cùng của thế kỉ trước, Truyện ngắn của Bùi Nhật Lai chủ yếu là được viết lên với cảm hứng ngợi ca là chủ yếu. Bùi Nhật Lai khám phá cuộc sống ở khía cạnh bình dị. Truyện của ông không đao to búa lớn, không cao đàm khoát luận, trái lại, nó nhẹ nhàng đến rụt rè, mỏng mảnh. Có những truyện man mác một xúc cảm băng khuâng như khói sương hoài niệm, *Dòng sông nổi nhớ*, *Bếp lửa mùa đông* nhẹ nhàng miên man, đậm chất kí. Dường như Bùi Nhật Lai chỉ quần quanh trong những câu chuyện ngoài làng trong xóm mà ít hướng ngòi bút đến với những không gian mới, rộng. Ngay cả khi viết về những biến động của xã hội hiện đại, của cơ chế thị trường đang tác oai tác quái, gây ra những bi kịch cho rất nhiều những gia đình nông dân chân chất, thì văn của Bùi Nhật Lai cũng chưa bao giờ trở nên cay nghiệt. Nhà văn vẫn hướng tới các nhân vật

của mình với một thái độ cảm thương, xa xót và trân trọng những biểu hiện cao cả của tình người. Bên cạnh những ám ảnh của nghề viết là những ám ảnh của cuộc đời, của những thân phận. Ta dễ nhận ra nhân vật của Bùi Nhật Lai ở cái căn cước nhà quê trong các nhân vật của ông. Những cái tên như Phạm Hoàng Hách, Mã lệ Chư, hay ông Lách, lão Huyền vừa như có cái quê mùa cổ hủ của những viên chức nhà nước mà vẫn chưa đi xa khỏi ruộng đồng, vườn tược, vừa có cái ranh ma của những kẻ rắp tâm đua đòi, bon chen ở chốn thị thành. Tác giả không chế giễu, cũng không đồng tình, chỉ như nhắc nhở nhẹ nhàng mà sâu sắc, thấm thía về ý thức nguồn cội.

Ám ảnh tuổi thơ cũng nhiều lần trở đi trở lại trong sáng tác của Bùi Nhật Lai. Kí ức về một vùng quê nghèo, về người bu già cả đời tần tảo, về chiến tranh, loạn lạc, về xum họp, chia lìa...văn Nhật Lai thấm đẫm chất tình cảm của một người trai nhiều duyên nợ, nặng tình với quê hương. Vì vậy, dẫu cho những truyện ngắn của ông không sắc sảo, không hiện đại, không cách tân thì cũng không phải là không tạo ra được những ám ảnh cần thiết cho người đọc.

## Tiểu kết chương 2

Nhìn từ nội dung phản ánh, truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI có những thành công nhất định. Trước hết, đó là sự mở rộng về đề tài và biên độ phản ánh. Truyện ngắn Thái Nguyên đã thoát ra khỏi chiếc áo khoác chật chội của những năm cuối thế kỉ XX về trước, khi mà hầu như các tác giả chỉ quan tâm với hương đất hương chè, chuyện đời, chuyện núi. Mở rộng đề tài và biên độ phản ánh gắn liền với những sắc thái cảm hứng rõ rệt, có chiều hướng biến đổi ngày càng phong phú hơn. Từ cảm hứng ngợi ca trữ tình đến cảm hứng thể sự đòi tư, nắm bắt và phản ánh kịp thời những biến thiên của cuộc sống, đặc biệt là cuộc sống của những con người bình dân dưới tác động của nền kinh tế thị trường.

Các tác giả truyện ngắn Thái Nguyên tiêu biểu như Hồ Thủy Giang, Bùi Thị Như Lan, Bùi Nhật Lai tiêu biểu cho các tác giả truyện ngắn Thái Nguyên thời kì hiện đại. Ở họ có điểm chung của những đam mê sáng tạo nghệ thuật, trân trọng và gắn bó với mảnh đất quê hương xứ Thái, viết văn như là để trả món nợ tình nghĩa, như một sự tri ân đối với vùng đất đã cưu mang, nặng tình nặng nghĩa. Tuy nhiên, dấu ấn cá tính sáng tạo trong các tác giả kể trên cũng được biểu hiện rất rõ. Điều này tạo nên sự đa dạng, phong phú cho truyện ngắn Thái Nguyên, cũng như tạo được sự mê mẩn của người đọc. Truyện ngắn của các tác giả nói trên là những gam màu chủ đạo trong bức tranh truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI.

## Chương 3

# MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT TRONG TRUYỆN NGẮN THÁI NGUYÊN ĐẦU THẾ KỈ XXI (2000 - 2015)

### 3.1. Cốt truyện

Cốt truyện là một hệ thống cụ thể những sự kiện, biến cố, hành động trong tác phẩm tự sự và tác phẩm kịch, thể hiện mối quan hệ qua lại giữa các tính cách trong một hoàn cảnh xã hội nhất định nhằm thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Nói như Lại Nguyên Ân cốt truyện là “*một phẩm chất có giá trị của văn học... Trong các thể loại văn học, các cốt truyện là thành phần quan trọng thiết yếu của tự sự và kịch*”[1, tr. 114]. Như vậy, có thể thấy, cốt truyện là bộ khung xương của một tác phẩm văn xuôi. Nó bao gồm toàn bộ diễn biến của câu chuyện từ khởi đầu cho đến kết thúc.

Có thể nói, văn xuôi Thái Nguyên đã có nhiều khởi sắc. Tuy chưa có những đỉnh cao vượt trội nhưng nhìn chung, chất lượng khá đồng đều, người đọc thấy rõ các cây bút có tay nghề vững vàng, truyện đều có chuyện, đậm chất văn chương., một số truyện có phong cách riêng, hấp dẫn. Truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI tuy đã có sự vận động, phát triển và một số sáng tạo, cách tân theo chiều hướng hiện đại, nhưng nhìn chung, cốt truyện trong truyện ngắn Thái Nguyên phổ biến vẫn là 3 loại cốt truyện chính, đó là cốt truyện theo thời gian tuyến tính, cốt truyện theo thời gian phi tuyến tính và cốt truyện đan xen giữa yếu tố thực và ảo.

#### 3.1.1. Cốt truyện theo thời gian tuyến tính

Thời gian tuyến tính triển khai truyện theo trình tự biên niên, sự kiện nào xảy ra trước, sự kiện nào xảy ra sau kể sau.

Truyện ngắn *Bông hoa cô đơn*, là câu chuyện của một cô thư ký xinh đẹp, có thể nói là “*tuyệt vời*” trong công việc. Cô góa chồng hai mươi năm và đã mười năm phục vụ trong quân đội. Cô làm thư ký cho vị chủ tịch tỉnh, vợ cũng

mất cách đây mười năm. Nhưng một phần do công việc quá bận, một phần do phải giữ ý trước địa vị của mình nên vị chủ tịch không xây dựng lại gia đình một lần nữa. Vị chủ tịch và cô thư ký tuy không ai nói ra nhưng họ hiểu tình cảm mà mình dành cho nhau. “Một bông hoa lặng lẽ xuất hiện trên bàn, một lời chào duyên dáng buổi sáng, một nụ cười dịu dàng của cô vào những lúc anh mệt nhoài vì công việc... Tất cả những cử chỉ tuy nhỏ bé và bình thường ấy đã làm lòng anh tươi sáng lại, tiếp sức cho anh, kéo anh ra khỏi những giây phút tuyệt vọng”[17,tr.6]. Có lúc, ông thầm ước ao và mong muốn có được người vợ như cô thư ký. Nhưng mỗi khi ý nghĩ đấy lóe lên thì lại bị dập tắt ngay vì ông sợ làm như vậy mình sẽ trở thành kẻ thô lỗ, ketch cớm, như là một sự vi phạm về chuẩn mực đạo đức nào đấy. Trong căn phòng mà lúc nào cũng ngập đầy những ngôn từ cung kính “Thưa chủ tịch...”, “Báo cáo đồng chí...”, “Kính thưa thủ trưởng...” thì những lời yêu thương, những lời tỏ tình như “*Anh yêu em, em yêu anh*” đã quá xa lạ. Và ông nhắm mắt bỏ qua cơ hội của đời mình để cô phải ra đi trong đau khổ. Hơn ai hết, chính ông là người hiểu rõ nhất, cô ra đi sẽ để lại một khoảng trống trong công việc của ông, để lại một khoảng trống trong cuộc đời ông, thiếu cô cuộc đời ông sẽ khô khan biết mấy. Nhưng đã quá muộn, ông đã chính thức ký vào lá đơn xin nghỉ hưu của cô. Mọi tình không ai nói ra mà ai cũng hiểu kia đã nhường chỗ cho con người của công việc, con người chức năng, con người khoác áo chủ tịch và thư ký. Thật bất hạnh biết bao, khi yêu nhau mà không dám bày tỏ tình cảm, chỉ vì quyền cao chức trọng, sợ suy giảm tư cách mà cả cô và vị chủ tịch đều mãi mãi chỉ là những “*bông hoa cô đơn*”.

Thuần trong truyện ngắn *Con tàu đến muộn*, cũng phải sống trong sự cô đơn mười năm nay. Trước kia, Thuần có một gia đình hạnh phúc yên ấm cùng vợ và con gái. Thuần là người yêu vợ tha thiết đến si mê, những ngày còn ở trong quân ngũ, trước lúc đi ngủ bao giờ Thuần cũng phải bật đèn pin ngắm ảnh vợ ít nhất mười phút. Vậy mà đến khi Thuần trở về, ngọn lửa ghen tuông trong người anh lớn đến mức, anh phá tan cái hạnh phúc gia đình đẹp như mơ ấy. Vợ

con anh phải rời bỏ cái tổ ấm sống hơn chục năm để vào Nam. Thật trớ trêu thay vì “trên đời, không yêu nhau bỏ nhau đã đành, yêu nhau mà lại bỏ nhau mới thật là đau xót”. Mười năm trôi qua đủ để dập tắt ngọn lửa dữ dằn trong Thuần, nhưng một phần vì xấu hổ và vì “cái tính sĩ diện của người đàn ông trong anh lớn quá” mà anh không muốn hạ mình đến xin lỗi vợ con. Khi Thuần hiểu ra thì đã quá muộn, vợ mất mà anh không được gặp mặt lần cuối cùng, con gái của anh cũng không chịu trở về với anh, mà đã nhận một người thương binh khác làm bố nuôi. Thuần phải tự gánh lấy nỗi cô đơn, ân hận do chính mình tạo ra và rồi suốt đời không bao giờ có thể tìm lại được điểm tựa tinh thần của mình. Qua câu chuyện này, nhà văn muốn nhắn nhủ với người đọc. Gia đình là tài sản quý nhất đối với tất cả chúng ta, nó như một bình pha lê, đẹp nhưng mỏng manh dễ vỡ. Vì vậy mỗi người hãy tự biết quý trọng và nâng niu tổ ấm của mình.

Với truyện ngắn *Sao xanh*, nỗi cô đơn cũng ám ảnh Châu và Tùng suốt ba mươi năm “cái khoảng thời gian khắc nghiệt đủ để cho một cô gái trẻ trung biến thành một bà già khó tính, đủ để chuyển thành muối tiêu mái tóc xanh mượt của một chàng trai...”. Lẽ ra, cả hai con người cô đơn này có thể sống hạnh phúc bên nhau. Xưa kia, Châu là một cô gái trẻ đẹp, cô dám hy sinh cả mạng sống của mình để cứu người mình yêu, thậm chí Châu còn là một người rất mạnh mẽ dám bày tỏ tình cảm với người mà cô thầm yêu. Có lẽ, ở cái bản này chỉ mình Châu mới làm một việc tưởng như trái quy luật ấy. Nhưng, vì trước kia từng là thầy giáo hướng dẫn thực tập của Châu mà Tùng không dám cất lên câu nói “Anh yêu em, em là cô gái đẹp và dịu dàng nhất ở trên đời này”. Đến khi Tùng nhận ra “hình như mất Châu, anh sẽ mất tất cả” thì điều đó đã quá muộn. Bây giờ trở lại ngôi trường Bằng la hẻo lánh này biết Châu sống một mình, Tùng ngỡ tưởng “biết đâu cả hai người sẽ được đền đáp sau ngót một phần ba thế kỷ cô đơn, anh sẽ không để mất Châu lần nữa”. Nhưng điều đó là không thể, vì Châu sống quen với kí ức tươi đẹp của mối tình đầu đã gắn trọn đời, chính nhờ những ảo ảnh, những kí ức đó mà Châu sống vô tư, tươi vui và

có ích biết bao năm. Bây giờ tuy Tùng trở lại và muốn xây dựng lại cuộc sống với cô, nhưng Châu không thể phản bội lại cái kí ức đó. Câu nói của Châu thật đúng và cũng như nhắc nhở mọi người rơi vào hoàn cảnh như cô “đừng nên xáo trộn cuộc sống lên nữa, mọi chuyện chắc gì đã tốt hơn, thà cả hai chấp nhận sống cô đơn hơn là những nụ cười gượng gạo”.

*Mặt hồ trong leo* là câu chuyện kể về một nhà đạo diễn của những vở bi kịch khá nổi tiếng một thành phố lớn, nay về già, lại sống trong một căn nhà nhỏ bé, yên tĩnh ở làng quê. Trong cuộc đời, ông làm bạn với hàng trăm diễn viên vậy mà bây giờ ông lại làm bạn với con Lu Lu - một con chó ông nhặt được khi nó nằm chờ chết bên đống rác, để hàng ngày ông và con chó cùng chiêm nghiệm sự đời. Nhà đạo diễn quan niệm rằng: "Bi kịch chỉ thành công khi mà chính cái chết lại trở thành nhịp cầu để con người quay trở về với cuộc sống", đời ông dàn dựng nhiều vở bi kịch và giờ đây ông đang ngẫm nghĩ để dựng một “vở bi kịch cuối cùng”, vở bi kịch của cuộc đời mình. Ông từng có gia đình, bạn bè, sự nghiệp nhưng những thứ đó lần lượt ra đi khỏi đời ông. “Người vợ sau vài năm chung sống với ông do một sự nhầm chán nào đó đã tách theo một nhà doanh nghiệp giàu có. Con trai ông, đứa con mà ông đã chăm bẵm từ lúc còn mặc quần thụng đít đến khi trở thành một thanh niên cường tráng đã cuốn sạch tài sản của ông để trốn sang Hồng Kông. Còn ông bạn vàng, người đã được ông giúp đỡ từ thừa sinh viên nghèo đến lúc mấp mé cái chức Phó giám đốc nhà hát, chỉ vì lo ông - một nhà đạo diễn tài năng tranh mất ghế, đã ngầm báo lên cấp trên ông là một kẻ có tư tưởng chống đối. Suốt bao nhiêu năm ông bị rầy rà vì chuyện đó”. Ông đã từ bỏ tất cả để đi vào cõi hư vô với sự cô đơn buồn thảm mà không có một người thân thích bên cạnh, chỉ có chú chó Lu lu lao nhanh xuống mặt hồ với những tiếng gâu gâu nghe như những tiếng “*Cha ơi!*”, “*Anh ơi!*”, “*Bạn ơi!*” thật đáng buồn biết bao, khi một con vật không có ngôn ngữ, lại nói hộ những người có ngôn ngữ và loài vật lại có nghĩa tình hơn hẳn một số người bạc tình, bạc nghĩa.

Truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan cũng không hiếm những tác phẩm được viết theo cốt truyện thời gian tuyến tính. Có thể kể đến như các truyện *Phố trên núi*, *Tiếng kèn nói dài mùa trăng*.

Trong truyện *Phố trên núi* được tác giả kể lại với một trình tự hợp lí và không gian mở, nhà văn miêu tả sự đổi thay của bản làng sau khi tiến hành nông thôn mới, sự đổi thay đầu tiên khi ở bản xuất hiện hàng phật hàng ngày có rất nhiều người đổ xô về đây để bái lạy, cầu may, chính điều đó làm cho bản tấp nập “Vùng đất Nà Lài trở lên huyên náo. Người ta kéo đến nườm nượp, người đội mâm cúng, người xách đồ lễ, hương khói nghi ngút suốt ngày”, từ ngày bản tấp nập người cuộc sống người dân cũng thay đổi “Người dân Nà Lài cũng tất bật, xôn xao với việc dỡ gọt làm tranh, đục tượng”. Sự thay đổi đó đến với người dân nhanh làm cho cán bộ xã như Chứ lo lắng, khi ẩn chứa đằng sau là rất nhiều vấn đề, làng bản xuất hiện nhiều ông bà thầy bói làm cho những tệ nạn như mê tín dị đoan xuất hiện ngày càng nhiều. Sự xuất hiện ngôi đền và vẻ đẹp của bản đã được xã xây dựng thành điểm du lịch văn hóa. Cùng với việc xây dựng khu di lịch, loại bỏ được đền thờ cúng bái, mê tín dị đoan thì bản lại được đổi mới theo chương trình nông thôn mới, đường mở rộng trải nhựa thẳng tắp, nhiều ngôi nhà mọc lên... Sự thay đổi của làng bản được nhà văn miêu tả rất cụ thể và theo trình tự trước sau, ngày xưa những ô ruộng trồng lúa, trồng ngô khoai giờ được dựng lên thành những ngôi nhà, ngày ngày hành hóa đổ về đây rất nhiều. Do ở đây đang phát triển mọi người ở dưới xuôi và các tỉnh khác đổ xô về đây buôn bán. Nhà văn miêu tả sự đổi thay nhanh chóng qua từng ngày của bản Nà Lài để cho ta thấy cuộc sống của con người nơi đây đang được đổi thay, đời sống nhân dân được nâng cao.

Nhân vật My Phua trong truyện *Tiếng kèn nói dài mùa trăng* được nhà văn kể tỉ mỉ cho người đọc có thể thấy được nỗi khổ của cô luôn được báo trước. Điều đó được bắt đầu khi cô từ chối tiếng kèn tỏ tình của chàng trai đứng ngoài rào đá để về làm vợ A Vừ. Từ ngày thiếu nữ cuộc sống của cô đã



khô khi không được lấy người mình yêu. Rồi đến ngày cưới hoa bjoóc cháy nhuộm tím đất trời báo hiệu điềm không hay “Người già trong bản bảo lâu lắm rồi hoa Bjoóc tháy mới nở nhiều như thế. Đây không biết là điềm lành hay điềm dữ”. Rồi sáng sớm hôm cưới có bầy chim Noộc Éc chao đảo kêu những lời đau nhức nhối, mọi người nghĩ chắc bản nào có điềm dữ. Rồi chuyện gì đến cũng sẽ đến ngày cưới của cô không có chú rể, về đến nhà trai mới biết ngày vui cũng là ngày tang của chồng, cô như chết đi. Rồi những chuỗi ngày về sau nhà văn miêu tả cuộc sống của cô từng ngày sống như người vô hồn. Nhưng tác giả lại đưa tiếng kèn vào đúng lúc cô tưởng chừng như không còn sức sống để vượt ve, an ủi cô. Tác giả rất tinh tế và khéo léo khi sắp xếp các sự việc và tình tiết có trước có sau làm cho câu truyện lôi cuốn hấp dẫn người đọc. Nhà văn như đưa người đọc vào chính hoàn cảnh của nhân vật để cảm thông, chia sẻ, đồng cảm với số phận của nhân vật.

Khác với hai truyện trên, ở truyện *Mùa mắc mật* nhà văn tập trung miêu tả tỉ mỉ cuộc sống của hai chị em Ngải và Páo, ngay từ nhỏ hai chị em đã phải mồ côi cha mẹ mặc dù chị Ngải không phải là con đẻ của bố mẹ nhưng khi bố mẹ mất chị vẫn chăm lo cho gia đình đặc biệt là nuôi đứa em nhỏ. Khi bố mẹ mất Páo còn rất nhỏ, chị dành hết tuổi thanh xuân xua mình để nuôi em khôn lớn, câu truyện này được nhà văn kể rất chi tiết và tỉ mỉ về những nỗi khổ và sự hi sinh của chị Ngải dành cho Páo “Chị Ngải vẫn nhẫn lại bò lồm ngồm cho tôi hò, tôi hét, tôi nhảy chơi chơi lên lưng gày ướt dướt mồ hôi của chị. Đầu gối, bàn tay chị trầy trật, rớm máu”. Sự hi sinh của chị còn được miêu tả qua cuộc sống hàng ngày cuộc sống có hai chị em nghèo khổ cơm không có ăn, chị dành những miếng ăn ngon nhất cho em mong sao cho em khỏe mạnh lớn nhanh “Thì ra những tháng năm qua chị ăn ngô, ăn sắn, khi đói, lúc no để chắt chiu dành phần cho tôi tất cả”. Chị dành cho em những gì tốt đẹp để nhận lại về mình những sự héo hon. Qua cách kể của nhà văn cho người đọc thấy được sự tần tảo và tấm lòng yêu thương của người phụ nữ miền núi dành cho người mà họ thương yêu.

Các câu truyện mà nhà văn viết như một thước phim kể về những câu truyện, những số phận, cuộc sống của con người miền núi, những câu truyện đó như được tái hiện rõ hơn khi tác giả sắp xếp theo một trình tự nhất định làm cho người đọc cuốn hút theo tình tiết câu truyện.

### **3.1.2. Cốt truyện theo thời gian phi tuyến tính**

Cốt truyện thời gian phi tuyến tính là kiểu cốt truyện theo thời gian ngắt quãng đảo lộn, không theo trình tự biên niên mà có sự đan xen giữa quá khứ và hiện tại. Thời hiện tại là ngay lúc cuộc sống đang diễn ra. Thời quá khứ là quá khứ của hiện tại đó. Tuy nhiên thời gian hiện tại giữ vai trò chủ đạo vì nó là thời gian được cảm nhận.

Trong các tập truyện của nhà văn Như Lan thì truyện viết theo kiểu thời gian phi tuyến tính chiếm tỉ lệ nhiều hơn. Những câu truyện được kể đan xen giữa sau và trước, giữa trước và sau, từ hiện tại liên tưởng tới quá khứ rồi lại trở về hiện tại. Nhân vật trong tác phẩm luôn hồi tưởng, suy tư lên tác giả chọn kiểu thời gian này. Các truyện ngắn của nhà văn Như Lan luôn mở đầu bằng hiện tại nhưng không xuôi chiều tới tương lai mà trở về quá khứ, sau đó trở về hiện tại và hướng tới tương lai. Tiêu biểu như các truyện *Hoa mía*, *Gió hoang*, *Truyện nhà ké Pản*, *Bjóóc Phạ*, *Mùa hoa gấm*, *Ngày mẹ trở về*, *Bồng bênh sương núi*, *Trôi trong mây gió*, *Bên dòng Nậm Ún*.....

Truyện ngắn *Truyện nhà ké Pản* mở đầu bằng cuộc băng hình ảnh Ké Pản buồn rầu thu mình trong không gian lãnh lẽo của ngôi nhà nằm giữa lưng núi sương mù vây quanh cái lạnh ôm lầy dãy núi, ngoài trời đã lạnh lẽo trong ngôi nhà còn lạnh lẽo hơn “Ké Pản bỗng rùng mình vì chợt cảm thấy nỗi cô đơn cứ quán lầy Ké trong căn nhà trống vắng” Ké đang buồn vì thằng con dờ chứng không lấy vợ nữa “Pá sang nói với nhà người ta, con còn trẻ, con chưa vội lấy vợ” cuộc cãi vã của hai cha con xung quanh việc lấy vợ và tục bắt gà lôi làm lễ dạm hỏi làm cho hai cha con gian nhau, thằng Mảy giận cha bỏ đi tuần còn ông Ké Pản buồn bực với nỗi lo trong lòng, trong lúc đó ông nhớ tới

người vợ của ông vì dân bản “*làm tình làm tội*” lên bà phải ra đi. Ké nhắm mắt để dòng hồi tưởng lội ngược về quá khứ. Ngày ấy ông đi bồng đội về mọi người ở bản đến chúc mừng, anh chị dâu có ý muốn mai mối cho Ké vì Ké đã có tuổi, Chị dâu đã mai mối cho Ké Pản cô hoa bạn của mình. Sau mấy mùa trung thì Ké Pản và cô hoa cũng cưới. Đang nghĩ thì Ké Pản bị đánh thức bởi con Cáy, ông cảm thấy bứt cô đơn khi có nó ở bên cạnh. Truyện của con trai Ké Pản ông đã kể cho anh chị dâu biết để nhờ khuyên thẳng con trai ông, mặc dù giận nó nhưng trong lòng Ké Pản rất thương nó, nghĩ đến đây ông lại nhớ về người vợ của mình và câu truyện xảy trong quá khứ, năm đó nắng chói chang người già trẻ con ôm lẫn ôm lắt, trâu bò cứ lả đi rồi chết vì khát, mọi người trong bản lập đèn cúng và ông thầy mo nói Hoa vợ Pản là cái nghiệt làm thần sông thần núi phạt bản làng như vậy muốn thoát khỏi cảnh này phải tế thần và lấy vợ Pản làm vật tế, mặc dù đã van xin nhưng không được, đến đêm Pản và vợ chồng anh chị dâu đi cứu Hoa và cho cô ấy về xuôi chứ ở đây cô ấy không có tội mà phải chịu như vậy, ông đang mãi miết nghĩ thì thẳng Mảy về khi được bác dâu kể và nói rõ về người mà định lấy thì cuối cùng Mảy cũng hiểu ra và đồng ý. Ké pản vui lắm như gỡ được gánh nặng trong lòng “Ké Pản vui quá sắp hết năm rồi , bản chuyện cưới chuyện tết thôi”.

Việc lựa chọn thời điểm hiện tại có những sự kiện để nhân vật hồi tưởng quá khứ khiến nhân vật diễn ra tự nhiên theo mạch tâm lí con người. Như trong tác phẩm *Bồng bênh sông núi* nhân vật tôi lí giải sự lạnh lùng của người mẹ hiện tại với Châu là do sự vô tâm hững hờ của người cha khi cuộc tình của cha Châu với mẹ để không thành vì gặp sự ngăn cản của ông nội, nhân vật tôi kể rõ về cuộc sống hiện tại của Châu và mẹ sau đó hồi tưởng về quá khứ, hồi tưởng về những nguyên nhân gây ra những biến cố ngày hôm nay. Câu truyện được bắt đầu về chuyện tình cảm của Sìn và Xúa là bố mẹ đẻ của Châu, cuộc tình này bị cấm bởi ông nội Châu, vì Sìn và Xúa là hai anh em tuy không cùng máu mủ nhưng đều được ông nuôi dưỡng, khi tình cảm bị ngăn cản mẹ Châu bỏ chạy

lên chùa, ông nội ở nhà cưới vợ mới cho Sìn là Mĩ Nhung là mẹ bây giờ của Châu, Mĩ Nhung về cái nhà này như người thừa trong gia đình Sìn thì lạnh nhạt thờ ơ còn Châu ngày đó cứ bám chặt lấy bố không cho Mĩ Nhung chạm vào, sự lạnh nhạt thờ ơ của cha con Châu làm cho Mĩ Nhung cảm thấy bị tổn thương và trở thành người thừa trong gia đình. Nhưng bên ngoài thì ghê gớm hay cáu gắt với Châu nhưng trong lòng Mĩ Nhung luôn coi Châu là con của mình.

Hồi tưởng lại quá khứ chính là biểu hiện của đời sống nội tâm, tâm lí nhân vật. Khi buồn con người thường hướng về quá khứ. Có quá khứ tươi đẹp khiến con người nuối tiếc, có quá khứ đau buồn khiến con người xót xa. Nhờ có thời gian trong quá khứ qua hồi tưởng mà nhân vật trở thành con người đang vận động, có chiều sâu tâm hồn. Hiểu được tác dụng của nó nhà văn Như Lan đã xây dựng nhân vật của mình theo cách này rất là nhiều. Như tác phẩm *Bên dòng Nậm Ún* kể về sự dằn vặt của Ngân về quá khứ của mình với người chồng hiện tại. Mở đầu tác phẩm nhà văn cho chúng ta thấy sự dằn vặt của Ngân khi người chồng của con mình trở lại làm cho cô sợ hãi, lo lắng về những gì mà cô đã cố gắng chôn chặt và giấu kín trong suốt bao nhiêu năm qua. Nếu bây giờ mọi chuyện vỡ lẽ thì cô không biết sẽ như thế nào? Cô sẽ đối diện với mọi người ra sao?. Cảm giác tội lỗi bắt đầu xuất hiện, trong con người cô luôn có sự dằn vặt, đau khổ “Bỗng nhiên tôi cảm thấy có tội lớn với anh Dân, bao năm qua sao tôi không nói ra chuyện ấy, sao tôi lỡ nói dối anh. Tôi là người đàn bà đáng bỏ đi”. Câu chuyện ấy tưởng chừng như đã được chôn chặt, được gói gém bởi thời gian, mà giờ đây nó lại trở lại, làm cô bấn loạn, lo lắng và sợ hãi vô cùng. Cô nhớ về những ngày tháng mình được sinh ra giữa núi rừng, nỗi khổ khi nhìn thấy cảnh “gà trống nuôi con”, rồi cô lại nhớ cái ngày thằng Sinh con cô được chào đời và nó được chồng cô nâng niu như thế nào?. Cô càng nghĩ thì lại càng cảm thấy có lỗi với anh. Hồi còn nhỏ cô ở với bố cô, là một cô gái xinh đẹp mang chất núi rừng, khi đi học dưới thành phố, đó là một quãng thời gian đẹp và cô đã quen được rất nhiều bạn đó

là Tuyết và Anh. Tình bạn và tình yêu tưởng chừng như đẹp như hoa thì sự việc xảy ra. Cái ngày liên hoan ra trường thì Tuyết và anh không đến, hôm sau cả trường xôn xao khi bố Tuyết lên gặp ban giám hiệu nhà trường báo cáo: “Không hiểu nhà trường quản lí sinh viên kiểu gì, đêm qua cậu son nhân lúc xuống nhà ông chơi, lợi dụng cái Tuyết say rượu dở trò đốn mạt và ngủ quên luôn ở phòng con gái ông”. Nghe được tin trời đánh đó cô vô cùng đau khổ và bỏ về quê nhà với mầm sống nhỏ nhoi đang dần lớn lên trong bụng cô. Giờ đây cuộc sống của cô đang yên bình trở lại thì người đàn ông phụ bạc đó quay trở lại làm cho bao nhiêu ngày tháng đau khổ dày vò cô trong quá khứ lại trở về. Cô vẫn còn cảm thấy run sợ khi người đàn ông đó chặn ngang cổng trường mà hỏi cô. Giữa lúc cô đang mơ màng giữa quá khứ và hiện tại thì nghe thấy tiếng chồng mình là anh Dân thì cô bừng tỉnh mà trở về với hiện tại.

Có thể nói sự đan xen giữa quá khứ và hiện tại ở tác phẩm của Bùi Thị Như Lan là vô cùng nhiều, hầu như ở tác phẩm nào trong một loạt truyện ngắn của chị cũng có cốt truyện như thế. Ở một tác phẩm khác ta cũng thấy điều đó hiện lên rõ nét, đó là truyện *Hoa Mía*. *Hoa Mía* là truyện ngắn viết về những mối quan hệ gia đình ở một vùng dân tộc ít người. *Hoa Mía* có cốt truyện khá đơn giản. Nhân vật, tuy có những giằng xé nhưng vẫn là những mâu thuẫn quen thuộc trong văn xuôi viết về miền núi. Câu chuyện xảy ra tại một vùng dân cư ở thung lũng Nặm Thàng, canh tác chủ yếu là trồng mía. Seo Mây (chị gái) đã có chồng là Sùng Chứ. Seo Mỹ (em gái) là một người từ nhỏ đã tật nguyền. Cả ba người chung sống trong một mái nhà. Thời chống Mỹ, Sùng Chứ đi bộ đội. Đến tận ngày phục viên anh mới cùng Seo Mây sinh đứa con trai đầu lòng là Sùng Choóng. Lúc này Seo Mỹ đã bước vào tuổi dậy thì, lớn vổng lên. Tuy kẻ xấu trong bản gọi cô là “Mỹ gù” nhưng bù lại, cô có “*khuôn mặt rục rỡ*”. Cô là “*bông hoa đại bị bỏ quên trong lũng núi*”. Cũng giống như bao cô gái khác, Seo Mỹ đầy khao khát yêu thương. Oái oăm thay Seo Mỹ lại phải lòng chính người anh rể. Mối tình nghiệt ngã cứ quẩn quại, quấy đạp trong lòng Seo Mỹ

không yên. Cô hết mực yêu thương nhưng cũng ghen thâm với chị gái. Sùng Chứ là một người chồng, một người anh rể tốt nhưng cũng khó “nín lòng” trước “*tám thân trinh nữ rạo rục*” của cô em vợ. Thế rồi một lần, anh và Seo Mỹ đã mắc tội với Seo Mây. Thật éo le, cảnh tượng ấy lại vô tình diễn ra trước mắt Seo Mây. Những dằn vặt, khổ đau, ân hận từ nhiều phía đã bao phủ lên mái nhà vốn yên tĩnh. Rồi, do quá sức chịu đựng, Seo Mây đã chạy ào vào khe núi và không may bị rắn đá chúa cắn chết. Trước khi tắt thở, cô trăng trối với chồng hãy gắng nuôi con và phải đối xử tốt với Seo Mỹ. Seo Mỹ vì quá thương chị và quá ăn năn với nỗi làm đã bỏ nhà đi biệt. Hơn chục năm trôi qua Sùng Chứ sống trong cô đơn và sám hối. Ông không dám và cũng không muốn đi tìm Seo Mỹ. Ngôi nhà chìm trong nỗi buồn u uẩn, không lối thoát. Sùng Choóng lớn dần hơn, trở thành một thanh niên trai tráng, đang chờ ngày nhập ngũ. Anh bảo với bố phải đi tìm di Seo Mỹ về sống ở ngôi nhà này mới hợp lẽ đời. Câu nói của Sùng Choóng như đánh thức trái tim đốn đau, đang ngủ yên của người cha. Sùng Chứ giật mình hiểu ra, ông dự định một ngày đi tìm Seo Mỹ. Thật sự, Seo Mỹ không đi biệt. Ngày giỗ chị, cô vẫn lén trở về vườn mía của nhà để thắt dây đeo tang cho mía theo tục lệ của bản. Câu chuyện được khép lại bằng cảnh một đôi chim sẻ ríu ran trong vườn mía.

Việc lựa chọn thời điểm hiện tại có những sự kiện để nhân vật hồi tưởng quá khứ khiến nhân vật diễn ra tự nhiên theo mạch tâm lí con người. Như trong tác phẩm *Bồng bênh sưng núi* nhân vật tôi lí giải sự lạnh lùng của người mẹ hiện tại với Châu là do sự vô tâm hững hờ của người cha khi cuộc tình của cha Châu với mẹ để không thành vì gặp sự ngăn cản của ông nội, nhân vật tôi kể rõ về cuộc sống hiện tại của Châu và mẹ sau đó hồi tưởng về quá khứ, hồi tưởng về những nguyên nhân gây ra những biến cố ngày hôm nay. Câu truyện được bắt đầu về chuyện tình cảm của Sìn và Xúa là bố mẹ đẻ của Châu, cuộc tình này bị cấm bởi ông nội Châu, vì Sìn và Xúa là hai anh em tuy không cùng máu mủ nhưng đều được ông nuôi dưỡng, khi tình cảm bị ngăn cấm mẹ Châu bỏ chạy

lên chùa, ông nội ở nhà cưới vợ mới cho Sìn là Mĩ Nhua là mẹ bây giờ của Châu, Mĩ Nhua về cái nhà này như người thừa trong gia đình Sìn thì lạnh nhạt thờ ơ còn Châu ngày đó cứ bám chặt lấy bố không cho Mĩ Nhua chạm vào, sự lạnh nhạt thờ ơ của cha con Châu làm cho Mĩ Nhua cảm thấy bị tổn thương và trở thành người thừa trong gia đình. Nhưng bên ngoài thì ghê gớm hay cáu gắt với Châu nhưng trong lòng Mĩ Nhua luôn coi Châu là con của mình.

Khi buồn con người thường hướng về quá khứ. Có quá khứ tươi đẹp khiến con người nuối tiếc, có quá khứ đau buồn khiến con người xót xa. Nhờ có thời gian trong quá khứ qua hồi tưởng mà nhân vật trở thành con người đang vận động, có chiều sâu tâm hồn. Hiểu được tác dụng của nó nhà văn Như Lan đã xây dựng nhân vật của mình rất nhiều theo chiều hướng này và đạt được hiệu quả nghệ thuật vô cùng cao. Dù ở khoảng thời gian nào thì các nhân vật của chị đều đem tới cho mỗi người chúng ta những khoảng lặng của kí ức không quên, khó phai nhạt.

### ***3.1.3. Cốt truyện vừa mang tính hiện thực vừa mang tính huyền ảo***

Trong các nhà văn Thái Nguyên, Hồ Thủy Giang là người đi tiên phong trong nỗ lực làm mới văn xuôi theo hướng hiện đại. Dấu ấn rõ nhất của hành trình đổi mới nghệ thuật truyện ngắn ở ông là nghệ thuật xây dựng cốt truyện vừa mang tính hiện thực, vừa mang tính huyền ảo.

*Đổi sách* là một truyện ngắn vừa có cái bi, vừa có cái hài. Tuynh thật bất hạnh vì phải làm việc trong một cơ quan, mà cấp trưởng và cấp phó đấu đá nhau kịch liệt. Sau khi tìm hiểu tình hình và tính toán kỹ lưỡng, Tuynh đã nghĩ ra một cách là phải hài hòa cả đôi bên, không theo ai cũng không nói xấu ai. Nhưng biện pháp này của Tuynh không có hiệu quả. Cuối năm, khi xét vào biên chế chính thức Tuynh không được vào, vì thái độ “lờ lờ nước hén” của mình. Tuynh lại tính toán chuyển sang cách khác là: “cứ đứng trước vị này thì Tuynh ra sức dèm pha không tiếc lời vị kia. Tuynh lôi đủ những cái xấu của họ ra mà nói... Giữ ý làm gì khi các vị cứ nghe Tuynh kể xấu đối thủ của mình như

nuốt lấy từng lời”[18, tr.143 - 144]. Toa thuốc lần này của Tuynh tỏ ra rất hiệu quả, cấp trưởng và cấp phó mỗi lần gặp Tuynh đều cười rất tươi, có lẽ chỉ vài tháng nữa là Tuynh có thể được xét vào biên chế. Trong một cuộc họp, khi cả hai vị tranh đấu quyết liệt xem trong cơ quan ai được ủng hộ nhiều hơn thì Tuynh được lôi ra làm chính nghĩa, vì cậu là nhân viên mới nên trong sáng vô tư. Tình huống lần này thật khó với Tuynh, sau một đêm suy nghĩ, Tuynh đã tìm ra được một giải pháp là xẻ đôi người, “Một nửa đầu. Một nửa cổ. Một tay. Một chân. Hai nửa người được trợ đỡ bằng một chiếc nạng gỗ... Một nửa người đi về phía bà giám đốc. Một nửa người đi về phía ông giám đốc”. Bằng việc xây dựng yếu tố kỳ ảo trong tác phẩm, nhà văn mượn cái ảo để nói cái thật ngoài cuộc đời. Đó là, vì cúi đầu trước quyền lực mà con người đánh mất đi chính mình, không dám bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình. Kết cục cuối cùng tuy chỉ là giả tưởng Tuynh trở nên què cụt cả thể xác lẫn tinh thần.

Như vậy, sự tha hóa đạo đức của con người diễn ra mọi lúc, mọi nơi trong cuộc sống. Lúc xâm thực ào ạt, lúc nhấm nháp dần mòn. Nó như một thứ vi trùng tinh vi âm thầm len lỏi vào tâm hồn từng con người, làm biến đổi nhân cách con người lúc nào không hay biết. Điều đáng nói nhất là sự tha hóa đó lại tồn tại nhiều nhất ở tầng lớp trí thức, vốn được xem là tầng lớp tinh hoa của dân tộc đảm nhiệm những công việc khác nhau trong xã hội. Từ cái nhìn bên trong của người trong cuộc, Hồ Thủy Giang đã phơi bày bao nhiêu góc ngách, bao nhiêu tâm thương, nhỏ nhen đốn hèn thậm chí cả tội lỗi của thế giới tưởng như phẳng lặng ấy. Những con người như nhạc sĩ Bách Quang, Vĩnh, Tuynh, Thục Phi trong xã hội hiện nay không thiếu thậm chí còn xuất hiện càng nhiều khi có sự lên ngôi của đồng tiền, địa vị, danh vọng. Khi xây dựng những nhân vật này, Hồ Thủy Giang giống lên hồi chuông cảnh tỉnh con người trong xã hội hiện đại. Mọi người hãy luôn cảnh giác và tránh xa những gì phi đạo đức, phi nhân cách để vươn tới một ngày mai tươi sáng, hãy tự biết vượt lên và chiến thắng mọi hoàn cảnh thử thách trong cuộc sống. Đó chính là tư tưởng “*nhân*



*bản, nhân đạo*” trong sáng tác Hồ Thủy Giang. Nhân đạo, theo tác giả không phải chỉ là ban phát một tình thương vô bờ bằng lời nói, không phải chỉ là nhìn vào những cái tốt để cổ vũ, ngoạn mục làm ngơ trước các thói hư tật xấu, các cách sống thông tục. Trái lại, nhân đạo là nhìn thẳng vào lối sống, vào những việc làm trái với nhân cách, đạo đức. Từ đó dự báo để con người nhận ra và vượt qua được những tai họa của lối sống ấy.

Thành công nhiều ở những năm đầu của thế kỉ XXI, nhà văn Bùi Thị Như Lan ghi dấu ấn khá đậm nét trên văn đàn Thái Nguyên bằng những truyện ngắn chứa đựng nhiều thông điệp tư tưởng về cuộc sống, được chuyển tải qua những cốt truyện đan xen giữa yếu tố hiện thực và yếu tố huyền ảo. Dù không chuyên tâm, chú ý viết như thế nhưng hình như chị lại vô tình viết khiến cho tác phẩm của chị đều mang những đặc trưng riêng mà ban đầu không có chủ đích. Nó xuất phát từ chính sự đơn giản như chính con người chị. Viết và viết theo cảm xúc, theo những gì chị hiểu biết về con người và cuộc sống của những con người miền núi. Vậy nên cũng chính vì thế mà những câu chuyện của chị dường như vừa mang tính hiện thực lại pha trộn những nét huyền ảo, “bồng bềnh sương núi” như chính tên truyện của chị vậy. Người ta thấy hình ảnh con đường mòn trên các quả núi là đặc trưng của vùng núi cao, hay như những ngôi nhà nằm chênh vênh bên mép núi cũng không phải là ít: “Ngôi nhà vắng chãi với chín bậc cầu thang nép mình dưới chân núi Phja Mạ là nơi tôi cất tiếng khóc chào đời” (*Cây thiêng trong thung lũng*). Hình ảnh núi rừng heo hút, hoang vắng, hiểm trở được nhà văn miêu tả cụ thể chi tiết ở tác phẩm *Mùa cây mắc tào trở hoa*, hình ảnh con đường được nhà văn miêu tả “Chặng đường gập ghềnh về bản, đây là con đèo vừa rộng vừa cao, độ dốc tưởng chừng như dựng đứng, cái chân khó nhọc leo lên từng bậc đá, lưng cúi gập xuống, khuôn mặt cách đường chừng vài sải tay. Mỗi lần về nhà Dần đi như bò qua đây, muốn đi nhanh nhưng không đi nổi. Lên trên đỉnh đèo thì sương mù đặc quánh níu chặt chân người. Gió ở đâu đó ào ạt, hun hút túm lấy người lôi đi Dần rừng mình vì

lạnh. Cái mắt căng ra nhìn trước, nhìn sau, chỉ thấy cây rừng nối nhau chạy dài mà không thấy người bản”. Sự heo hút, hoang vắng, gồ ghề của con đường cho ta thấy được phần nào sự gian khổ của người dân khi sinh sống qua lại ở đây.

Những lối mòn lỏm chỏm được hòa quyện vào thiên nhiên núi rừng buổi sáng, với những cảnh vật xung quanh mang đậm hương rừng buổi sớm, những cảnh vật và con đường đó là nơi chứng kiến tất cả những gì xảy ra với nhân vật (tôi) “Tôi nhẹ bước trên lối mòn lỏm chỏm đá, những ngọn cỏ cũng đầy sương, cọ vào chân tôi mát lạnh và ướt át. Tôi đi vào rừng chè. Những cây chè cao to sừng sững vòm lá xanh đậm ken dày này giữ trọn bí mật cuộc đời tôi” (*Lời Sli vắt ngang núi*), những đoạn đường đó trở lên gần gũi quen thuộc với người dân miền núi.

Những con đường, lối mòn đó còn là nơi lưu giữ nhiều kỉ niệm đó là nơi chia tay người đi xa nhưng cũng chính nơi đây là nơi đón người đi xa trở về “Tôi mãi miết ngược sông Nậm Tháy, bản Nà Mạ của tôi đã ở sau lưng vài dặm đường, còn mấy sải chân nữa là đến rừng Phây Dú rồi, sao cái chân tôi như rú lại? Bước đi nặng như dính chặt xuống đường đá, bao lần tôi đến đây gặp anh” (*Hoa gắm*)

Có thể nói nhà văn Như Lan đã gửi gắm tình yêu, tình cảm dành cho quê hương vào từng mái nhà nhỏ bé, những căn nhà nhỏ hẹp quanh co dưới chân núi, rồi cả những núi non chờn vờn mây sớm... Tất cả tạo nên những trang văn vừa gần gũi vừa thơ mộng mang đậm bản sắc vùng cao. Nhân vật cũng nào của chị cũng đều được đặt trong hoàn cảnh ấy để thấy được bản lĩnh, sự mạnh mẽ, khỏe khoắn của những con người nơi núi rừng. Tất cả đều mang những nét đặc trưng riêng của Bùi Thị Như Lan.

Tuy nhiên, nhìn rộng ra văn chương, cụ thể là truyện ngắn khu vực miền núi phía Bắc, ta thấy kiểu cốt truyện đan xen giữa thực và ảo cũng đã được nhiều nhà văn sử dụng và thành công. Tiêu biểu là nhà văn Vũ Xuân Tú, một cây bút truyện ngắn vùng Đông Bắc đã gặt hái được những thành

công nhất định. Đọc truyện của Vũ Xuân Tửu ta thấy hai yếu tố hiện thực và kỳ ảo được đan xem một cách khéo léo, khiến hai yếu tố đó như hòa vào nhau, hiện thực đôi khi chỉ như một giấc mơ và trong những giấc mơ lại phản ánh hiện thực của cuộc sống.

Trong sáng tác của ông thế giới người hiện ra đầy đủ mọi “gương mặt”. Từ chuyện hai anh em vô tình lấy nhau (*Chớp bề mưa nguồn*); đến chuyện túng thiếu của gia đình anh Bường (*Pho tượng gỗ mít*); rồi chuyện đòi lặn độn của một người phụ nữ (*Người đàn bà máy độn mắt tên*); hay câu chuyện tình yêu muôn thủa giữa một cô gái dân tộc với một chàng trai miền xuôi nhưng gặp phải sự ngăn cản của gia đình (*Tiếng kèn lá trên đỉnh Mã Pì Lèng*); mối tình trắc trở giữa một chàng trai với một người đàn bà đã có con (*Người sông nước*).... Tất cả hiện ra sinh động, đó là cuộc sống thật. Thế nhưng trong thế giới hiện thực đó lại ẩn chứa nhiều điều kì lạ, và không thiếu cả những hồn ma, linh hồn của những người đã chết, người chết hiện về sống bên người sống.... Những thứ đó được đề cập đến trong tác phẩm không làm bạn đọc cảm thấy xa lạ với cuộc đời, ngược lại nó giúp ta nhận ra bức tranh cuộc đời rõ hơn, thú vị hơn.

Ta cũng thấy kiểu cốt truyện này xuất hiện nhiều trong sáng tác của một số nhà văn Việt Nam đương đại như Hồ Anh Thái, Tạ Duy Anh, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Bình Phương...

Như vậy, có thể thấy rằng, cốt truyện không chỉ góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật của nhà văn, mà còn phù hợp với xu thế của từng giai đoạn văn học nhất định. Bên cạnh các kiểu cốt truyện truyền thống như kiểu cốt truyện tuyến tính và phi tuyến tính, kiểu cốt truyện đan xen các yếu tố hiện thực và huyền ảo được nhiều nhà văn sử dụng, và khá thành công. Điều này phần nào cho thấy, xét về một phương diện nào đó, truyện ngắn Thái Nguyên đang nhập vào dòng chảy chung của truyện ngắn khu vực miền núi phía Bắc cũng như truyện ngắn Việt Nam hiện đại.

### **3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI**

Nhân vật văn học theo *Từ điển thuật ngữ văn học* là “con người cụ thể được miêu tả trong tác phẩm văn học. Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật đầy tính ước lệ, không thể đồng nhất nó với con người có thật trong đời sống” (Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi 2007) [21, tr.235]

Nhân vật văn học là một phương thức nghệ thuật nhằm khai thác những nét thuộc tính của con người, trong một tác phẩm văn học không thể thiếu nhân vật. Nhân vật là con người hoặc có thể là con vật, loài cây, các sinh thể mang tính chất hoang đường được gắn những đặc điểm của con người.

Theo Giáo trình Lý luận văn học (Phương Lựu chủ biên) thì “*nhân vật văn học là con người được miêu tả thể hiện trong các tác phẩm bằng các phương pháp văn học*”. [50, tr.177]

Nghệ thuật xây dựng nhân vật là những thủ pháp để miêu tả, khắc họa hình ảnh con người với đầy đủ các phương diện từ ngoại hình đến tính cách và nội tâm của nhân vật.

#### **3.2.1. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật thông qua miêu tả ngoại hình**

Ngoại hình là yếu tố quan trọng góp phần cá tính hóa nhân vật. Nếu như văn học cổ thường xây dựng nhân vật với những chi tiết ước lệ, tượng trưng thì văn học hiện đại đòi hỏi những chi tiết chân thực và cụ thể sinh động. M. Gorki khuyên các nhà văn phải xây dựng nhân vật của mình đúng như những con người sống và phải tìm thấy, nêu lên, nhấn mạnh những nét riêng độc đáo, tiêu biểu trong dáng điệu, nét mặt, nụ cười khóe mắt... của nhân vật.

Với phương pháp xây dựng nhân vật của văn học hiện đại, trong những sáng tác của mình, Hồ Thủy Giang đã chú trọng tới việc miêu tả ngoại hình của nhân vật, từ đó để bộc lộ một phần tâm trạng, đời sống, tính cách của nhân vật.

Hầu hết các nhân vật nữ được Hồ Thủy Giang miêu tả rất rõ nét. Cô thư ký trong *Bông hoa cô đơn*, là một người vừa thông minh trong công việc, vừa

tế nhị trong cuộc sống hàng ngày. “Đôi mắt đen như nhung và đượm buồn”, “Mái tóc óng ánh đen của cô nghiêng nghiêng trên trang sô. Đôi mắt hiền dịu của cô như tỏa sang anh một thứ ánh sáng của bình minh”. Nhưng cuộc đời cô đâu có được hạnh phúc, chồng mất đã lâu mà cô vẫn ở vậy, người yêu cô thì không dám ngỏ lời, nên cô phải xin nghỉ hưu sớm và sống trong cô đơn, lặng lẽ suốt cuộc đời.

Nhân vật Miên trong truyện ngắn *Lúc ấy biển hoàng hôn*, là một cô gái có vẻ đẹp kỳ ảo. “Dáng điệu tha thướt, uyển chuyển, đôi mắt mượt như nhung”, khuôn mặt vô tư, hồn nhiên. Vậy mà cuộc đời của Miên cũng đầy bất hạnh. Vì gia đình hoàn cảnh quá khó khăn mà cô phải làm một cô gái tắm thuê bị xã hội, mọi người khinh rẻ. Trong một lần đi tắm biển cùng khách vì bảo vệ danh tiết mà cô đã bị tên “*dâm dăng*” dìm xuống biển đến chết.

A Xao trong *Hoa Phạch Phiền vẫn nở* cũng có số phận bất hạnh giống như vậy. A Xao tiếng tà có nghĩa là người con gái đẹp, cô có một gương mặt đẹp đến mê hồn. “Đôi mắt đen lấp lánh và ngơ ngác như mắt nai rừng”, “dáng hình đẹp như tiên nữ”. Vậy mà cô phải một mình nuôi con trong nỗi vất vả và sự khinh miệt của dân làng hơn ba mươi năm, vì người yêu của cô sợ ảnh hưởng đến sự nghiệp của mình nên trốn chạy về Hà Nội.

Trong truyện ngắn *Con tàu đến muộn*, tác giả miêu tả sự dần vật về tinh thần không chỉ diễn biến trong tâm trạng của Thuần, mà còn hiện lên qua hình dáng và đường nét của ngoại hình. Thuần mang một “gương mặt luôn ủ rũ tiều tụy, cặp mắt ưu tư, những ngón tay khô héo...”. Đã thế Thuần lại có “thân hình cao gầy lũng thõng trong chiếc áo khoác cũ sờn, trông anh khô buồn như một cây xoan mùa đông trụi lá”. Tâm trạng đầy buồn đau và như thiếu sự sống, niềm vui này in dấu trên ngoại hình của Thuần hơn mười năm nay và có lẽ sẽ tồn tại đến hết cuộc đời của Thuần. Chỉ vì lòng sĩ diện, xấu hổ không dám hạ mình, nên Thuần tự phải gánh lấy những đau khổ do chính mình gây ra.

Anh Vênh trong *Cỏ biếc đồng quê*, có ngoại hình khá đặc biệt “Mặt đen. Trán dô. Mắt lác. Đã thế lưng anh lại gù, cộng thêm đôi chân gầy guộc, lòng không, càng làm cho dáng anh xiêu vẹo, dị dạng”. [17, tr.317] Cái tên Vênh mà bố mẹ đặt cho cũng như dự báo về sự khó hòa nhập với cộng đồng. Thừa đi học, hầu như anh Vênh không có bạn. Con gái không muốn gần anh đã đành, cả những bạn trai cũng không muốn chơi bời đàn đúm với anh. Khi đã ba mươi tuổi, mặc dù đám con gái trong làng lòng đầy quý mến và cảm phục anh nhưng không có cô nào đủ can đảm để làm vợ anh, ngay cả cô kém nhan sắc nhất. Vậy mà anh Vênh vượt qua được tất cả những khó khăn và mặc cảm đó, trở thành một anh hùng trong mắt dân làng.

Trong khi xây dựng ngoại hình của nhân vật, chi tiết được Hồ Thủy Giang đặc biệt quan tâm là đôi mắt. Bởi đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn. Qua hình ảnh đôi mắt có thể cảm nhận được thế giới nội tâm của nhân vật. Đó là *đôi mắt xanh đen như nhung và đờm buồn* của cô thư ký. *Cặp mắt nửa đau khổ, nửa dửng dưng* của Phương khi bị chồng hiểu lầm. *Đôi mắt lóng lánh đen* đầy vẻ quyền rũ của Miên. *Đôi mắt sáng như sao* của thầy giáo Tuyền. *Đôi mắt dịu hiền và độ lượng* của Quân. *Đôi mắt to đen thẳng thốt* của Mơ. *Đôi mắt đen thăm thẳm* của Sâm tuy mệt mỏi nhưng vẫn ánh lên trong vắt.

Như vậy, bằng bút pháp nghệ thuật thay đổi linh hoạt, Hồ Thủy Giang khắc họa lên những bức chân dung ngoại hình, để bộc lộ phần nào tâm trạng, số phận của nhân vật.

Để xây dựng một tác phẩm thành công cần có những nhân vật, nhân vật trong câu chuyện tạo nên tình tiết truyện, các nhân vật trong câu chuyện là người bộc lộ cốt truyện, trong câu chuyện thường có các nhân vật tốt - xấu, thiện - ác. Mỗi câu chuyện thường có nhân vật tốt nhân vật xấu đối nghịch nhau để làm nổi bật lên tình huống truyện để rồi kết thúc câu chuyện thì cái tốt luôn thắng cái xấu, cái thiện luôn thắng cái ác. Qua nghiên cứu tập truyện ngắn của nhà văn Như Lan, chúng tôi thấy nhân vật trong tác phẩm của bà có thể phân ra thành

nhân vật chính diện nhân vật phản diện. Bằng chất liệu ngôn từ, nhà văn đã xây dựng trong các tác phẩm của mình một thế giới nhân vật phong phú đa dạng. Ở đó con người hiện lên một cách sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn độc giả. Người đọc như được tiếp xúc với con người bằng xương, bằng thịt. Nhân vật trong tác phẩm của bà như những điểm sáng bùng lên trên bức tranh hiện thực về vùng đất Việt Bắc xa xôi của Tổ quốc. Qua hệ thống nhân vật đó, nhà văn đã gửi gắm nhiều thông điệp nhân văn tới độc giả, đồng thời cũng gửi gắm tình cảm gắn bó tha thiết của mình tới quê hương.

Ngoại hình của con người có thể nói là rất quan trọng, nó để lại ấn tượng sâu sắc hay mờ nhạt trong lòng người tiếp xúc. Đồng thời ngoại hình cũng gợi bao liên tưởng, giả thuyết về tính cách, phẩm chất con người. Nhận thức được điều này nhà văn Như Lan dùng những từ ngữ đặc tả kết hợp với so sánh, ví von đầy hình ảnh để khắc họa ngoại hình nhân vật. Bút pháp miêu tả của nhà văn Như Lan vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại. Điều này được thể hiện trong tác phẩm của nhà văn. Hầu như các nhân vật trong tác phẩm của nhà văn Như Lan luôn khoác trên mình những ngoại hình rất đẹp, có những nhân vật khuyết tật nhưng họ chỉ khuyết về cơ thể còn khuôn mặt của họ thì rạng ngời núi rừng, đọc xuyên suốt tác phẩm của nhà văn ta luôn thấy con người miền núi hiện ra với ngoại hình đẹp toàn vẹn, toàn vẹn ngay cả con người lẫn tâm hồn.

Ta có thể bắt gặp những nhân vật được nhà văn Như Lan miêu tả rất tinh tế toát ra vẻ đẹp của người con gái miền núi cụ thể là trong tác phẩm *Tiếng kèn lá nói dài mùa trăng* nhân vật My Nhua được nhà văn miêu tả khi nghe tiếng kèn lá của người con trai ngày xưa vẫn thổi, lời cô ra khỏi thế giới mơ ảo “Tiếng kèn làm cho cơ thể tròn căng của tôi nhúc nhối, rạo rục, bồn chồn và bùng bùng trỗi dậy bản năng khao khát, ham muốn được dâng hiến, được cho và được nhận. Bầu ngực tôi căng cứng, hỏn hỏn sau làn váy mỏng. Người tôi nóng hầm hập như muốn bốc lửa”, người phụ nữ tượng trưng như

chết đi khi ngày cưới cũng là ngày biệt li của hai vợ chồng khi người chồng qua đời, cuộc sống của cô lúc mơ lúc ảo. Nhà văn đưa chiếc kèn lá vào như một nguồn ánh sáng lôi cô gái ra khỏi cuộc sống mơ ảo đó và hình ảnh sức sống trong cô bùng dậy được thể hiện qua ngoại hình của cô căng tròn sức sống. Mặt khác nhà văn cũng miêu tả vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua ngoại hình dáng vóc, vẻ đẹp của người phụ nữ không chỉ được miêu tả bằng vẻ đẹp bên trong mà còn cả vẻ đẹp bên ngoài “Cái dáng thon thả thắt đáy lưng ong, khuôn mặt trắng hồng như nhuộm phấn hoa, cũng đôi mắt đen láy, trong trẻo, nhìn ai cũng như cười” (*Trôi trong mây gió*), ngoài ra vẻ đẹp đó còn được thể hiện bằng vẻ đầy sức quyến rũ của cơ thể “Cơ thể tròn đầy trinh nguyên của Xúa ướt đầm sương nhưng lại tỏa ra hơi nóng hâm hấp mang theo hương thơm thoang thoảng của hoa rừng”. hay hình ảnh tức giận của con người khi gặp những chuyện không ưng không vừa lòng, như hình ảnh mặt ông Seo Say tức giận khi đưa con gái của mình yêu người con nuôi của ông “Mặt ông đỏ dừ bồng nhọt nhạt, chuyển sang màu tím tái.....Châu thoảng thốt nhận ra ông nội với nét mặt đang cau có, giận giữ. Mắt ông quắc lên như ngàn con đuốc chạy vào. Cánh tay chắc nịch của ông cầm con dao sáng loáng, chĩa về người đàn bà trẻ ...”(*Bồng bênh sương núi*).

Nhân vật Dín trong truyện *Sau lời hát Sli* mang vẻ đẹp lí tưởng, hội tụ đầy đủ những nét đẹp của một thiếu nữ vùng cao. Qua miêu tả ngoại hình nhà văn phần nào hé lộ nhân cách của Dín “Nước da mịn màng trắng như hoa mơ, hoa mạn đến độ nở rộ, mỗi khi nhóm lửa bên bếp , lửa cũng tí tách hờn ghen vì màu hồng trên má Dín. Khi cười Dín khéo hàm răng trắng đều như bắp nếp để lại trên má hai đồng xu duyên dáng, mặn mà”. Vẻ đẹp của Dín được so sánh với hình ảnh của thiên nhiên gắn với con người nơi đây. Tâm hồn Dín cũng sáng trong như ánh trăng, như ngôi sao trên trời. Ta nhận ra được cách miêu tả này của nhà văn Như Lan đó là sự kế thừa trong văn học cổ của dân tộc Tày.



Cùng với tài quan sát và miêu tả của mình nhà văn Như Lan đã miêu tả được những nỗi đau của những người lính sau khi từ chiến trường trở về. Mang trong mình những nỗi đau thể xác, những di chứng chiến tranh để lại trên cơ thể của các anh, các anh phải mang theo suốt cuộc đời mình “Trên hai cánh tay bố tôi, sưng to như những bắp chuối rừng. Ở ngực nổi lên từng cục, từng cục, nước vàng đang rỉ ra” (*Trăng mọc trong thung lũng*), những vết tích chiến tranh ấy đã hành hạ người lính ấy đau đớn mỗi khi trái gió trở trời. Qua đây nhà văn cũng nói lên nỗi đau của những người lính bên cạnh đó cũng nói lên sự cảm thông chia sẻ với các anh.

Với ngôn ngữ tài hoa của mình Như Lan đã cho chúng ta thấy mỗi một nhân vật của đều mang những nét ngoại hình riêng không ai lẫn vào với ai. Và mỗi một nhân vật đều có những nét đẹp riêng. Đó là vẻ đẹp của mỗi người lính trong truyện *Bộ ba xe pháo mã* với những vẻ đẹp và tính cách khác nhau, nhưng họ cùng chung một vẻ đẹp đó là tình đồng đội, tình đoàn kết và sự hài hước dí dỏm trong cuộc sống của những người lính này. Nhà văn đã hóa thân vào nhân vật tôi để miêu tả các đồng đội của mình, với con mắt của lính vẻ đẹp được hiện ra rất tinh tế thể hiện sự hồn nhiên hóm hỉnh của người lính. Nhân vật Phong được miêu tả là người tháo vát, vui tính, nói chuyện có duyên. Da trắng như than đá “*mối một không dám đục*”, với đôi mắt láu cá, và được mệnh danh là sát gái. Còn Thòong thì ít nói, đôi chân cao ngồng cao ngồng của nó phải leo nhiều dốc lớn, dốc nhỏ lồm chồm đá nên chân to như chân ông hộ pháp. Nhát gái vô cùng, đi qua đám con gái, đổ dựng mặt tựa quả gấc chín. Nhà văn miêu tả bề ngoài của mỗi nhân vật thông qua đó cũng thể hiện tính cách của mỗi nhân vật.

Sự tài tình và khéo léo của nhà văn còn được thể hiện ở việc nhà văn khắc họa lên những nhân vật xấu xí, dị dạng bên ngoài nhưng ẩn sâu bên trong lại chứa một “tấm lòng vàng”. Ngoại hình xấu xí, dị dạng của nhân vật Ngai (*Chuyện nhà chị Ngai*) được miêu tả: “Ngai bị ông trời lấy đi một phần chiều

dài cái chân. Vì thế mà mỗi bước đi của Ngai giống như người đi học chữ đặt bút để chấm dấu phẩy cạnh nhau”. Ngoại hình của Ngai tạo ấn tượng mạnh, khắc sâu trong tâm trí người đọc, ngoại hình ấy là nền đề tô đậm, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn Ngai, Ngai là con người nhân hậu, yêu thương con người. Ngai thiết thòi như vậy lên mẹ Ngai cố gắng dậy con bóc thuốc quanh nhà, trên núi, Ngai bóc thuốc rất mát tay, nhiều người khỏi bệnh. “Trong một đêm Ngai nghe có tiếng người rên ở ngoài, Ngai không ngần ngại bước tới trước mặt người đàn ông mặt mũi xanh như tàu lá đang dựa vào gốc cây để thở khó nhọc, Ngai không chần chừ ngại ngần mình là đàn bà con gái yếu ớt, chị vục người đàn ông đứng dậy, dìu từng bước khó nhọc lên nhà, mãi lo thuốc thang cứu người, mãi tới lúc chị Vân về Ngai mới nhớ là chưa làm gì để thấp hương mẹ”.

Tóm lại, bằng bút pháp nghệ thuật thay đổi linh hoạt vừa mang tính chất truyền thống, vừa mang tính hiện đại, các nhà văn Hồ Thủy Giang, Bùi Thị Như Lan đã khắc họa lên những bức chân dung ngoại hình đầy dụng ý: Qua ngoại hình có thể đoán được tính cách và phẩm chất của nhân vật.

### **3.2.2. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật thông qua miêu tả hành động**

Trong văn học, để miêu tả con người, các tác giả đặc biệt chú ý khai thác, miêu tả hành động của nhân vật, thông qua đó thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm. “ *Hành động của nhân vật không chỉ là yếu tố cần thiết để bộc lộ tính cách mà nó còn là yếu tố không thể thiếu thúc đẩy diễn biến của cốt truyện trong tác phẩm. Đó chính là những việc làm cụ thể của nhân vật trong ứng xử với nhân vật khác trong những tình huống khác nhau của cuộc sống.*” [21; tr.131].

Nhân vật trong truyện ngắn của nhà văn Bùi Thị Như Lan hầu như là những người miền núi nên tính cách của họ bộc lộ rất rõ cá tính của người miền núi. Họ sống nội tâm và bộc lộ mình chủ yếu qua hành động. Hành động của họ thường bùng nổ bất ngờ không hề tính toán, dự đoán trước. Những hành động ấy gây ấn tượng mạnh đối với độc giả. Dù hành động của nhân vật nào đi chăng

nữa nó cũng diễn ra đột ngột và đầy quyết liệt. Độc giả bất ngờ trước vẻ bề ngoài lầm lì tưởng chừng lạnh lẽo, nhưng lại mang một sức mạnh to lớn bên trong. Đây là nét tâm lí riêng của người miền núi.

Trong truyện *Bộ ba xe pháo mã* ngoài việc miêu tả những buổi tập diễn quân, những lần đi tăng gia, tác giả còn cố tình đưa vào cuối tác phẩm một vụ cháy ở một ngôi làng, sự việc này đẩy cao trào của câu chuyện và làm gia tăng thêm kịch tính của câu chuyện. Để thấy được sự dũng cảm, bất chấp nguy hiểm của những người lính họ sẵn sàng lao vào biển lửa để cứu dân, cứu bản. Qua đây ta thấy được tình quân dân, gắn bó sâu sắc ở những vùng núi cao. Sự việc được bắt đầu khi mọi người đang nghỉ ngơi sau trận diễn tập. “Thòong “kêu” hót hải, đằm ãi mò hôi chạy về la to: “Cháy, cháy bản rồi”. Nó chỉ tay về phía đám cháy, từng đụn khói xám cuộn cuộn bốc lên, sau khi nhận được lệnh chúng tôi lao đi nhanh”. Sau khi được lệnh các chiến sĩ không ngại ngần nguy hiểm lao vào đám cháy cứu người “Lửa ngùn ngụt cháy, gió ràn rạt kéo ngọn lửa bốc lên cao, gió càng mạnh, lửa càng lớn. Không biết tôi quăng ba lô đi từ lúc nào. Tiếng trẻ khóc thét ngăn ngắt ở phía trước như bút da, như xé thịt tôi. Trời ơi... Nhà trẻ, mẹ các cháu còn trên nung xa... Lao vào giữa nắm lửa, tôi ôm thốc lấy các cháu đưa khỏi vòng lửa ma quái... Chợt, từ trên đầu tôi, vầng lửa nghiệt ngã ụp xuống...rùng rục đổ bầm... Tôi mê man thiếp đi giữa núi lửa nhạt nhòa....”. Qua ngòi bút của nhà văn chúng ta có thể thấy được sự dũng cảm, gan dạ của những người chiến sĩ, họ không những vững chắc tay súng bảo vệ sự bình yên của Tổ quốc, mà họ còn bảo vệ cuộc sống của nhân dân sao cho yên bình, hạnh phúc. Hành động của họ thường bùng nổ bất ngờ không hề tính toán, dự định trước. Bởi thế những hành động ấy thường gây ấn tượng mạnh đối với độc giả. Thêm một tác phẩm nữa cũng viết về những hành động quả cảm của những người lính, đó là trong truyện ngắn *Gió hoang* cũng nói về hành động của nhân vật Pàng là anh bộ đội đi chiến trường về vì bị nhiễm chất độc da cam, chính vì di chứng của chiến tranh để lại mà khao khát có một đứa con

để ẩm bẻ, dễ dàng của vợ anh không bao giờ thực hiện được. Vợ chồng anh rất đau khổ, anh không ngần ngại lội xuống sông sâu, lặn lội nơi vực thẳm đi bắt cá chép về nấu cháo cho vợ ăn để tầm bổ. Trong buổi tối bắt cá chép anh nhìn thấy một cô gái tự tử, với phản xạ nhanh nhạy của người lính sông nước anh kêu to “Dân bản ..cứu...cứu....ng..u..ời...” và lao xuống dòng nước đầy bí ẩn của màn đêm. Anh ngụp lặn, vẫy vùng. Sau đó cũng có mấy người nhảy xuống. Anh lao vào vòng xoáy cùng người trai bản vật lộn với dòng nước như muốn rút chân người, túm được cánh tay người bị nạn đang đập dềnh giã gạo”. Hành động không quản ngại nguy hiểm của nhân vật được nhà văn Như Lan xây dựng mang đậm chất người lính, “Bộ đội Cụ Hồ” - Bộ đội của dân. Người lính ấy ở chiến trận, họ không sợ nguy hiểm lao vào trận mạc đánh thắng kẻ thù, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, thì lúc này đây họ cũng không ngại ngần nguy hiểm lao vào cứu những người gặp hoạn nạn để cuộc sống của người dân yên bình.

Nhà văn cũng đi sâu vào miêu tả hành động của những người phụ nữ miền núi trong cuộc sống của mình. Có những người phụ nữ âm thầm nhớ thương chồng của mình đi chiến trường, ngày ngày nhớ mong năm này qua năm khác. Họ không đi bước nữa mà sống vậy nuôi con thờ chồng, như nhân vật người phụ nữ trong truyện ngắn *Chiếc vòng bạc hình đôi chim Noọc Phây* người phụ nữ năm này qua năm khác để chiếc bắp ngô non lên bàn thờ chồng mỗi khi mùa ngô đến, người phụ nữ này không đi tìm hạnh phúc khác mà âm thầm sống một mình chờ chồng nuôi con. Hay nhân vật Xúa trong truyện *Bông bành sưng núi* khi bị cha ngăn cấm tình yêu của mình đã chạy trốn, khi bị cha bắt sang nhà thờ tở, “Cô chạy xuống núi, bàn chân không giầy cứ thế băng trên đường đá gập ghềnh. Đá cứa vào lòng bàn chân, đá đứt từng mảng da ở ngón chân cô, Xúa chạy qua ngày sang đêm, chạy đến lúc cái chân không dẫm trên đá, trên sỏi mà lún ngập xuống những thửa ruộng bằng phẳng thì Xúa biết đây là vùng soi bãi của người Kinh.....”. Vì tình yêu của mình muốn bảo vệ tình yêu của mình mà cô mang tội

bất hiếu với cha, với tổ tiên để giữ trọn tình yêu của mình. Có thể nói nhân vật này điển hình cho những cô gái có tình yêu mãnh liệt, giám hi sinh và bất chấp tất cả vì tình yêu. Khi cô nghe tiếng đàn môi réo rắt của Sìn thì cô đã “Vụt chạy ra khỏi cổng, băng băng trên con đường rừng ngập ánh sao đêm và hồi hộp nín thở leo lên chòi canh”. Qua hành động của nhân vật Xúa nhà văn thể hiện niềm khát khao hạnh phúc tình yêu, hạnh phúc gia đình. Thông qua hành động ấy nhà văn như muốn gửi gắm, những cảm thông, sự chia sẻ về tình yêu, sự chung thủy dành cho người mình yêu. Sự chung thủy của Sìn dành cho Xúa thông qua hành động đó là anh ở vậy nuôi đứa con của hai người. Dù bố anh có lấy vợ khác cho anh, nhưng vì tình yêu của mình anh không hề đụng chạm gì đến người phụ nữ đó, mỗi người nằm một giường. Chỉ cần hành động ấy thôi cũng cho chúng ta thấy tình yêu của họ mãnh liệt và bất diệt đến nhường nào, thông qua hành động của Xúa, chúng ta càng cảm thấy yêu và trân trọng những con người miền núi hơn bao giờ hết. Họ đơn giản đến kì lạ, thường thì chúng ta cũng không thể đoán trước được những suy nghĩ của họ. Họ khó đoán nhưng họ đáng yêu và dễ mến vô cùng.

Thông qua miêu tả hành động, nhà văn đã để cho nhân vật bộc lộ mình một cách chân thực nhất. Đối diện với chiều sâu tâm lý và sự đa chiều trong tâm hồn mỗi con người, nhưng đến khi đứng trước tình huống căng thẳng, khi con người phải đứng trước sự lựa chọn, sự được mất thì những ý nghĩ thâm kín, nơi khuất nẻo của tâm hồn được mở ra trọn vẹn, được bộc lộ một cách tự nhiên nhất. Đó chính là minh chứng cụ thể cho một đặc điểm nổi bật của người miền núi trong từng tập truyện ngắn của nhà văn Bùi Thị Như Lan. Miêu tả nhân vật thông qua hành động chính là một trong những thành công về nghệ thuật khắc họa nhân vật của bà.

Trong tác phẩm của mình, Hồ Thủy Giang ít khi miêu tả tâm lý nhân vật, nhà văn chủ yếu đặt nhân vật vào trong những tình huống có tính thử thách. Những tình huống ấy tuy không li kỳ, giàu kịch tính mà chỉ là những thử thách

của tư tưởng, tình cảm thâm lắng, giản dị, nhưng cũng không kém phần quyết liệt. Từ đó nhân vật tự “*nhận thức*”, “*xám hối*” và “*thức tỉnh*”, hoặc từ những tình huống đó bộc lộ phần nào tính cách, phẩm chất của nhân vật. Nhờ những tình huống này mà độc giả có thể nắm bắt được chủ đề, tư tưởng của truyện.

Vĩnh trong *Cổ đại* được đặt vào hai hoàn cảnh khác nhau. Một là thời kỳ Vĩnh lái xe vào chiến trường. Hai là thời kỳ Vĩnh là một cán bộ của huyện. Ở hai hoàn cảnh khác nhau cùng một con người nhưng lại có tính cách hoàn toàn khác nhau. Nếu ngày trước Vĩnh có tính bộc trực hiêm thấy, thì giờ đây khi là một cán bộ huyện mới được cân nhắc tỵ chức quyền, mà Vĩnh trở thành một kẻ khôn khéo, cơ hội, biết lấy lòng kẻ trên không từ một thủ đoạn nào để leo lên cái ghế của danh vọng. Tác giả không bình luận, nhận xét mà khéo léo đặt nhân vật vào những hoàn cảnh có tính thử thách khác nhau, để nhân vật Vĩnh tự bộc lộ bản chất của mình.

Trong truyện ngắn *Những hàng ghế trống* cũng vậy, Huy Mão được đặt vào hai tình huống. Khi thông báo về thời gian cho Thế Minh kỳ thi học sinh giỏi văn của toàn tỉnh và ba mươi năm sau Huy Mão lại thông báo về cuộc thi đọc thơ của các cựu học sinh. Qua hai lần thông báo này và hai lần Thế Minh đều đứng trước những hàng ghế trống, vì cuộc thi đã diễn ra. Hai lần Huy Mão đều giành chiến thắng ta thấy được bản chất của Huy Mão. Một con người luôn lừa bạn để giành lấy chiến thắng vì thấy bạn giỏi hơn mình.

Nhạc sĩ Bách Quang cũng được đặt trong hai tình huống cụ thể. Lần thứ nhất, khi cứu được A Xao khỏi cái tục lệ ép gả của địa phương và không làm chủ được mình. Lần thứ hai, sau ba mươi năm quay lại và biết chính cái đêm hôm ấy đã để lại cho mình một giọt máu. Qua hai lần này đã “*lộ*” bản chất con người của nhân vật Bách Quang. Vì danh vọng, địa vị mà ông sẵn sàng bỏ cả tình yêu, bỏ cả đứa con ruột thịt của mình.

Trong truyện ngắn *Tro tàn*, người vợ bị đặt vào một hoàn cảnh trở trêu. Hai vợ chồng vì làm ăn thua lỗ nên mất căn nhà. Đứng trước thử thách đó, người

vợ không giữ được chính mình. Chỉ vì muốn lấy lại căn nhà mà thị đã bán thân xác mình cho “lão già mặt xám” và “còn phải chịu đựng cả cái cam lạng khủng khiếp như một năm mô của anh chồng tội nghiệp”.

Tuy nhiên trong một số truyện ngắn có những nhân vật đã vượt lên được những hoàn cảnh, số phận để khẳng định mình. Đó là anh Vênh trong *Cỏ biếc đồng quê*, tuy sinh ra có hình hài xấu xí, dị dạng, gia đình lại nghèo khó, nhưng anh Vênh vẫn vượt lên số phận trở thành một người đáng cảm phục trong mắt dân làng. Người vợ trong truyện ngắn *Những kiệt tác* cũng vậy, cho dù người chồng tuy còn trẻ mà chỉ còn sống được vài tháng nữa, thế nhưng cô không tuyệt vọng. Hàng ngày cô vẫn mang về đọc cho chồng mình những mẫu truyện cười, để những ngày cuối đời còn lại của anh luôn được vui tươi, nhẹ nhõm. Phương Lan vì đã hơn ba mươi lăm tuổi nhưng vẫn “*phòng không*”, cô không buồn mà sống rất lạc quan. Để tránh những ánh mắt và lời nói của những kẻ “*tọc mạch*”, ngày sinh nhật cô ra bưu điện tự gửi điện hoa cho mình. Tác giả ngậm ngùi cho Phương Lan, nhưng cũng ngợi ca sự vượt lên hoàn cảnh để sống vui tươi, có ích của cô (*Điện hoa*).

Có thể nói ở mỗi truyện đều có những tình huống cụ thể rất khác nhau, dù đơn giản hay phức tạp cũng chỉ là điều kiện, là cái nền để nhân vật bộc lộ mình, bộc lộ vấn đề của cuộc sống. Qua những tình huống có tính thử thách đó ta nhận thấy điều mà nhà văn muốn gửi tới cho độc giả. Liệu con người bị chi phối bởi hoàn cảnh, hay do chính bản lĩnh không vững vàng của con người trước những cám dỗ của cuộc đời? Mọi người hãy vượt qua và chiến thắng được những hoàn cảnh thử thách, luôn giữ được bản chất tốt đẹp của mình đó mới chính là điều đáng khâm phục.

### **3.2.3. Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật qua độc thoại nội tâm**

Độc thoại nội tâm là tiếng nói bên trong tâm hồn nhân vật, là những ý nghĩ thầm kín, là lời nhủ thầm của nhân vật. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm có một sức mạnh đặc biệt. Nó không những biểu hiện chân thực nhất bộ mặt tinh thần và tâm trạng phức tạp của nhân vật mà còn có sức lay động tình cảm sâu xa của người đọc.

Trong truyện ngắn Hồ Thủy Giang cũng sử dụng những đoạn độc thoại nội tâm, để thấy diễn biến tâm lý của nhân vật. Truyện ngắn *Bản quyền* kể về một nhà văn tên tuổi, có ý thức về nghề nghiệp nhưng vì vợ vừa mới ốm dậy cần tiền để bồi dưỡng mà nhà văn đó phải hạ mình, ép mình viết bài cho một tên giám đốc ngạo mạn, khinh người. Tác giả đã miêu tả khá tỉ mỉ những thay đổi tâm lý phức tạp đang diễn ra trong tâm hồn nhân vật. Trước sự coi thường, kiêu ngạo của tên giám đốc “Y thấy cổ họng nghèn nghẹn. Giá như không phải đang rơi vào hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như hiện giờ thì trước thái độ trịnh thượng của lão tổng giám đốc, y đã phui quần ra về không thèm nói một câu”. Và không chịu được y còn định “chỉ vào mặt lão tổng giám đốc mắng một câu thật thỏa đáng”. “Lần này thì y không chịu nổi. Y muốn găm lên, muốn tát vào phiến má phèn phẹt như cái phản thớt của lão tổng giám đốc một cái ra trò”. Và cuối cùng thì “mặt y tái nhợt đi. Nhục! Nhục quá! Y bặm môi, bóp chặt mấy ngón tay vốn nhiều xương hơn thịt của mình lại. Đúng cái lúc ý định tung ra một quả đấm có vẻ khủng khiếp như Mike Tyson vào mũi lão tổng giám đốc xác xược thì gương mặt xanh xao vàng vố của vợ y chợt hiện ra. Ba triệu đồng! Đúng vậy. Ba triệu đồng hoàn toàn có thể làm cho gương mặt ấy hồng hào trở lại. Và, y đã bất ngờ hạ con sốt”[18, tr.25 - 29]. Có thể thấy tâm trạng của nhân vật vận động từ thấp đến cao, nhưng dù ở mức độ nào thì cũng có sự giằng xé, đôi co quyết liệt giữa lòng tự trọng của nhà văn và lòng thương vợ của một người chồng. Cuối cùng vai trò của một người chồng đã chiến thắng. Điều đó cho thấy, tác giả luôn ngợi ca và đề cao tình yêu thương của con người với con người.

Trong truyện ngắn *Chị Hạnh ơi!* Tác giả còn miêu tả những lời độc thoại của một chú vẹt “Thì ra, tôi là niềm vui của cả hai ông cháu chị Hạnh nữa. Tôi có cảm giác niềm vui đối với họ hình như là một điều hệ trọng lắm. Mà phải rồi, tôi luôn thấy đôi mắt của chị ảm một nỗi buồn vô cớ”. Không chỉ có vậy khi biết tin chị Hạnh còn nhỏ mà bị chết vì chất độc da cam “Tôi lặng đi, không muốn tin vào lời ông nội nói. Không! Không thể như thế được! Từ nay có lẽ



nào tôi vĩnh viễn không được nhìn thấy chị nữa”. Và “Tôi ngậm ngùi cất cánh bay đi. Tôi cố bay vọt lên thật cao nhìn xuống để mong thấy bóng hình chị Hạnh, nhưng mặt đất chỉ ròn rợn một màu xanh mờ ảo. Chao ôi! Tôi đâu biết được loài người lại có những nỗi buồn tê tái đến thế”. “Chị hạnh ơi, em thương chị lắm! Tiếng nói của tôi sẽ vang vọng mãi không nguôi trên bầu trời rộng lớn. Mong sao, giọng nói nghẹn ngào, bé nhỏ của tôi giữa mênh mông này có thể làm vơi đi chút ít nỗi đau của những kiếp người”. Nghe những lời xót xa đau đớn của chú vẹt, người đọc thấy được tấm lòng nhân hậu, thương người của tác giả đối với những số phận không may trong cuộc sống.

Trong *Bông hoa cô đơn* là những lời độc thoại nội tâm đầy ân hận của vị chủ tịch tỉnh khi đã đánh mất tình yêu và hạnh phúc của đời mình. “Chao ôi! Giá như hôm ấy mình biết nói rằng: Em không phải là bông hoa cô đơn mà là bông hoa tươi đẹp nhất của riêng anh. Lẽ ra mình phải nói như thế... Đúng! Lẽ ra mình phải nói một nghìn lần như thế! Lẽ ra mình phải nói một nghìn lần như thế!”.

Lời độc thoại nội tâm của Bách Quang khi được nghe cô bé kể về A Xao, “Cháu gái ơi, ta biết chứ! Nhưng ta đâu có ngờ được rằng sự đời lại trở trêu đến vậy. Suốt ba mươi năm qua ta những tưởng mọi chuyện đã được xóa nhòa theo năm tháng, và ta đã thành kẻ vô can. Câu chuyện cháu vừa kể đã làm cho ta hiểu ra mọi việc. Nhưng dù sao, may mắn thay, hôm nay ta cũng đã trở về”. Khi gặp Bình, biết Bình là con trai mình, nhưng ông vẫn chưa dám nhận vì cái quãng thời gian ba mươi năm đủ để làm cho vật đổi sao dời ấy, đâu có thể hoàn nguyên bằng một cái nắm tay, cái ôm vai hay lời xin lỗi được. Ông đã tự nhủ “Hãy gắng đợi đến ngày mai con ạ. Ngay sáng mai ta sẽ cùng con ra thắp hương trên mộ mẹ. Rồi chính ở nơi đây ta sẽ thú nhận với con mọi chuyện và xin tạ lỗi trước vong linh của mẹ. Nhất định rồi ta sẽ tìm cách cho con về Hà Nội để theo học một lớp âm nhạc. Trong người con đang mang dòng máu của ta. Đúng rồi! Ca khúc Cô gái núi Phắc Phiền. Hãy bắt đầu từ xuất phát điểm ấy. Hãy bắt đầu từ chỗ ta đã vô tình rũ bỏ”. Ngỡ tưởng, mọi việc sẽ diễn ra theo

như dự định của Bách Quang, nhưng vì con người tự nhiên, con người danh vọng đã chiến thắng những ý nghĩ của con người xám hối. Sau hồi chuông điện thoại của con gái về việc đề bạt chức vụ trưởng. Ông chuẩn bị hành lí để ngày mai đi chuyến sớm nhất.

Như vậy đi sâu vào miêu tả đời sống nội tâm, Hồ Thủy Giang như luôn lách vào được mọi ngõ ngách của tâm hồn, phát hiện ra những điều sâu xa được ẩn giấu trong vẻ ngoài của mỗi con người.

Qua việc tìm hiểu về các kiểu nhân vật trung tâm và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện ngắn Hồ Thủy Giang ta thấy, dấu ấn đô thị in đậm trong truyện ngắn của Hồ Thủy Giang. Hầu hết các nhân vật của tác giả thuộc tầng lớp thị dân đô thị, trí thức, văn nghệ sĩ với những trăn trở về thế sự và đời tư, tình yêu và thù hận, sự sống và cái chết. Cũng viết về những đề tài và các kiểu loại nhân vật này, Nguyễn Huy Thiệp chủ yếu viết về những con người tha hóa, bi kịch nhiều hơn, những con người chiến thắng trước hoàn cảnh rất ít, trong truyện cũng hiếm gặp những nhân vật có niềm vui, niềm hạnh phúc. Ông nghiêng nhiều hơn về các nhân vật bi kịch, những mảng tối, những góc khuất của cuộc đời và bao giờ cũng để ngỏ kết thúc. Chính vì vậy nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp luôn sống trong ốc đảo cô đơn, đau khổ đến tột cùng. Ông yêu con người và cuộc đời nhưng theo kiểu “yêu cho roi cho vọt”. Những câu chuyện tưởng có phần chua chát, bi quan của ông lại là tiếng chuông cảnh tỉnh, nhắc nhở *con người* hãy thoát khỏi phần “*con*”, hãy vượt khỏi sự tha hóa để tìm lại chính mình.

Độc thoại nội tâm là tiền nói bên trong tâm hồn của nhân vật, là những ý nghĩ thâm kín, là lời nhắn nhủ của nhân vật. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm có một sức mạnh đặc biệt. Nó không những biểu hiện một cách chân thực nhất bộ mặt tinh thần và tâm trạng phức tạp của nhân vật mà nó còn có sức lay động tình cảm sâu xa của người đọc bởi nó đã chạm tới chỗ cao sâu của mỗi con người. Theo cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học*: “Độc thoại nội tâm là lời phát

ngôn của nhân vật nói với chính mình, thể hiện quá trình tâm lí nội tâm, mô phỏng hoạt động cảm xúc, suy nghĩ của con người trong dòng chảy trực tiếp của nó”. [21; tr122]

Trong truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan xuất hiện hai dạng độc thoại nội tâm: độc thoại bằng lời trực tiếp và độc thoại bằng lời nửa trực tiếp.

Độc thoại bằng lời trực tiếp là nhà văn chỉ rõ nhân vật tự nghĩ, tự nhủ hoặc tự nói với mình. Dạng này trong truyện ngắn của nhà văn Như Lan xuất hiện không nhiều. Ta sẽ bắt gặp lời trăn trở, khúc mắc trong lòng của mình khi cô nghi ngờ về thân phận của mình “Tôi yên tâm vì câu giải thích ấy và nghĩ mẹ không thể nói dối tôi. Nhưng hôm nay thì khác, tôi bỗng đặt câu hỏi vì sao thằng Hải nói thế? Sao nó cứ nhằm vào tôi mà trêu chọc? Sao ngày mẹ đưa tôi đến lớp học của thầy Tâm, đôi mắt mẹ sưng đỏ như ớt chín? Tôi chợt nhớ tôi mang họ Nguyễn của mẹ. Những câu hỏi quay cuồng trong đầu tôi nhức nhối” (*Thầy Tâm*). Có những đoạn nhân vật tôi đấu tranh tư tưởng tự đặt câu hỏi, nhân vật cảm thấy hoang mang, lo sợ một điều gì đó “Tôi đã đi ngàn bước chân rồi sao vẫn quay lại đếm một...hai...ba? Tôi muốn kéo thời gian trùng lại, dài ra để dừng tới ngày mai. Tôi sợ ngày mai biết bao. Tôi sợ phải xa anh, xa bao lâu thì tôi không biết. Anh như con chim đủ lớn chạy khỏi cánh rừng, còn tôi giống như gốc cây con thú vừa dưng chân lầy sức mà thôi.” (*Mùa hoa gắm*). Những lời đối thoại nội tâm của My Phua cũng thể hiện tâm trạng lo lắng “Nhà có đám vui mà sao tụi chim cứ bay liệng kêu mãi thế” (*Tiếng kèn nói dài mùa trăng*). Hay có những đoạn đối thoại nhân vật tự đối thoại với lương tâm dằn vặt lương tâm mình về quá khứ “Tôi thấy mình có tội lớn với anh Dân, bao năm qua sao tôi không nói ra chuyện ấy, sao tôi nỡ dối lừa anh. Tôi là người đàn bà bỏ đi”, “ Sao tôi không rì rầm nói chuyện với dòng Nậm Ún như mọi khi? Tôi bỗng thở dài sườn sượt, ừ thì mọi chuyện mấy năm qua đi rồi sao tôi không dám nói ra sự thật với anh? Sao tôi nỡ giấu cả pá tôi”, “liệu anh Dân có tha thứ cho tội lỗi của tôi không?” (*Bên dòng Nậm Ún*), có những đoạn hội thoại

nhân vật tự hỏi lương tâm bản thân mình, tự đặt câu hỏi cho mình “Làm thế nào để vừa làm mẹ vui và vừa có được anh?”, “phải chăng tôi là người bất hiếu như mẹ nói?” (*Mùa hoa bjooc lầy*). Trong truyện ngắn *Truyện nhà chị Ngai*, chị Ngai mẹ của Diên lo lắng day dứt hồi hộp lo cho đứa con gái đi tìm người cha để ở dưới thành phố “Chị nhắm tính bằng đốt ngón tay, hôm nay đã bước sang ngày thứ tư rồi mà sao vẫn chưa thấy bóng con? Chị thấy lo quá. Không biết có chuyện gì xảy ra với nó, mà con bé có tìm được cái nơi cần đến không? Người ta có đối xử không tốt thì chị cũng không làm gì nổi”.

Qua những lời độc thoại trực tiếp của nhân vật, độc giả hiểu được sự chuyển biến trong đời sống nội tâm, hoặc sự đau khổ, dằn vặt, đang giằng xé trong tâm hồn họ. Và đây chính là minh chứng cho tính hiện đại trong bút pháp nghệ thuật của nhà văn.

Độc thoại bằng lời nửa trực tiếp là nhà văn trực tiếp phơi bày phân tích tâm lí nhân vật hòa quyện vào giọng nhân vật khiến ta khó phân định rõ ràng, rạch ròi. Miêu tả nhân vật qua lời độc thoại nửa trực tiếp là một thủ pháp nghệ thuật chiếm ưu thế trong truyện ngắn của nhà văn Như Lan. Trong truyện ngắn có nhiều đoạn văn khiến độc giả khó phân biệt đâu là giọng văn, đâu là giọng nhân vật, nhà văn Như Lan đã cố gắng miêu tả đời sống nội tâm của nhân vật, phanh phui, mổ xẻ tâm hồn nhân vật khiến nó phơi bày một cách trọn vẹn tính cách nhân vật, trong truyện *Chiếc vòng bạc hình đôi chim Noọc Phầy* đã miêu tả tâm trạng lo lắng xót xa cho người mẹ của mình “Bếp lửa chập chờn hát sáng lên mê, lên khuôn mặt kín vết nhăn, lên mái tóc nhuộm màu đá vôi. Nỗi sợ hãi bỗng từ đâu đổ ập vào người tôi. Tôi lo lắng một ngày nào đó mẹ bỏ tôi đi xuống âm thế tìm cha. Mẹ vẫn nói với tôi, bao giờ toi cứng cỏi, đứng vững bằng đôi chân của mình, như cái cây đủ lớn cắm rễ sâu xuống lòng đất thì mẹ sẽ yên bụng ra đi. Bất giác đôi mắt tôi nhìn vào nơi góc nhà, qua ánh lửa leo lét, khúc gỗ dẽ dường như lớn hơn rất nhiều. Mẹ tôi đã chuẩn bị sẵn cho sự ra đi của mình như thế này ư? Lần trước tôi về khúc gỗ này chưa có ở trong nhà, thế mà nó sừng sững hiện diện ở kia như trêu tức, như thách đố như răn đe tôi”,

nhân vật tôi dường như đang hoang mang sợ sệt, lo lắng cho tuổi già của người mẹ và sự xuất hiện của cây đẻ dường như báo hiệu điềm không lành đối với cuộc sống của người mẹ mình.

Có những câu truyện người đọc dường như khó có thể phân biệt đâu là giọng nhà văn đâu là giọng nhân vật nhà văn và nhân vật dường như nhập thành là một “Chao ôi! Dưới quầng sáng lúc tỏ, khi mờ của lửa bếp, trong hương củi mằn tang thơm đượm, khuôn mặt mẹ buồn đến lao lòng. Mẹ rọi cái nhìn tới một nơi nào đó xa xăm, vô định trong bóng đêm như tìm kiếm, như mong chờ...ánh nhìn ấy cho tôi biết tâm can mẹ đang bị vò xé. Người tôi bỗng run lên, bải hoải, rã rời và khắc khoải trước ánh mắt vời vợi chất chứa đầy bí ẩn của mẹ. Tôi định nói điều gì với mẹ mà không thể mở miệng được. Mắt tôi cay nồng, rung rung và tẩy bồng....” (*Mùa hoa gấm*) nhà văn diễn tả tâm trạng buồn và sự dằn của người con trước sự lo lắng, ánh mắt u buồn của người mẹ, làm cho người con cảm thấy sợ hãi lo lắng.

Trong truyện ngắn *Bông bênh sương núi*, nhân vật Sìn khi không người cha biết được chuyện tình của anh với đứa con đẻ của người cha, anh dằn vặt day dứt lương tâm, anh cảm thấy xấu hổ với tổ tiên có lỗi với cha. “Sìn lục vấn lòng mình bằng những câu hỏi mà không tìm được câu trả lời. Đã đành, cái chuyện anh yêu Xúa là chuyện nắp kín trong lòng không thể giải bày, không dễ gì lộ ra. Sìn muốn trái lời cha mà không đành. Muốn ra đi tìm Xúa mà không thể cất bước. Cha cấm anh đi tìm Xúa. Cha bảo đứa con gái bỏ nhà, bỏ bản ra đi là đồ bỏ đi rồi, cho nó đi luôn cho khỏi bận mắt. Sìn thương Xúa, nhớ Xúa quay quắt. Sao Xúa có thể bỏ cha bỏ anh mà đi như thế? Sìn không còn là thằng người nữa rồi! Anh làm hại đời Xúa, làm khổ cha. Cái tội của anh lớn quá”. Nhân vật Sìn được nhà văn dựng lên trong sự day dứt, mâu thuẫn trong lương tâm của mình, anh muốn làm điều này nhưng lại sợ điều kia, chính sự giằng xé nội tâm này làm nổi bật lên những sự đấu tranh nội tâm của nhân vật, đây là những đặc điểm điển hình của đối thoại nội tâm mà tác giả đã đưa vào tác phẩm để làm nên sự thành công của tác phẩm.

Tuy chưa đạt đến phép biện chứng của tâm hồn, nhưng nhà văn Như Lan đã phát hiện ra đời sống nội tâm phong phú, phức tạp của người miền núi. Từ đó nhà văn xoáy sâu vào khai thác, tìm hiểu, phân tích những nơi cao sâu nhất của tâm hồn, tăng độ tin cậy ở những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật. Những người miền núi họ thường ít nói, thường bộc lộ mình thông qua hành động, qua đây ta có thể thấy con người nơi đây giản dị trong nếp sống đôi khi họ cũng giản dị trong nếp nghĩ. Truyện ngắn của nhà văn Như Lan đã đóng góp cho sự đổi mới mảng văn xuôi dân tộc thiểu số miền núi ở khía cạnh khai khác chiều sâu tâm hồn con người. Nhà văn đã tạo được sự đa dạng và cá thể hóa trong ngôn ngữ của nhân vật. Kết hợp với ngoại hình và hành động, nhà văn đã dựng lên những bức chân dung tươi đẹp về người miền núi, bộc lộ những cá tính độc đáo, những suy nghĩ trong thẳm sâu tâm hồn của họ đồng thời cũng thể hiện nét văn hóa riêng của đồng bào vùng cao.

### **3.3. Ngôn ngữ nghệ thuật**

Ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương. Nó không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Đó là thứ ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật - thẩm mỹ rất cao. Nó tác động đến cảm xúc của người đọc, biểu hiện cái đẹp, khơi gợi, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ cho con người.

Ngôn ngữ nghệ thuật có vai trò đặc biệt quan trọng bởi nó là yếu tố vật chất duy nhất trong tác phẩm văn học. Qua đó người đọc khám phá được thế giới hình tượng, tư tưởng, quan niệm, tình cảm... mà nhà văn gửi gắm.

#### **3.3.1. Ngôn ngữ dung dị đời thường**

Trong văn xuôi thời kỳ đổi mới với thể tài *thể sự - đời tư*, nên ngôn ngữ hàng ngày chiếm ưu thế hơn cả. Các nhà văn Tô Hoài, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng... đã đem ngôn ngữ nói nhất là việc sử dụng các thành ngữ, tục ngữ cả khẩu ngữ trong sinh hoạt hàng ngày để hòa trộn vào ngôn ngữ viết. Chính sự kết hợp này đã tạo cho ngôn ngữ văn xuôi ánh lên vẻ đẹp của cuộc sống đời thường.

Ngôn ngữ trong truyện ngắn Hồ Thủy Giang hiện lên trang giấy gần gũi, giản dị như những lời ăn tiếng nói trong cuộc sống hàng ngày. Phong cách khẩu ngữ được nhà văn sử dụng rộng rãi, trong ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật. Ngôn ngữ này thường đi kết hợp với giọng chua chát, mỉa mai, có thể thấy trong những truyện ngắn *Chú bé đi giày một chân*, *Phiên tòa*, *Tình phụ tử*, *Mây gió ngẩn ngơ*, *Đối thủ*, *Bản quyền*, *Đối sách*...

Đây là giọng của một chú bé nhặt rác: “Đời khôn nạn thế đấy chú ạ!”, “Lạy giới, từ ngày thành phố có cái gọi là... là... à gọi là nền kinh tế thị trường, các loại vỏ hộp, vỏ chai thải ra nhiều lắm, chúng cháu kiếm ăn cũng khá hơn. Chú như ngót chục năm về trước thì chỉ bới ra bới ra bùn thôi chú ạ. Đói dài mồm!”. Và “Cháu thấy đài báo vẫn nói hàng năm có hàng chục, hàng trăm người bị chết vì nạn lũ lụt. Thế thì cái sự dự báo dự biếc của chú có ích quái gì?...

- Chú bực cháu lắm hả? Xin lỗi chú. Cái tính của cháu nó ngang cãnh bừa thế”[48, tr.48]. Hồ Thủy Giang miêu tả chính xác ngôn ngữ của những chú bé mà báo và mọi người vẫn gọi là “*dân bụi*”, những câu nói mang đầy tính khẩu ngữ trong sinh hoạt hàng ngày.

Trong *Phiên tòa* qua ngôn ngữ của người vợ mà chúng ta thấy hiện lên một người phụ nữ ghê ghớm, đanh đá.

“ - Lão ta là một kẻ nát rượu. Một ngày lão tọng vào họng hai chai sáu nhăm vẫn còn chưa đủ....Đêm hôm ấy, tôi không mở cửa chính là để giáo dục lão ta chừa thói rượu chè. Chồng tôi là một thằng bợm rượu, là thằng vô tích sự, bám váy vợ thật đấy nhưng cướp chồng tôi là tôi cho vào tù...

- Con khôn nạn! Đồ gái đĩ già mồm! Bà thì bà gang họng mày ra bây giờ”[17, tr.200].

Còn đây là ngôn ngữ mỉa mai của một bà mẹ kể với cô con gái của chồng. “Bà những tưởng cùng lắm thì cô con chồng, lúc quẫn, cũng chỉ có thể dẫn về một thằng già tóc hoa dâm, cưới quách cho xong chuyện. Cốt để chiếm lấy ngôi nhà. Nếu như thế thì tuy ngôi nhà tuột khỏi tay bà nhưng lòng bà cũng thỏa mãn, vì đã dim được đời nó xuống bùn đen, cho nó bốt vênh cái mặt khi lên”[17, tr.302].

Đối với những người tha hóa về đạo đức hay những người vô học, nhà văn thường xây dựng họ gắn với những khẩu ngữ dễ thấy được phần nào bản tính trong con người họ. Đây là đoạn đối thoại giữa nhà thơ Thục Phi với cánh làm ăn dễ thấy được cái giọng “*khê khê, tinh tướng*”.

“ - Không nói phét! Thơ tao hay nhất tỉnh này! Thơ tao đứng cạnh chúng nó có khác nào loài công đứng bên lũ gà nhép. Vì thế, chúng nó không chịu nổi, chúng nó xúm vào mổ tao. Nhung mà thôi! Thơ phú làm cái mẹ gì. Nghèo kiết xác. Tụi mày cứ yên tâm đi, sẽ có anh đây ở bên cạnh sẵn sàng trợ thủ.

- Hoan hô! Hoan hô ông anh! Uống! Uống! Dô! Dô! Đại ca Thục Phi vạn tuế, vạn vạn tuế”[17, tr.347].

Ngôn ngữ khinh người của những kẻ lăm tiền, nhiều cửa, quyền thế cũng được tác giả miêu tả. Đây là ngôn ngữ của một ông giám đốc đối với một con chó mà ông coi như đối thủ của mình “ Thằng khốn nạn! Ông nghiên hai hàm răng kèn kẹt...Trời ơi! Tiếng tru! Tiếng tru khốn kiếp! cầm mõm lại ngay! Mất trật tự trị an quá. Định không cho ai ngủ nữa hay sao!”[17, tr.378]

Hay lời của ông giám đốc hợm hĩnh, khinh người khi thuê người đến viết bút ký cho công ty.

“Tổng giám đốc chóp chép miệng như đang nhai dở chiếc kẹo cao su:

- Các ông bỏ qua cho chứ tôi lạ quái gì cánh văn chương các ông. Người ta bảo ra ngõ gặp nhà thơ, quả là đúng. Có ông ở phố tôi, hỏi trẻ làm nghề mổ lợn ba toa thế mà năm ngoái nghe đâu cũng là tác giả của mấy tập thơ tình. Chắc là toàn mùi lòng lợn tiết canh...

- Nói mẹ nó là thích xực Mao Đài cho gọn. Nhà văn các anh chúa dài dòng văn tự, chả trách độc giả người ta ngán tận cổ”[18, tr.25].

Trong truyện ngắn, Hồ Thủy Giang còn sử dụng nhiều thành ngữ gần gũi giản dị trong sinh hoạt hàng ngày như: Chết khổ chết sở, cá lớn nuốt cá bé, thuốc đắng dã tật, ngậm bồ hòn làm ngọt, để lâu cứt trâu hóa bùn, nhà cửa nát như tương bần, đi guốc trong bụng...



Việc sử dụng ngôn ngữ đời thường giản dị, suông sã mang đậm tính khẩu ngữ, tác giả đem đến cho người đọc một cái nhìn khá toàn diện về những mặt của cuộc sống, với đầy đủ cách sống, cách cảm, cách nghĩ trong mỗi cá nhân con người như những gì vốn có. Qua đó thể hiện khát vọng được nói thật, nhìn thẳng vào sự thật của nhà văn khi phản ánh, nhìn nhận cuộc sống.

Trong tác phẩm của mình nhà văn Như Lan đã thể hiện rất rõ đặc tính riêng của mình vào tác phẩm. Đó là sử dụng ngôn ngữ rất dung dị, đời thường, như chính con người chị vậy. Không những thế chị còn đưa khá nhiều tiếng địa phương vào tác phẩm của mình, xuất hiện ở cả ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ người trần thuật. Những tiếng địa phương đưa vào tác phẩm đã được nhà văn, chọn lọc, tuyển chọn kĩ lưỡng. Nhờ đó mà câu chuyện trở lên sinh động, mang giọng điệu riêng của người miền núi, làm cho câu chuyện có sức thuyết phục hấp dẫn người đọc. Bởi nó dung dị nên cũng chính vì thế mà người đọc dễ dàng tiếp thu và đón nhận nó một cách dễ dàng. Dường như không dụng công khi miêu tả nhưng lại đạt đến trình độ nghệ thuật cao, bởi chính thứ ngôn ngữ đời thường ấy. Cũng như khi viết tựa đề cho cuốn “Cọn nước đôi” nhà văn Nguyễn Hoàng Sáu đã từng viết: “ Tôi đã đọc vài truyện ngắn của Lan rồi, truyện nào cũng thấm hơi thở của vùng cao, nên lúc chưa gặp tôi cứ đoán rằng tác giả phải là một người phụ nữ với khuôn người “đặc trưng” với váy áo chàm, bắp chân to vì leo núi nhiều, rồi cả giọng nói tiến Kinh lơ lơ nữa...Nhưng trái lại, Lan nhỏ nhắn, hay nói, hay cười, giọng nói thì chả pha chút “đồng bào” tẹo nào. Tôi lạ lẫm về điều này. Vậy nên tôi cứ mong có lúc tiện thì hỏi xem bí kíp để một người phụ nữ chả có chút “bản sắc” nào thế kia mà lại viết được những điều sâu sắc về con người, tập quán, cảnh sắc của người vùng cao như thế...”. Để thấy những dung dị, đời thường mang đậm chất dân tộc của người miền núi luôn có sẵn, thường trực trong chính con người chị nên hầu hết những tác phẩm của chị ngôn ngữ đều dễ hiểu, và một phần lớn chính là ngôn ngữ địa phương được đưa vào tác phẩm.

Tiếng địa phương thường được nhà văn sử dụng để diễn tả tiếng kèn gọi bạn tình của các chàng trai tỏ tình cùng người con gái mà họ yêu:

- “..Tù mua ơ, pi lâu pi nhueê pây trôngs noông pau noông, pau noông thoôi tì se pán tau ti lâus tua, lớ tháchs hoỏ cứ nha. Pi lâus laà hé doóng, tua laus cuôn pừ hai pét lâu la lù laâu cừa kha khúa...”.

(...Em ơi, anh lên núi cao hỏi bầy chim, chim sải cánh đưa chân anh tới nơi em ở. Anh vào rừng thăm, gió rừng rì rào nói hộ anh lời yêu thương nhớ em ra điết...).

Lời ai oán của chàng trai khi cô gái không đáp lại chàng trai, để chàng trai thánng ngày theo đuổi : “ Bjoóc ngám, phong phú bầu tam, Bjoóc khót rác pền ăn chẳng sliệt....” (Hoa chúm chim mới nở không đi tìm hoa nở kết trái rồi mới tiếc...).

Tiếng địa phương còn được nhà văn miêu tả trong tiếng hát ru: *Tiếng chim Kỷ Giàng*:

- “ ....Cứ tủa mấy troông tua  
Mấy ả troông pành tàu  
Mấy lá chùa trềnh troông Sĩa Sĩa...”

(...Này bé ngoan ta ơi!

Đừng rầy đừng đập

Bé ơi đừng hờn dỗi

Bé lớn nhanh thành núi cao vời vợi...”

Bên cạnh những bài ca, bài hát trong các truyện nhà văn Như Lan còn đưa một số câu trong lời nói sinh hoạt hằng ngày của họ như một số câu như: *Dí, Nĩa, mế (cha, mẹ), Phạ (ông trời), xào pháo (trao duyên), lồng tồng (xuống đồng), đất cáy (dặm cưới), minh hom (dặm ngõ)*. Đọc những câu văn trên độc giả như đắm mình vào thế giới ngoài thực tế, nhập vào đời sống văn hóa của người miền cao, tự hào trong nét đẹp trong ngôn ngữ của các dân tộc. Khi tìm hiểu về ngôn ngữ trong truyện ngắn của nhà văn Như Lan chúng tôi thấy nhà văn đã phản ánh phong cách giao tiếp đặc trưng của người miền núi, Họ sử dụng dày đặc các so sánh ví von, thể hiện cách tư duy, liên tưởng phong phú.

### 3.3.2. Ngôn ngữ mang đậm sắc thái dân tộc

Thái Nguyên là mảnh đất đa văn hóa, đúng hơn là văn hóa Thái Nguyên chịu ảnh hưởng tác động của văn hóa các vùng miền, chủ yếu là vùng núi phía Bắc, có sự giao thoa của văn hóa vùng xuôi do cư dân Thái Nguyên có một bộ phận không nhỏ là người miền xuôi lên khẩn hoang, lập quê từ hàng trăm năm trước. Do vậy, văn học Thái Nguyên nói chung và truyện ngắn Thái Nguyên nói riêng có dấu ấn rất rõ của văn hóa miền núi, trong đó có ngôn ngữ nghệ thuật - một thứ ngôn ngữ mang đậm sắc thái dân tộc.

Dấu ấn về phong cách giao tiếp của đồng bào vùng cao thể hiện ngay trong cách dùng từ, chọn hình ảnh...hay đó là thói quen sử dụng cách ví von, so sánh giàu hình ảnh. Dù xuất phát điểm chính là ngôn ngữ địa phương, mang đặc điểm dung dị, đời thường, tuy nhiên bên cạnh đó người đọc còn thấy được đằng sau đó chính là ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu chất so sánh, liên tưởng. Nhưng vẫn đậm chất miền núi không pha tạp.

Giàu hình ảnh, giàu so sánh ngay ở chính ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày. Ngôn ngữ in đậm phong cách giao tiếp của người miền núi được thể hiện qua cách so sánh ví von giữa vẻ đẹp của núi rừng với những hình ảnh giản dị mộc mạc đậm chất miền núi, hình ảnh những ngôi nhà “bé xíu san sát, đứng ngời lỏm ngòm trên lưng núi hươu lớn, trên đầu hươu là “đôi sừng” tua tủa những “gạc ba”, “gạc bảy” bám chặt vào những vách đá, chen lẫn vào màu xanh đậm của rừng”. (*Bông bênh sương núi*)

Hình ảnh của con người gắn với những cảnh đẹp của thiên nhiên của núi rừng rất đời quen thuộc gần gũi. Khi tìm hiểu về những tác phẩm của nhà văn Như Lan, chúng tôi thấy cuộc sống của người dân gắn liền với thiên nhiên núi rừng. Đó là những đứa trẻ khi mới sinh ra, dù là ở bản nào đi nữa đều được uống ngụm nước suối mát lành tinh khiết, họ tin rằng uống nước rừng thì đứa trẻ khỏe mạnh, đi đâu cũng nhớ cội nguồn, điển hình như truyện *Bên dòng Nậm Ún* “Quanh năm suốt tháng, nước suối ở đây được mặt trời

đun nóng từ trong bụng núi bốc hơi ẩm nóng. Con suối gắn liền với sự sinh tồn của dân bản Cuôn. Những đứa trẻ mới sinh ra đều được già bản cho uống ngụm nước suối tinh khiết lót dạ trước khi ăn dòng suối ngọt ngào của mẹ, ngày đêm được hít thở hơi suối phả ra, nên tụi trẻ ai cũng trắng trẻo, hồng hào, người già thì khỏe mạnh minh mẫn.”. Hình ảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp gần gũi giản dị “...Tháng chín mặt trời đánh lửa trên đỉnh núi Khau Khiên, chia nắng xuống rừng, đuôi sương trên lá”.

Ở đây, trong lễ cúng, các màu sắc trong đĩa xôi được người dân so sánh với những hình ảnh thiên nhiên sống động của núi rừng “Xôi đỏ là mặt trời đang tải nắng xuống mặt đất cho cây trái đâm chồi, nảy lộc, mùa màng tươi tốt, chim muông hót vang rừng, con người sống hòa thuận vui vẻ. Xôi trắng tượng trưng cho mặt trăng bơi giữa dòng sông sao lấp lánh, tỏa ánh sáng như bạc xuống núi rừng để cho các đôi trai tài gái sắc, nam thanh, nữ tú tuổi nụ, tuổi hoa hẹn hò, tự tình trao nhau lời hát trao duyên mặn nồng say đắm để rồi từng đôi lên duyên chồng vợ, con cháu xum vầy, hạnh phúc” (*Bên dòng Nậm Ún*), những ngôn ngữ ví von những hình ảnh gần gũi với cuộc sống của người dân miền núi thể hiện sâu sắc bản chất miền núi. Người dân ở đây nói đến tuổi tác là nói đến sự gian khổ già nua của cuộc đời, sự trôi qua nhanh của cuộc sống cũng bằng những hình ảnh thiên nhiên “Cuộc đời tôi cũng bước sang ranh giới của sự héo hon tàn phai. Tôi đan cận kề chơi vui như chiếc lá già sắp nhuộm màu vàng thì tôi mới thấy được sự mong chờ đặng đặng, với biết bao hi vọng của tôi theo thời gian sao mà nhanh thế? Vừa một tiếng thở dài đã hơn hai mươi con lũ trôi” (*Mùa hoa gắm*). Khi nói tới sự khỏe mạnh của người đàn ông miền núi, nhà văn cũng ví như những cây rừng “Anh rể cứng cỏi như cây tre, cây trúc. Người anh găm đầy vết sẹo của bom đạn thẳng giặc, nhưng đôi chân anh khỏe chắc, bước chân phàm phạp như nhát cước (...) Miệng anh rể nói ngọt như nước song Nậm Thoong (...). Anh rể như cây lê, cây đào khỏe về vóc dáng lại ngọt ngào vị quả”.

Phong cách giao tiếp của đồng bào dân tộc thiểu số còn được thể hiện qua ngôn ngữ đối thoại, với những ngôn ngữ đậm chất dân tộc với những từ, những câu thông dụng của người dân tộc:

“Sìn làu bàu:

- Dí biết cái bụng con không thể ở với nó được mà.

- Ấy dà! Mày trát đất bùn vào mặt tao như thế chưa đủ sao? Mày... mà đã làm bố thằng trẻ con rồi đấy.

Sìn tròn mắt kinh ngạc, thoáng thốt:

- Dí, sao thế được? Cái đứa vợ ấy con chưa đụng vào người nó mà.”

(*Bông bênh sưng núi*).

Hay tác phẩm *Phố trên đá* phong cách giao tiếp của người dân miền núi được thể hiện rất đặc sắc và tinh tế, thể hiện cuộc sống giản dị, ngôn ngữ cũng giản dị:

“Chứ à, mày lớn tuổi rồi, đã để mắt tới đứa con gái nào chưa?

- Chứ lúng túng rồi ấp úng:

- Có à...à chưa nữa à.

- Cái thằng này sao thế? Hơn ba chục tuổi đầu rồi còn để đến bao giờ?

- Nữa à, vội gì, con...con có chỗ rồi.

- Chỗ nào thế? Nói để nĩa còn lo. Nĩa già rồi, không biết sống chết thế nào.

- Chứ chần chừ một lúc rồi đưa cho mẹ xem cái khăn thêu hoa bjoóc lấp trắng muốt hình trái tim. Thoáng đỏ mặt, Chứ ngập ngừng:

- Nĩa à, của Nhí

Trong ánh sáng nhập nhòa của ngọn điện cuối nguồn, Chứ thấy mẹ kín đáo giấu nụ cười đi”.

Trước sự lo lắng của người mẹ khi thấy con trai mình chưa thấy nhắc tới người mà trong lòng yêu thương, bà lo lắng khi tuổi già đang theo đuổi bà từng ngày, qua những câu hỏi nhẹ nhàng cuộc nói chuyện của hai mẹ con rất thân mật gần gũi yêu thương.

Hoặc những câu nói dân dã quen thuộc trong lối giao tiếp hàng ngày, khi chúng ta đọc câu truyện dường như chúng ta là nhân vật trong hoàn cảnh đó, vì những ngôn ngữ này rất đời mộc mạc giản dị: “Hon à, lên nhà nhen lửa thôi, mà ỳ định để hai mẹ con cùng ngồi đây mà cái bụng đói à? Ấy da! Mà ỳ đừng có thở dài như thế, con gái thở cái tiếng ấy không sướng đâu”. (*Trôi trong mây gió*)

Người dân miền núi không tính thời gian như người miền xuôi mà họ tính thời gian bằng những ngày mùa các mùa cây hoa, lương thực trên nương “Khi tôi ăn được bấy mùa cây lúa trên nương cho hạt....” (*Cây thiêng trong lũng núi*), “Vừa qua một tiếng thở dài đã hơn hai mươi con lữ trôi”, “Từ lúc thằng Sùng Choóng con trai ông mới được ba mùa mía cho mật”, “Con tôi mới tắm nắng trời được năm năm”, “Chị Ngải nhìn thấy mặt trời trước tôi mười con lữ về, con lữ lại đi”, “Khi tôi sinh ra được sáu mùa lúa, thì bố tôi đi bộ đội”, “bố tôi xa nhà đã hơn ba mùa lúa trên nương”...

Qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu chất so sánh liên tưởng của nhà văn Như Lan ở hầu hết những tác phẩm, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra, chính những nét ăn ở, những phong tục tập quán và những thói quen của người miền núi vốn ăn sâu vào chị, đã khiến văn chương của chị cũng dung dị, đời thường như thế. Dù ở truyện nào, ở nhân vật nào ta đều thấy bóng dáng của những con người tảo tần nơi núi rừng. Họ sinh ra và lớn lên tại chính những vùng quê nghèo khổ. Cho nên tất cả truyện ngắn của Bùi Thị Như Lan như chính những lát cắt về số phận con người, và không có gì là xa lạ, khi chính họ là những người vùng cao, mở mắt ra thấy núi đồi, với tay chạm vào vách đá, tai quen nghe tiếng chim hót, lên nương gặp “bồng bênh sương núi”... Ngay tại đó ta bắt gặp hình ảnh một cô gái mang đầy những trăn trở về những con người nơi đây. Đó dường như cũng chính là lí do vì sao Bùi Thị Như Lan viết nhiều về miền núi như vậy, mà hầu hết đều về những con người miền núi mang những cuộc sống riêng.

### Tiểu kết chương 3

Truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn đầu thế kỉ XXI có những đặc trưng khá rõ về phương diện nghệ thuật. Trước hết là nghệ thuật xây dựng cốt truyện. Kiểu cốt truyện truyền thống, đơn tuyến, nhìn chung, vẫn là kiểu cốt truyện chủ đạo. Điều này phần nào bộc lộ những hạn chế không tránh khỏi của truyện ngắn Thái Nguyên với tư cách là một bộ phận văn học mang tính địa phương rõ nét. Các tác giả truyện ngắn Thái Nguyên phần lớn là những cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan trên địa bàn. Họ là những người viết văn không chuyên nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh đó, truyện ngắn Thái Nguyên cũng có những dấu hiệu khởi phát đáng vui mừng và trân trọng. Một số nhà văn đã có những sáng tạo, thậm chí cách tân theo xu hướng hiện đại. Biểu hiện cụ thể ở các kiểu loại cốt truyện phi tuyến tính, kiểu cốt truyện hiện thực - cổ tích và kiểu cốt truyện hiện thực - huyền ảo. dấu hiệu đáng mừng là ở chỗ, ngoài các nhà văn ít nhiều mang tính chuyên nghiệp như Phạm Đức, Hồ Thủy Giang, Bùi Thị Như Lan..., còn có một số tác giả trẻ mà dấu ấn sáng tạo của họ khá rõ như các tác giả Nhật Huy, Phan Thái, Hoàng Hiền, Trần Nhung... Họ góp phần làm cho truyện ngắn Thái Nguyên thêm đa dạng và phong phú.

Nghệ thuật miêu tả nhân vật cũng được các tác giả Thái Nguyên quan tâm và có được những dấu ấn thành công nhất định. Nhìn chung, trong truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI, nghệ thuật miêu tả nhân vật được biểu hiện chủ yếu ở các khía cạnh: khắc họa tính cách nhân vật thông qua miêu tả ngoại hình, nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật thông qua miêu tả hành động và ngôn ngữ nhân vật; nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua độc thoại nội tâm. Chính bởi nhân vật trong truyện ngắn Thái Nguyên mang dấu ấn dân tộc, miền núi rõ nét nên ngôn ngữ nghệ thuật của các tác giả cũng có sự đan xen, kết hợp khá hài hòa giữa ngôn ngữ dung dị đời thường và ngôn ngữ mang đậm sắc thái dân tộc.

Tóm lại, qua một số phương diện nghệ thuật trong truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI, người đọc phần nào nhận diện được những đặc trưng cơ bản của truyện ngắn Thái Nguyên, dấu ấn sáng tạo của từng tác giả và hơn hết, ở đó bộc lộ được cả những thành công và cả những hạn chế khó tránh khỏi của truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn này.

## KẾT LUẬN

Nghiên cứu truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI, chúng tôi thu được những kết quả sau đây:

1. Thái Nguyên không chỉ có chiều dày lịch sử, văn hóa, miền đất địa linh nhân kiệt với những danh tướng lừng lẫy trong lịch sử, Thái Nguyên còn là một trung tâm văn hóa, giáo dục lớn của khu vực miền núi phía Bắc. Từ những năm 60 của thế kỉ trước, Thái Nguyên đã có một đội ngũ nhà văn đông đảo là những tinh hoa của nền văn nghệ khu vực miền núi phía Bắc. Từ khi Hội văn học Nghệ thuật Thái Nguyên được thành lập (1987) đến nay, đội ngũ văn nghệ sĩ Thái Nguyên đã không ngừng lớn mạnh, góp phần quan trọng vào đời sống văn học của khu vực miền núi phía Bắc nói riêng cũng như đời sống văn học Việt Nam đương đại.

2. Truyện ngắn Thái Nguyên chiếm một vị thế quan trọng trong nền văn xuôi Thái Nguyên. Trong suốt 15 năm đầu thế kỉ XXI, truyện ngắn Thái Nguyên đã có một đội ngũ tác giả đông đảo, trong đó có nhiều tác giả trẻ. Nội dung nổi bật trong truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn này là sự mở rộng về đề tài và biên độ phản ánh, sự phong phú, đa dạng về cảm hứng nghệ thuật; sự tiếp nối khá hài hòa giữa tính truyền thống và hiện đại, cùng với ý thức lao động nghệ thuật nghiêm túc và không ngừng sáng tạo, truyện ngắn Thái Nguyên đã có được những thành công nhất định, thuyết phục và giành được sự yêu mến của bạn đọc Thái Nguyên cũng như bạn đọc cả nước.

3. Thành tựu nổi bật nhất của truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn đầu thế kỉ XXI chính là ở phương diện nghệ thuật. Trong đó nổi bật là nghệ thuật xây dựng cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật và ngôn ngữ nghệ thuật. Bên cạnh cốt truyện truyền thống theo thời gian tuyến tính, xu hướng xây dựng cốt truyện theo thời gian phi tuyến tính, cốt truyện đan xen giữa hiện thực và huyền ảo được các tác giả Thái Nguyên hết sức quan tâm, sử dụng và có được những thành công nhất định. Truyện ngắn Thái Nguyên giai đoạn đầu thế kỉ XXI còn



nổi bật ở các phương diện nghệ thuật xây dựng nhân vật và nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ. Các nhân vật trong truyện ngắn Thái Nguyên được miêu tả, khắc họa rất linh hoạt và đa dạng, từ việc miêu tả qua ngoại hình, đến miêu tả qua hành động, tính cách, tâm lí nhân vật. Cách miêu tả này làm cho nhân vật hiện lên một cách chân thực và hết sức sinh động. Mặt khác, góp phần bộc lộ phong cách và cá tính sáng tạo của từng nhà văn.

4. Mặc dù đã đạt được một số thành tựu nhất định, truyện ngắn Thái Nguyên đầu thế kỉ XXI cũng còn bộc lộ những hạn chế: nội dung phản ánh còn đơn điệu, thiếu sự khái quát cần thiết, phạm vi phản ánh còn hạn hẹp, thiếu những tác phẩm có chiều sâu; cốt truyện chưa thoát khỏi sự sơ lược, thiếu dấu ấn của sự sáng tạo. Mặt khác, vốn sống và sự trải nghiệm ở một số tác giả Thái Nguyên còn bộc lộ những hạn chế, điều này chi phối đến năng lực biểu hiện tác phẩm. Ngôn ngữ nghệ thuật vừa thiếu tính gọt rũa, tinh luyện, vừa chưa đủ độ tự nhiên, chân thật cần thiết, phù hợp với bản chất và tính cách của người miền núi.

5. Trong phạm vi một luận văn thạc sĩ, với sự hiểu biết còn hạn hẹp và năng lực viết còn hạn chế, bản thân tôi nhận thấy những kết nghiên cứu của mình còn chưa biểu hiện được tầm vóc và vị thế của truyện ngắn Thái Nguyên. Nhiều vấn đề quan trọng về nội dung cũng như nghệ thuật chưa được khai thác. Nhiều vấn đề lí luận và thực tiễn chưa được khơi gợi. Tuy nhiên, với những gì đã đạt được, tôi đã phần nào thể hiện được diện mạo của truyện ngắn Thái Nguyên trên cơ sở những nét căn bản nhất. Mọi nghiên cứu sâu hơn, rộng hơn về truyện ngắn Thái Nguyên nói riêng và văn chương Thái Nguyên nói chung xin dành cho những công trình nghiên cứu sau này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (1990), *150 Thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Lê Huy Bắc (1998), Giọng và giọng điệu trong văn xuôi hiện đại, *Tạp chí văn học số 9/1998*
3. Lê Huy Bắc (2004), *Truyện ngắn, lý luận và tác phẩm*. Nxb Giáo dục. Hà Nội
4. Đặng Việt Bích (2006), *Tìm hiểu văn hóa dân tộc*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Đức Đan (2007), “Người nghệ sĩ của cái đẹp”, Báo Điện tử Tổ quốc, ngày 23/7.
6. Nguyễn Văn Dân (1999), *Nghiên cứu văn học, lý luận và ứng dụng*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp nghiên cứu văn học*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Phạm Văn Đồng (2006), *Về văn hóa và văn học nghệ thuật*. Nxb Văn học, Hà Nội
9. Hà Minh Đức - Chủ biên (1997), *Lý luận văn học*. Nxb Giáo dục. Hà Nội
10. Hà Minh Đức (2006), *Suy nghĩ về một vài hướng tìm tòi đổi mới trong văn học*. Văn nghệ số 12 (2410).
11. Hà Minh Đức (Chủ biên) (1999), *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*. Viện văn học, Hà Nội.
12. Phương Dung - Lê Hằng (2005), *Đặc điểm truyện ngắn Hồ Thủy Giang*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Khoa ĐT.GV.THCS, ĐHSP Thái Nguyên.
13. Hồ Thủy Giang (2004), *Văn học Thái Nguyên tác giả - Tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
14. Hồ Thủy Giang (2008), *Nhà có 5 người*, Nxb Văn hóa dân tộc.
15. Hồ Thủy Giang (1989), *Con tàu đến muộn*, Nxb Văn học.
16. Hồ Thủy Giang (1990), *Bông hoa cô đơn*, Nxb Văn học.
17. Hồ Thủy Giang (2002), *Truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Văn học.
18. Hồ Thủy Giang (2005), *Mùa gió heo may*, Nxb Lao động.
19. Hồ Thủy Giang (2010), *Người đẹp thường nhiều bí ẩn*, Nxb Văn học.
20. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

21. Lê Bá Hân, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2000), *Từ điển Thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Hạnh, Phùng Như Phương (2002), *Lý luận văn học - vấn đề suy nghĩ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
23. Hoàng Ngọc Hiến (1997), *Văn học và học văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
24. Nguyễn Thái Hòa (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*. Nxb giáo dục. Hà Nội.
25. Nguyễn Thái Hòa (2007), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
26. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Phương Thảo, Nguyễn Vũ (2002), *Từ điển văn hóa dân gian*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
27. Bùi Nhật Lai (2006), *Người đàn bà ấy*, Tập truyện ngắn, Nhà Xb Hội Nhà văn.
28. Nguyễn Lai (1996), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
29. Bùi Thị Như Lan (2012) - *Cơn nước đôi* - Tập truyện ngắn - NXB QĐND
30. Bùi Thị Như Lan (2015) - *Tiếng kèn Pí lè* - Tập truyện ngắn - Nxb Quân đội nhân dân
31. Bùi Thị Như Lan (2004) - *Tiếng chim Kỷ Giàng* - Tập truyện ngắn - NXB QĐND
32. Bùi Thị Như Lan (2005) - *Mùa hoa mắc mật* - Tập truyện ngắn - NXB Thanh Niên
33. Bùi Thị Như Lan (2006) - *Hoa mía* - Tập truyện ngắn - NXB Thanh Niên
34. Bùi Thị Như Lan (2007) - *Lời Sli vắt ngang núi* - Tập truyện ngắn - NXB QĐND
35. Bùi Thị Như Lan (2011) - *Bồng bênh swong núi* - Tập truyện ngắn - NXB Văn hóa Dân tộc
36. Bùi Thị Như Lan (2013) - *Mùa hoa Bjooc Phạ* - Tập truyện ngắn - NXB Kim Đồng
37. Bùi Thị Như Lan (2015) - *Những con đường sau lặng im tiếng súng* - Bút kí - Nhà xuất bản Giao Thông Vận Tải
38. Mã Giang Lân (1995), *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 - 1945*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
39. Lê Nin (1997), *Bàn về văn hóa văn học*. Nxb Văn học, Hà Nội.

40. Phong Lê (1976), *Văn và người*, Nxb Văn học, Hà Nội.
41. Phong Lê (1985), *Trên hành trình bốn mươi năm văn xuôi: Ngôn ngữ và giọng điệu*, Nxb Văn học, Hà Nội.
42. Phong Lê (1994), *Văn học và công cuộc đổi mới*, Nxb Văn học, Hà Nội.
43. Lê Nguyên Long (2003), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
44. Phương Lựu (chủ biên) (2004), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
45. Nguyễn Đăng Mạnh (1983), *Nhà văn, tư tưởng và phong cách*, Nxb Văn học, Hà Nội.
46. Nguyễn Đăng Mạnh (1985), "Lý luận và phê bình văn học - Những vấn đề gì đang đặt ra", *Tạp chí văn nghệ Quân đội (số 4)*.
47. Phan Ngọc (2006), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*. Nxb Văn học, Hà Nội.
48. Trần Thị Mai Nhi (1994), *Thi pháp hiện đại*. Nxb Văn học, Hà Nội.
49. Nhiều tác giả (1996), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
50. Nhiều tác giả (1997), *Lý luận văn học* (Phương Lựu chủ biên), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
51. Nhiều tác giả (2009), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Vi Phương (2016), "Truyện ngắn Thái Nguyên - mười năm nhìn lại", *báo VNTN*, số 43
53. Tuyển tập Văn xuôi Thái Nguyên (2001 – 2006). Nxb Hội Văn học nghệ thuật Thái Nguyên (2007).
54. Tuyển tập Văn xuôi Thái Nguyên (2006 – 2015). Nxb Đại học Thái Nguyên (2015).
55. Trần Đình Sử (1998), *Giáo trình Dẫn luận thi pháp học*.
56. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
57. Lâm Tiến (2003), *Truyện ngắn Văn nghệ Thái Nguyên*, Nxb Giáo dục
58. Văn học Thái Nguyên, Nxb Giáo dục
59. Hoàng Vinh (1996), *Một số vấn đề lý luận văn hóa thời kì đổi mới*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Phạm Văn Vũ, *Ngẫu luận*, Nxb Hội nhà văn